

Số: 308/KH-UBND

Lào Cai, ngày 08 tháng 10 năm 2019.

KẾ HOẠCH

Phát triển huyện Sa Pa năm 2019-2020 và giai đoạn năm 2021-2025.

Thực hiện Thông báo Kết luận số 886-KL/TU ngày 04/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuẩn bị các công việc thành lập thị xã Sa Pa, xây dựng kế hoạch phát triển huyện Sa Pa năm 2019-2020 và giai đoạn năm 2021-2025, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch Phát triển huyện Sa Pa năm 2019-2020 và giai đoạn năm 2021-2025, cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Để phát triển huyện Sa Pa trong năm 2019-2020 và giai đoạn năm 2021-2025, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch phát triển Sa Pa tập trung vào ba mục đích sau đây: **Một là:** Thành lập và đảm bảo hoạt động của Thị xã Sa Pa; **Hai là:** Xây dựng, phát triển khu du lịch quốc gia Sa Pa; **Ba là:** Phát triển nông thôn, giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Sa Pa.

2. Yêu cầu

- *Đảm bảo các điều kiện cần thiết thị xã Sa Pa hoạt động từ ngày 01/01/2020:* Tại Nghị quyết 767/NQ-UBTVQH14 ngày 11/9/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc Hội đã vận dụng trường hợp đặc biệt để thành lập thị xã Sa Pa (có hiệu lực từ ngày 01/01/2020). Do đó tỉnh Lào Cai, huyện Sa Pa khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo các điều kiện cần thiết để bộ máy Thị xã đi vào hoạt động ổn định.

- *Nâng tầm phát triển cho khu du lịch quốc gia Sa Pa:* Giải quyết các khó khăn, vướng mắc về bãi đỗ xe tĩnh, phát triển các tuyến giao thông đối ngoại, đảm bảo cấp điện, cấp nước, đảm bảo vệ sinh môi trường, xử lý tình trạng bán hàng rong, chèo kéo khách du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch mới, tiếp tục đôn đốc nhà đầu tư xây dựng các cơ sở lưu trú, khu vui chơi giải trí; hoạt động hiệu quả Ban quản lý khu du lịch quốc gia Sa Pa, ban hành quy chế quản lý du lịch cộng đồng...

- *Phát triển khu vực nông thôn, giảm nghèo bền vững cho huyện Sa Pa xứng tầm với việc thành lập thị xã Sa Pa:* Nâng cao chất lượng và số lượng các xã đạt tiêu chí nông thôn mới; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn gắn với hoạt động du lịch; đề xuất tháo gỡ, xử lý những vi phạm làm nhà trên đất nông nghiệp;

B. NỘI DUNG THỰC HIỆN

B1. GIAI ĐOẠN NĂM 2019-2020

I. Nhiệm vụ thành lập và đảm bảo hoạt động Thị xã Sa Pa

1. Giai đoạn từ nay đến thời điểm Nghị quyết thành lập thị xã Sa Pa có hiệu lực (ngày 01/01/2020)

1.1. Về tổ chức công bố thành lập thị xã Sa Pa

Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Huyện ủy - UBND huyện Sa Pa, các cơ quan, ban, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết tổ chức lễ công bố “thành lập thị xã Sa Pa và các phường, xã thuộc thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai” và chuỗi các hoạt động chào mừng,... Việc tổ chức Lễ công bố phải thiết thực, tiết kiệm, ý nghĩa, có hiệu quả gắn với quảng bá du lịch Sa Pa, đảm bảo thị xã Sa Pa và các phường, xã thuộc thị xã Sa Pa đi vào hoạt động chính thức ngày 01/01/2020; báo cáo UBND tỉnh kế hoạch chi tiết Lễ công bố vào ngày 11/10/2019;

- Quy mô tổ chức lễ công bố: Cấp tỉnh;
- Thời gian tổ chức lễ công bố vào ngày 28/12/2019 (thứ bảy);
- Địa điểm: Tại thị trấn Sa Pa;

1.2. Về bộ máy quản lý

- Trong tháng 10/2019, đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa hoàn thiện, báo cáo Tỉnh ủy phương án tổ chức bộ máy, cán bộ thị xã Sa Pa.

- Về bộ máy quản lý, cán bộ công chức các xã, phường:

+ Về bộ máy quản lý: Trong tháng 10/2019 Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa xây dựng xong phương án, chỉ định cán bộ chủ chốt các xã, phường, đảm bảo có đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện các nhiệm vụ lâm thời (nhận bàn giao mốc địa giới hành chính, chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho bộ máy phường, xã hoạt động chính thức từ ngày 01/01/2020).

+ Về đội ngũ CBCC xã, phường: Đối với CBCC dôi dư (28 người) cho áp dụng Điều 9 Nghị quyết số 653/2019/NQ-UBTVQH4 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhằm ổn định tâm lý, cuộc sống cho cán bộ, công chức sau khi thành lập thị xã và tổ chức sắp xếp lại bộ máy.

- Đối với lực lượng công an, quân sự các xã, phường: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trong tháng 10/2019 xây dựng phương án kiện toàn chức danh công an, quân sự xã, phường; bổ sung lực lượng cho thị xã Sa Pa đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội cho các phường từ ngày 01/01/2020.

- Hình thành tổ chức bộ phận quản lý trật tự đô thị tại 06 phường của thị xã Sa Pa: Huyện Sa Pa chủ động nghiên cứu quy định hiện hành, đề xuất phương án, gửi Sở Nội vụ thẩm định; tham mưu báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh xem xét.

1.3. Về trụ sở làm việc các xã, phường hoạt động sau thành lập thị xã

a) Phương án Trụ sở làm việc của 06 phường thành lập mới (phương án tạm để đảm bảo hoạt động ngày 01/01/2020)

- Phường Sa Pa: Giữ nguyên thiết chế hiện có, sử dụng trụ sở UBND thị trấn Sa Pa hiện nay, trụ sở công an của thị trấn Sa Pa, không cần xây dựng mới;

- Phường Hàm Rồng: Trụ sở phường sử dụng trụ sở hiện có của xã Sa Pa; Trụ sở Công an phường dự kiến xây dựng dựng tạm nhà khung thép tại quỹ đất có sẵn của Trạm Y tế xã Sa Pa.

- Phường Phan Si Păng: Bố trí trụ sở phường, trụ sở Công an phường tại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện tạm thời quản lý (thuộc tổ dân phố số 11A, thị trấn Sa Pa hiện nay): Xây dựng nhà khung sắt;

- Phường Sa Pa: Xây dựng tạm trụ sở phường, trụ sở công an phường tại quỹ đất sau trụ sở Trung tâm y tế dự phòng huyện Sa Pa: Xây dựng nhà khung sắt;

- Phường Ô Quý Hồ: Sử dụng cơ sở vật chất của Trường Mầm non và Trạm Y tế cũ làm trụ sở phường và trụ sở Công an phường mới thành lập (thuộc tổ dân phố số 13, thị trấn Sa Pa hiện nay);

- Phường Cầu Mây: Trụ sở phường: cải tạo, sửa chữa trụ sở hiện nay của xã Lao Chải; Trụ sở công an phường: Làm nhà khung thép tại vị trí nhà bưu điện cũ.

b) Phương án Trụ sở làm việc của 10 xã

- Xã Hoàng Liên: Sử dụng trụ sở hiện có của xã San Sả Hồ;

- Xã Mường Hoa: Sử dụng trụ sở hiện có của xã Sừ Pán;

- Xã Thanh Bình: Sử dụng trụ sở hiện có của xã Bản Phùng;

- Xã Mường Bo: Sử dụng trụ sở hiện có của xã Thanh Phú;

- Xã Liên Minh: Sử dụng trụ sở hiện có của xã Nậm Cang;

- Xã Ngũ Chi Sơn: Sử dụng trụ sở hiện có của xã Bản Khoang;

- Xã Tả Phìn: Sử dụng trụ sở hiện có của xã Tả Phìn;

- Xã Tả Van: Sử dụng trụ sở hiện có của xã Tả Van;

- Xã Bản Hồ: Sử dụng trụ sở hiện có của xã Bản Hồ;

- Xã Trung Chải: Sử dụng trụ sở của xã Trung Chải hiện nay.

Giao UBND huyện Sa Pa triển khai thực hiện ngay sau khi có Quyết định giao danh mục chuẩn bị đầu tư của tỉnh, kịp thời đưa trụ sở các xã, phường vào hoạt động từ ngày 01/01/2020.

1.4. Đảm bảo tài chính, ngân sách cho hoạt động của thị xã Sa Pa

1.4.1. Xây dựng dự toán, cân đối ngân sách, đảm bảo kinh phí chi hoạt động cho thị xã, các phường

Theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì tiêu chí thị xã và các phường phải đảm bảo tự cân đối thu, chi ngân sách; đối với huyện Sa Pa hết năm 2018 số thu ngân sách cấp

huyện được hưởng theo phân cấp mới đáp ứng được 58% tổng nhu cầu chi. Do đó trong năm 2019, giao Sở Tài chính chủ trì, nghiên cứu báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh đảm bảo phương án thu chi cho Thị xã và các phường có thể xem ban hành cơ chế đặc thù riêng về phân cấp các khoản thu cho huyện Sa Pa, như *điều chuyển các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp Thủy điện hiện do Cục Thuế tỉnh quản lý thu về Chi cục Thuế huyện quản lý thu; Xem xét quy định tăng tỷ lệ điều tiết các khoản thu từ thuế, phí đang quy định hiện tại về cho ngân sách huyện và các xã, thị trấn, đặc biệt phân cấp mạnh nguồn thu từ tiền sử dụng đất về cho ngân sách huyện; Xem xét tăng tỷ lệ điều tiết và phân chia thêm tỷ lệ điều tiết các khoản thu về cho ngân sách cấp phường được hưởng để đảm bảo cân đối được thu, chi ngân sách các phường...*

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài chính.

- Thời gian thực hiện: Trong tháng 10-12/2019

1.4.2. Đảm bảo kinh phí giải quyết chế độ, chính sách chịu ảnh của việc điều chỉnh địa giới hành chính khi thành lập thị xã

Trong tháng 10/2019, UBND huyện Sa Pa tổ chức rà soát, tổng hợp các chính sách, chế độ đối với CBCC, viên chức, học sinh, người dân không được hưởng sau khi thành lập thị xã, báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh xem xét cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tại các phường để người dân từng bước ổn định cuộc sống và có thời gian tạo dựng sinh kế mới. Trong đó xem xét thời gian hỗ trợ đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Cơ quan chủ trì hướng dẫn huyện Sa Pa thực hiện: Sở Tài chính.

- Thời gian thực hiện: Trong tháng 10-12/2019

1.4.3. Phương án xử lý tổng thể tài sản các trụ sở đôi dư sau khi sáp nhập các xã:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với huyện Sa Pa lập phương án xử lý (bao gồm: Trường học, trụ sở UBND các xã, trạm y tế, nhà văn hóa xã,...); báo cáo UBND tỉnh xem xét trong tháng 11/2019;

1.5. Chính trang đô thị chào mừng thành lập thị xã

Giao UBND huyện Sa Pa xây dựng kế hoạch chi tiết về chính trang đô thị, huy động sự vào cuộc của tất cả các cấp, các doanh nghiệp trên địa bàn cùng tham gia; phân công đơn vị chủ trì, đôn đốc thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Trong tháng 10-12/2019 (xong trước ngày tổ chức Lễ công bố)

1.6. Dẫn tuyến, cắm mốc địa giới ngoài thực địa, lập bản đồ địa giới 6 phường, bàn giao cho các phường làm căn cứ chia tổ dân phố, quản lý dân cư, quản lý đất đai.

Thành lập Tổ công tác; Tổ chức thực hiện nhiệm vụ dẫn tuyến, cắm mốc địa giới ngoài thực địa, lập bản đồ địa giới 6 phường, bàn giao mốc giới, bản đồ địa

giới cho các phường làm căn cứ chia tổ dân phố, quản lý dân cư (điều chỉnh giấy tờ tùy thân, hộ tịch, hộ khẩu của dân cư, giấy tờ pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp...), quản lý đất đai. (Thành phần tổ công tác: Cán bộ nghiệp vụ Sở Tài nguyên, Sở Nội vụ, CBCC các Phòng Tài nguyên môi trường, Nội vụ, Kinh tế - Hạ tầng, các xã, phường của thị xã Sa Pa).

- Cơ quan chủ trì hướng dẫn huyện Sa Pa thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ.

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 10-12/2019 (*xong trước tổ chức Lễ công bố*)

1.7. Sắp xếp hệ thống trường học thuộc ngành giáo dục và đào tạo

Giữ nguyên trạng và sử dụng các thiết chế trường học hiện nay, đảm bảo phân luồng học sinh phù hợp công tác giảng dạy, thuận lợi cho việc đi lại, ăn ở của học sinh.

- Cơ quan chủ trì hướng dẫn huyện Sa Pa thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.

1.8. Sắp xếp hệ thống trạm Y tế:

Rà soát, đảm bảo phương án hoạt động của các Trạm y tế khi thành lập thị xã Sa Pa, đảm bảo công tác khám, chữa bệnh, thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình cho nhân dân trên địa bàn các xã, phường sau khi sáp nhập. Đối với đội ngũ nhân viên các trạm y tế xã, thị trấn hiện nay: Sở Y tế trong tháng 10/2019 xây dựng phương án kiện toàn tổ chức bộ máy nhân sự các trạm y tế các xã, phường của thị xã Sa Pa. Phối hợp với UBND huyện Sa Pa đề xuất phương án giải quyết nhân viên y tế dôi dư sau khi sắp xếp lại các xã, phường.

- Cơ quan chủ trì hướng dẫn huyện Sa Pa thực hiện: Sở Y tế.

1.9. Đối với các thông tin biến động cần thay đổi sau khi thành lập thị xã

- **Thay đổi con dấu pháp lý, biển tên, biển, sơ đồ cơ quan, thẻ CBCC, viên chức:**

Thống nhất thay đổi toàn bộ con dấu pháp lý, biển tên cơ quan, thẻ CBCC thống nhất trên toàn huyện từ ngày 01/01/2020, đảm bảo các hoạt động của thị xã theo tên các đơn vị hành chính mới thuộc thị xã, đảm bảo đúng quy định của Trung ương, tỉnh.

Xây dựng văn bản thông báo, hướng dẫn các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn thực hiện thay đổi con dấu pháp lý, biển tên cơ quan, thẻ CBCC, viên chức theo đúng quy định.

+ Cơ quan chủ trì hướng dẫn huyện Sa Pa thực hiện: Sở Nội vụ.

+ Thời gian thực hiện: Trong tháng 11 năm 2019.

- Về thay đổi hộ tịch của công dân trên địa bàn

Thực hiện rà soát, thống kê sắp xếp Sổ, hồ sơ hộ tịch, chứng thực giấy đang lưu trữ tại UBND các xã, thị trấn để chuẩn bị cho công tác bàn giao sổ và thực hiện tiếp nhận, bố trí sắp xếp hồ sơ về đơn vị hành chính mới theo đúng chỉ đạo,

hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi thị xã Sa Pa được thành lập, cần xác định cách ghi địa danh hành chính khi thành lập thị xã trên giấy tờ hộ tịch.

- Cơ quan chủ trì hướng dẫn huyện Sa Pa thực hiện: Sở Tư pháp

- Thời gian thực hiện: Từ quý IV năm 2019

1.10. Về công tác tuyên truyền về thành lập thị xã Sa Pa

- Yêu cầu Huyện Sa Pa xây dựng kế hoạch chi tiết (trong đó phải rà soát kỹ các chế độ chính sách cho người dân và CBVC,VC trong khu vực nông thôn lên đô thị, việc điều chỉnh lại giấy tờ liên quan,...); phân công một đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo, tổ chức họp tuyên truyền rộng rãi (từ cấp Chi bộ trở lên) và công bố thông tin rộng rãi trên phương tiện đại chúng.

- Đối với cấp tỉnh: Đề nghị Ban tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh tăng cường thời lượng truyền thông về chủ trương thành lập thị xã Sa Pa.

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 10-12/2019;

2. Giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến hết năm 2020

2.1. Thay đổi hộ khẩu và phương pháp, cách thức quản lý cư trú của nhân dân trên địa bàn:

Lực lượng công an tiến hành quy trình, thủ tục thay đổi lại sổ hộ khẩu phù hợp với địa giới hành chính. Phối hợp các xã, phường tổ chức các buổi tuyên truyền cho quần chúng nhân dân, đặc biệt tại các xã khó khăn, trình độ dân trí còn thấp về cách thức, nội dung thay đổi lại sổ hộ khẩu cho phù hợp với tình hình.

- Cơ quan chủ trì hướng dẫn huyện Sa Pa thực hiện: Công an tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2020.

2.2. Thay đổi thông tin giấy tờ về đất đai

- Thực hiện phân chia lại sổ tờ, sổ thửa tại các bản đồ địa chính theo đơn vị hành chính mới sau khi thành lập thị xã Sa Pa. Hướng dẫn các đối tượng sử dụng đất được biết để làm thủ tục đăng ký biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

- Cơ quan chủ trì hướng dẫn huyện Sa Pa thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2020.

2.3. Thay đổi thông tin thẻ BHXH, Bảo hiểm Y tế của công dân

Thực hiện rà soát, cấp đổi thẻ BHXH, BHYT của công dân trên địa bàn, đảm bảo việc khám chữa bệnh ban đầu, thực hiện giải quyết chế độ chính sách liên quan.

- Đơn vị chủ trì: Bảo hiểm xã hội tỉnh;

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2020.

3. Về quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng đảm bảo bộ máy Thị xã Sa Pa hoạt động ổn định

Trong năm 2019, hoàn thành rà soát phê duyệt 4 quy hoạch (Quy hoạch khu Đô thị; Quy hoạch dân cư khu Ô Quý Hồ; Quy hoạch khu sườn đồi Con gái; Quy hoạch dân cư khu vườn Đào). Giao UBND huyện Sa Pa khẩn trương thực hiện, phối hợp với Sở Giao thông vận tải – Xây dựng lập quy hoạch, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết phường Sa Pa.

4. Nguồn vốn đầu tư đảm bảo cho thị xã Sa Pa đi vào hoạt động

- Tổng vốn ngân sách nhà nước dự kiến phải đầu tư để thị xã Sa Pa hoạt động sau khi thành lập là: **543 tỷ đồng**. Trong đó: Ngân sách tỉnh: 528 tỷ đồng; Ngân sách huyện: 15 tỷ đồng.

Nội dung đầu tư:

+ Đầu tư các nhà trụ sở tạm đảm bảo cho hoạt động thị xã từ ngày 01/01/2020: 23 tỷ đồng.

+ Đầu tư hoàn thành dự án nhà làm việc cơ quan hành chính huyện Sa Pa và các hạ tầng phụ trợ, thực hiện giải phóng mặt bằng khu hành chính: 427 tỷ đồng

+ Đầu tư cơ sở vật chất các phường mới thành lập theo quy hoạch mới: 72 tỷ đồng (Đầu tư trụ sở phường, hạ tầng kỹ thuật, trụ sở công an phường...)

+ Thực hiện hoàn thiện bản đồ địa giới thị xã, cấp xã, phường thuộc thị xã Sa Pa sau khi thành lập; thay đổi biển trụ sở, thẻ CBCCC, đổi con dấu, tổ chức công bố thành lập thị xã (Tăng dự toán chi thường xuyên cho huyện Sa Pa). Tổng nhu cầu vốn: 20 tỷ đồng.

(Danh mục chi tiết theo biểu IV.1 kèm theo)

II. Nhiệm vụ phát triển khu du lịch quốc gia Sa Pa

1. Các vấn đề cần giải quyết

1.1. Về quy hoạch: Trong năm 2019 hoàn thành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt xong quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia Sa Pa để làm căn cứ triển khai thực hiện các dự án.

1.2. Đến quý I/2020: Hoàn thành việc rà soát các quỹ đất trong khu vực thị trấn Sa Pa cũ chưa có quy hoạch chi tiết, triển khai bổ sung quy hoạch để ổn định dân cư và tăng thu tiền sử dụng đất.

1.3. Xử lý tình trạng "quá tải" về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch:

1.3.1. Đảm bảo bãi đỗ xe tỉnh

Sở Giao thông vận tải - Xây dựng: Ngay trong năm 2019 tham mưu phương án triển khai đầu tư các bãi đỗ xe theo quy hoạch cho huyện Sa Pa, đảm bảo từ năm 2021 trở đi xe khách không đi vào trong đô thị, cụ thể các bãi đỗ xe sau:

+ Dự án: Xây dựng bãi đỗ xe thuộc quy hoạch dự án khu Bitis, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa (xây dựng nhà quản lý, điều hành, sân, bãi, công, tường rào, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, chi phí đền bù GPMB...(diện tích 4,3 ha, kinh phí GPMB khoảng 30 tỷ đồng); nguồn vốn Ngân sách tỉnh (GPMB) + Vốn nhà đầu tư. Để phục vụ nhu cầu đỗ xe cho khách du lịch tuyến ga đi cáp treo và tuyến Lai Châu đến Sa Pa. Hiện nay dự án đã giao cho huyện Sa Pa làm chủ đầu tư đang triển khai thực hiện.

+ Dự án: Xây dựng bãi đỗ xe thuộc quy hoạch khu dân cư tổ 7, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa (xây dựng nhà quản lý, điều hành, sân, bãi, công, tường rào, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, chi phí đền bù GPMB...(diện tích 1,97 ha theo quy hoạch được duyệt, kinh phí khoảng 21 tỷ đồng); nguồn vốn Ngân sách tỉnh + Thu tiền sử dụng đất + Vốn nhà đầu tư. Phục vụ nhu cầu đỗ xe khu vực nội thị thị trấn. Hiện nay dự án đã giao cho Ban QLDA huyện Sa Pa làm chủ đầu tư, hiện nay đã phê duyệt dự án.

+ Dự án: Xây dựng bến, bãi đỗ xe phía Đông - Nam tại thôn Giàng Tra, xã Sa Pa (khu vực cầu 32) theo quy hoạch chi tiết được duyệt (San tạo, đắp mặt bằng; xây dựng nhà để xe, bãi để xe, nhà điều hành, công, tường rào, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, đường GT nội bộ; GPMB; diện tích 7,6 ha, kinh phí khoảng 100 tỷ đồng; năng lực đỗ khoảng 500 xe khách và 2.000 xe con). Phục vụ nhu cầu đỗ xe khách tuyến Lào Cai lên Sa Pa (sau khi thực hiện bãi đỗ sẽ thực hiện xe trung chuyển vào thị trấn) và dừng đỗ xe tải tuyến đường tránh Quốc lộ 4D. Thực hiện theo hình thức Ngân sách tỉnh đầu tư giải phóng mặt bằng, san tạo mặt bằng sau đó đấu giá lựa chọn nhà đầu tư xây dựng bãi đỗ xe.

+ Trước tháng 6/2020: Giao Sở Giao thông, Vận tải lựa chọn địa điểm và quy hoạch xây dựng thêm 01 bãi đỗ xe khu vực thung lũng Mường Hoa (trên đường tỉnh lộ 152)

1.3.2. Đảm bảo cấp nước cho Sa Pa

- **Sở Giao thông vận tải - Xây dựng:** Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Dự án Hệ thống cấp nước sạch thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai (Công suất 15.000 m³/ng.đ). Yêu cầu trong quý IV/2019 phải khởi công được dự án, đến quý IV/2020 phải cơ bản hoàn thành dự án.

- **Đảm bảo nước sạch cho đời sống của nhân dân các xã:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát tổ chức bộ máy, đề xuất mô hình Trung tâm quản lý các công trình nước sạch nông thôn trên địa bàn (trong đó có Sa Pa); đề xuất nâng cấp hoặc xây mới các dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn, đảm bảo cho các xã phải đủ nước sinh hoạt cho nhân dân nhất là đối với địa bàn phát triển du lịch cộng đồng. Nội dung này phải xong trong năm 2020.

1.3.3. Đảm bảo cấp điện cho phát triển du lịch Sa Pa

- Về đảm bảo cung cấp điện cho nhân dân: Sở Công thương hoàn thành kế hoạch đầu tư để xóa 06 thôn trắng chưa có điện (*thôn Sín Chải, thôn Móng Sến 2 xã Trung Chải; Bản Dền Thàng, xã Tả Van; Bản Tòong xã Bản Phùng; thôn Sín Chải, xã Bản Khoang; thôn Léch Móng xã Thanh Kim*). Yêu cầu hết năm 2020 các thôn này phải có điện.

- Về đảm bảo điện cho phát triển du lịch: Sở Công thương chủ trì, rà soát nâng cấp công suất các trạm biến áp tại các địa bàn có nhu cầu lớn để phát triển du lịch (*Trong phạm vi 6 phường mới thành lập, khu vực xã Tả Phìn, Tả Van, xã Hoàng Liên mới*). Trong đó đề xuất rõ trách nhiệm đầu tư thuộc ngành điện hay ngân sách địa phương. Trên cơ sở đó báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh xem xét đầu tư, đảm bảo công suất điện đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch trên địa bàn huyện Sa Pa. Nội dung rà soát này phải xong trong năm 2019.

1.3.4. Đảm bảo đủ các cơ sở lưu trú chất lượng cho du khách: Đơn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án khách sạn đã được chấp thuận đầu tư, đảm bảo nơi lưu trú chất lượng cho du khách: Dự án Quần thể vui chơi giải trí, nhà hàng, khách sạn, cáp treo giai đoạn 2 (xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ, khách sạn tại khu vực ga đi); dự án tổ hợp dịch vụ tại Sân vận động thị trấn Sa Pa; Dự án Công viên văn hóa Mường Hoa của Tập đoàn Alphanam; dự án khu đô thị Đông Bắc...

1.4. Nâng cao chất lượng công tác quản lý điểm đến du lịch

1.4.1. Xử lý nạn chèo kéo, bán hàng rong, ăn xin

Giao Huyện Sa Pa tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Tiếp tục kiện toàn tổ công tác giải quyết tình trạng chèo kéo, đeo bám khách du lịch, đưa ra quy chế xử lý đối với các hành vi chèo kéo, ép người mua hàng, giới thiệu mời mọc gây khó chịu cho khách. Rà soát, lập danh sách các đối tượng thường xuyên đi bán hàng rong, tổ chức các lớp học về thực hiện văn minh, lịch sự trong bán hàng, bán hàng nhưng không ăn xin, chèo kéo, đeo bám khách, dần thay đổi về nhận thức của người dân về chèo kéo, đeo bám khách.

- Xây dựng các tuyến phố đi bộ vào tối thứ 6, 7, chủ nhật hàng tuần tại thị trấn (phố Cầu Mây, Ngũ Chỉ Sơn,...), sắp xếp người dân bán hàng, trình diễn văn hóa dân tộc. Xây dựng các tuyến phố văn minh không bán hàng rong, ăn xin, chèo kéo khách, đeo bám bán hàng rong, lấn chiếm hành lang, vỉa hè, đưa vào thành quy chế để làm căn cứ xử lý.

- Bố trí sắp xếp các điểm bán hàng cho người dân tộc trên địa bàn thị trấn tại Khu ẩm thực, Chợ đêm, phố đi bộ. Xây dựng các điểm bán hàng tại các xã trọng điểm du lịch như: Lao Chải, Tả Van, San Sả Hồ, Bản Hồ, Trung Chải, Sa Pa. Xây dựng kế hoạch tổ chức lại các làng nghề truyền thống, tạo công ăn việc

làm cho lao động địa phương nhất là phụ nữ và trẻ em như may, thêu thùa, trạm khắc,...

1.4.2. Làm tốt công tác vệ sinh môi trường

- Tăng cường tuyên truyền vận động người dân thực hiện phân loại rác tại nguồn, không vứt rác ra đường, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng;

- Do bãi rác xã Bản Khoang đã quá tải, hiện nay đang kêu gọi nhà đầu tư thực hiện dự án xử lý rác bằng công nghệ đốt rác, đảm bảo xử lý được rác cho thị trấn Sa Pa và khu vực các xã lân cận. Về lâu dài sẽ không vận chuyển rác của Sa Pa về thành phố Lào Cai xử lý.

- UBND huyện Sa Pa phối hợp công ty Môi trường đô thị nghiên cứu xây dựng ngay hệ thống nhà vệ sinh công cộng để phục vụ du khách (nghiên cứu đặt nhà vệ sinh di động). Trước mắt cho xây dựng nhà vệ sinh tại khu vực chợ, bến xe cũ và khu vực đường Vi Ô Lét và các điểm dừng, nghỉ.

1.5. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án giao thông đối ngoại phát triển du lịch Sa Pa.

Các chủ đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm:

- *Dự án Đường nói cao tốc Nội Bài – Lào Cai đến Sa Pa (giai đoạn I)*: Yêu cầu chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, phần đầu hết năm 2019 sẽ thông tuyến phần đường, đến quý II/2020 thi công hoàn thành phần đường, Quý III/2020 hợp long cầu Móng Sên, hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng trong quý IV/2020. Sở Giao thông Vận tải – Xây dựng tham mưu cho UBND tỉnh các nội dung để cùng với Nhà đầu tư sớm hoàn thiện hồ sơ pháp lý và Phụ lục hợp đồng để triển khai thực hiện dự án.

- *Đường tránh Quốc lộ 4D đoạn qua thị trấn Sa Pa (Km100 – Km111) (tuyến tránh phía Tây)*: Yêu cầu huyện Sa Pa tập trung giải quyết dứt điểm một số vướng mắc đền bù GPMB trên tuyến. Chủ đầu tư lập tiến độ thi công, thông xe kỹ thuật toàn tuyến, đáp ứng cho việc phân luồng xe tải cho thị trấn Sa Pa trước ngày 31/12/2019; trước tháng 3/2020 hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng tổng thể công trình;

- *Dự án nâng cấp tuyến đường Tỉnh lộ 152 vốn ADB*: Chủ đầu tư tích cực phối hợp với các sở ngành có liên quan, khẩn trương giải quyết dứt điểm vướng mắc đền bù GPMB các hộ dân và khu vực liên quan đến Công ty Trường Giang. Yêu cầu dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2019;

- *Lập dự án tuyến tránh phía Đông thị trấn Sa Pa*: Nâng cấp đường Sa Pa - Hầu Thào (nối tỉnh lộ 152 đến QL4D), TMĐT: 645 tỷ đồng. Dự kiến đưa dự án này vào vay vốn của tổ chức WB để thực hiện (Vay lại vốn ODA của Chính phủ), giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tham mưu UBND tỉnh.

- *Các dự án giao thông nội thị, chỉnh trang đô thị*: Yêu cầu các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành theo tiến độ.

2. Các danh mục đầu tư phát triển khu du lịch quốc gia Sa Pa

Tổng nhu cầu đầu tư: 3.202 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh bố trí 1.095 tỷ đồng; ngân sách huyện bố trí 66 tỷ đồng; nguồn khác 2.040 tỷ đồng, cụ thể:

Nội dung đầu tư:

- Đầu tư bãi đỗ xe: 436 tỷ đồng;
- Đầu tư các tuyến đường phục vụ du lịch: 800 tỷ đồng.
- Đầu tư dự án thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch: 276 tỷ đồng.
- Phát triển đô thị du lịch: 1.615 tỷ đồng (100% vốn doanh nghiệp).

(Chi tiết danh mục chi tiết tại Phụ lục IV.2)

III. Phát triển nông thôn, giảm nghèo bền vững trên địa bàn Sa Pa

1. Một số nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Về quy hoạch: Tổ chức rà soát thực hiện quy hoạch chi tiết đối với trung tâm một số xã như: Tả Phìn, Hoàng Liên mới, Tả Van, Hầu Thào, Sả Pán. Quy hoạch thêm một trung tâm đô thị phía nam tại xã Thanh Phú (Hoàn thành phê duyệt quy hoạch chung trong quý I/2020).

1.2. Về phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Đầu tư hoàn thành tiêu chí nông thôn mới cho các xã theo kế hoạch.
- Đầu tư phát triển các dự án nông nghiệp phát triển thành vùng hàng hóa tập trung gắn với mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phát triển sản xuất tăng vụ cho người dân vùng quy hoạch danh thắng ruộng bậc thang; phát triển kinh tế các xã vùng đặc biệt khó khăn.

- Phát triển vùng chăn nuôi hàng hóa tập trung nhằm phát triển kinh tế cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, thay đổi cơ cấu đàn vật nuôi gia súc lớn từ nuôi trâu sang bò vàng hàng hóa; áp dụng thực hiện theo Nghị quyết 12/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về hỗ trợ lãi suất; hỗ trợ các hộ dân vay vốn theo Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về các xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 40%. Ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất theo chính sách tại Nghị quyết 12/2018/NQ-HĐND; Ngân sách huyện hỗ trợ tập huấn, đào tạo, chuyển giao, xây dựng thương hiệu...; vay vốn mua bò). Nhu cầu vốn đầu tư 3.694 triệu đồng, trong đó: ngân sách tỉnh bố trí 594 triệu đồng; ngân sách huyện bố trí 100 triệu đồng; nguồn khác 3.000 triệu đồng.

- Đầu tư phát triển vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tập trung tại thôn Cửa Cái, xã Tả Giàng Phìn: Trong giai đoạn này, thực hiện đầu tư trước công tác quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và thực hiện công tác GPMB để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển thành vùng cho giai đoạn tiếp theo. Nhu cầu đầu tư 153.100 triệu đồng, trong đó Ngân sách tỉnh bố trí 153.100 triệu đồng.

- Đào tạo nghề giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tuyên truyền để người dân tham học nghề; tổ chức làm việc với các doanh nghiệp trên địa bàn để

đào tạo nghề theo địa chỉ; ban hành cơ chế đặc thù đào tạo nghề đối với lao động thuộc hộ nghèo, là người dân tộc không phải là hộ nghèo.

1.3. Công tác giảm nghèo

- **Mục tiêu:** Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn khoảng 20%; Đối với 11 xã nghèo, phần đầu đến năm 2020, bình quân tỷ lệ hộ nghèo các xã < 30%.

- **Giải pháp:** UBND huyện Sa Pa chủ trì, phối hợp các sở ngành tập trung tuyên truyền thay đổi nhận thức người dân về giảm nghèo, ý chí tự lực, tự cường, trong đó tập trung nhóm dân tộc Mông. Xây dựng giải pháp đồng bộ về các lĩnh vực theo một kế hoạch tổng thể được trình phê duyệt về: Công tác cán bộ, cơ sở hạ tầng, sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm,...; trong đó thực hiện bằng được việc dịch chuyển lao động khu vực nông thôn từ nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp (*tối thiểu có 01 lao động/hộ đối với những hộ có lao động*). Sử dụng có hiệu quả lồng ghép các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư các dự án phục vụ cho giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Sa Pa.

2. Danh mục đầu tư phát triển nông thôn, giảm nghèo bền vững

Tổng nhu cầu đầu tư: **393 tỷ đồng**, trong đó: Ngân sách tỉnh bố trí 336 tỷ đồng; ngân sách huyện bố trí 18 tỷ đồng; nguồn khác 39 tỷ đồng, cụ thể:

Nội dung đầu tư:

- Đầu tư cho các xã hoàn thành nông thôn mới 2019-2020: 109 tỷ đồng;
- Đầu tư lĩnh vực giáo dục: 191 tỷ đồng.
- Đầu tư phát triển các dự án nông lâm nghiệp: 81,5 tỷ đồng.
- Dự án dạy nghề, tạo việc làm: 11,5 tỷ đồng.

(Danh mục chi tiết có phụ lục VI.3 kèm theo)

IV. Tổng nhu cầu vốn thực hiện danh mục, dự án giai đoạn 2019-2020

Tổng nhu cầu: **5.143 tỷ đồng** (*Đây là tổng nhu cầu vốn, dự kiến vốn ngân sách nhà nước bố trí sẽ khoảng 30% trong năm 2020 so với nhu cầu vốn, còn lại sẽ bố trí giai đoạn 2021-2025*).

Trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 2.961 tỷ đồng (*Năm 2020 bố trí khoảng 30%: khoảng 880 tỷ đồng, còn lại cân đối chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025*).
- Ngân sách huyện: 99 tỷ đồng.
- Nguồn vốn khác (XHH, vốn DN): 2.083 tỷ đồng.

(Danh mục chi tiết có phụ lục VI kèm theo)

B2. GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025

I. Định hướng một số nội dung tập trung phát triển huyện Sa Pa

1. Mục tiêu phát triển

- Triển khai thực hiện một số cơ chế đặc thù hỗ trợ đầu tư phát triển khu du lịch quốc gia Sa Pa (Dự kiến năm 2020 sẽ trình Chính phủ phê duyệt Đề án).

Củng cố cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, hoàn thiện bộ máy, phát triển thị xã Sa Pa. Hoàn thiện nâng cấp tổng thể hệ thống hạ tầng đô thị một cách đồng bộ.

- Xây dựng khu du lịch quốc gia Sa Pa theo qui hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 26/9/2016, đến năm 2030 Sa Pa cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại II. Tập trung phát triển xây dựng hình ảnh Khu du lịch Quốc gia Sa Pa, trong đó tập trung phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, nông nghiệp, hoàn thiện hạ tầng cơ sở phục vụ cho phát triển kinh tế du lịch làm mũi nhọn, đột phá. Tập trung phát triển du lịch có chiều sâu, chất lượng, hình thành các sản phẩm du lịch mới, đảm bảo tăng trưởng du lịch gắn với bảo vệ môi trường; tăng thời gian lưu trú của khách du lịch và tăng doanh thu từ dịch vụ du lịch.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống nhân dân tương xứng với vai trò, vị thế của Thị xã Sa Pa; trong đó ưu phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đảm bảo tăng thu nhập cho nhân dân.

2. Lĩnh vực ưu tiên đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn năm 2021-2025

- Đầu tư các dự án nhằm củng cố các tiêu chí Thị xã (hoàn thiện các tiêu chí còn đạt thấp khi xây dựng đề án thành lập thị xã Sa Pa).

- Đầu tư các nội dung đảm bảo về y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa, thể thao, công trình cấp nước, cấp điện... tương xứng với mức hưởng lợi của nhân dân thuộc Thị xã mới thành lập

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng phục vụ cho du lịch, trong đó hoàn thành các tuyến đường giao thông đến các điểm, tuyến du lịch nhằm phát triển Du lịch Sa Pa đồng đều trên địa bàn các khu vực của huyện (giảm áp lực cho phát triển du lịch tại trung tâm Thị xã Sa Pa, nâng cao đời sống của nhân dân).

3. Nhu cầu nguồn lực đầu tư giai đoạn năm 2021 - 2025

- Dự toán Tổng nhu cầu đầu tư giai đoạn năm 2021 - 2025: **47.025 tỷ đồng**, trong đó: Dự kiến ngân tỉnh bố trí 5.411 tỷ đồng, ngân sách huyện 404 tỷ đồng, nguồn khác 41.210 tỷ đồng.

- Nội dung đầu tư:

(1) Đầu tư củng cố các tiêu chí thị xã Sa Pa: 41.293 tỷ đồng (trong đó: ngân tỉnh 952 tỷ đồng, ngân sách huyện 166 tỷ đồng, vốn khác 40.175 tỷ đồng).

(2) Đầu tư phát triển khu du lịch quốc gia Sa Pa: 3.469 tỷ đồng (trong đó: ngân tỉnh 2.918 tỷ đồng, ngân sách huyện 217 tỷ đồng, vốn khác 334 tỷ đồng).

(3) Đầu tư phát triển nông thôn, giảm nghèo bền vững: 2.262 (trong đó: ngân tỉnh 1.540 tỷ đồng, ngân sách huyện 21 tỷ đồng, vốn khác 701 tỷ đồng).

(Danh mục chi tiết theo biểu IV kèm theo)

C. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CÁC DANH MỤC CHI TIẾT

Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho Sa Pa giai đoạn 2019-2025: **52.167 tỷ đồng**.
(Trong đó: Ngân sách tỉnh: 8.372 tỷ đồng; Ngân sách huyện: 504 tỷ đồng; Nguồn vốn khác (XHH, vốn DN): 43.290 tỷ đồng).

Cụ thể:

- Giai đoạn 2019-2020: Tổng nhu cầu vốn: 5.143 tỷ đồng
- Giai đoạn 2021-2025: Tổng nhu cầu vốn: 47.024 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục IV chi tiết kèm theo)

Đối với nguồn lực ngân sách nhà nước UBND tỉnh dự kiến phương án đầu tư như sau:

(1). Về lựa chọn, quyết định các danh mục đầu tư

Đối với danh mục các dự án tại phụ biểu kế hoạch này, UBND tỉnh sẽ tiếp tục giao các sở ban ngành rà soát và báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh trước khi triển khai thực hiện đảm bảo theo thứ tự ưu tiên, khả năng cân đối nguồn lực và theo đúng các quy định hiện hành.

(2). Về nguồn lực đầu tư

Ngoài cân đối nguồn vốn để hoàn thành các dự án chuyển tiếp trên địa bàn huyện Sa Pa, giao Sở Tài chính sẽ cân đối thêm khoảng 300 tỷ đồng nguồn vốn ngân sách tỉnh để triển khai đầu tư các dự án trong năm 2019-2020. Bên cạnh đó Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tích cực vận động, tranh thủ nguồn vốn ngân sách Trung ương, vốn ODA để triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Sa Pa.

Trong đó:

- Đối với xây dựng mới trụ sở hành chính các phường theo vị trí đã quy hoạch: Yêu cầu huyện Sa Pa khẩn trương xác định, quy mô trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, đơn đốc, tham mưu UBND tỉnh sớm phê duyệt giao danh mục.

- Đối với nhu cầu vốn còn lại giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tiếp tục tham mưu cân đối trong giai đoạn 2021-2025. Trong đó, năm 2020 sẽ trình Tỉnh ủy về chủ trương xem xét giao danh mục chuẩn bị đầu tư cho các dự án quan trọng, cấp thiết để triển khai trên địa bàn huyện Sa Pa trong giai đoạn 2021-2025.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện:

Yêu cầu các Sở ban ngành, đơn vị và Huyện Sa Pa căn cứ vào các nhiệm vụ được giao trên, chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công cụ thể, lập tiến độ công việc để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch này; gửi kế hoạch chi tiết báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/10/2019 (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, tổng hợp);

Trong đó, tập trung vào một số nhiệm vụ cụ thể:

- Thực hiện nhiệm vụ kiện toàn Bộ máy quản lý thị xã Sa Pa: Theo Phụ lục I;

- Nhiệm vụ thành lập thị xã Sa Pa trong năm 2019-2020: Theo Phụ lục II;
- Nhiệm vụ phát triển huyện Sa Pa đến năm 2025 (theo thông báo Kết luận số 3434-TB/TU ngày 28/8/2019 của Tỉnh ủy): Theo Phụ lục III;

2. Thực hiện báo cáo:

a) Chế độ báo cáo: Yêu cầu các sở ngành, đơn vị nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo, cụ thể như sau:

- Chế độ báo cáo tuần đối với các nhiệm vụ được giao từ nay đến ngày 31/12/2019;
- Chế độ báo cáo tháng đối với các nhiệm vụ được giao từ nay đến ngày 31/12/2025;

b) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, đôn đốc các sở ngành thực hiện chế độ báo cáo; tổng hợp tham mưu đề xuất báo cáo tình theo đúng quy định.

Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao, yêu cầu các sở ngành, đơn vị chủ động tổ chức triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- TT.TU.HĐND,UBND tỉnh;
- Các sở ban ngành;
- BCH Quân sự tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- HU, UBND huyện Sa Pa;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- BTT-Công TTĐT tỉnh;
- Lưu:VT,TH5,NC2,TNMT1,NLN1,QLĐT1,3,4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường

PHỤ LỤC I

Cách thức triển khai một số nội dung liên quan đến tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện; Tổ chức, bộ máy của Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể cấp xã; đội ngũ CBCCC cấp xã của Thị xã Sa Pa

(Kèm theo Kế hoạch số: **308**/KH-UBND ngày **08** tháng 10 năm 2019 của

UBND tỉnh Lào Cai)

1. Về tổ chức bộ máy:

1.1 Đối với việc kiện toàn đổi tên các Phòng chuyên môn thuộc huyện (sau là Thị xã Sa Pa)

- Về quy trình thực hiện: Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, Sở Nội vụ đề nghị UBND huyện Sa Pa xây dựng Tờ trình, Phương án gửi Sở trong đó báo cáo thực trạng số lượng Phòng chuyên môn, số lượng biên chế; số lượng lãnh đạo Phòng chuyên môn và xây dựng phương án kiện toàn, đổi tên (địa vị pháp lý, tên phòng, từ thuộc UBND huyện thành UBND thị xã) theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, đề Sở Nội vụ báo cáo Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy. Sau khi có Thông báo của Tỉnh ủy, UBND huyện Sa Pa trình Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn theo quy định tại Điều 26 của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương.

- Về thẩm quyền Quyết định: Sau khi có Quyết định phê chuẩn việc thành lập các phòng chuyên môn thuộc Thị xã của HĐND huyện (Thị xã), Ủy ban nhân dân huyện (Thị xã) Sa Pa ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Phòng chuyên môn.

1.2 Đối với đơn vị sự nghiệp thuộc huyện (Sau là Thị xã Sa Pa):

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

1.2.1 Đơn vị sự nghiệp thuộc huyện: Trung tâm, Các Ban Quản lý (Dự án Đầu tư xây dựng, Di tích), Đội trật tự đô thị, Nhà khách, Đội quản lý trật tự đô thị...;

- Về quy trình thực hiện: UBND huyện Sa Pa xây dựng Tờ trình, Phương án báo cáo thực trạng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện; phương án đổi tên (địa vị pháp lý, chức năng nhiệm vụ) đối với các đơn vị gửi Sở Nội vụ, báo cáo Ban cán sự Đảng UBND tỉnh.

- Về thẩm quyền ra quyết định: Sau khi có Thông báo của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, Sở Nội vụ sẽ trình UBND tỉnh ban hành các Quyết định kiện toàn, đổi tên, địa vị pháp lý và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị theo quy định.

1.2.2 Đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

a) Trường hợp kiện toàn: sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc nâng cấp thành các trường PTDTBT, làm thay đổi quy mô, tính chất, phạm vi hoạt động, tác động đến định mức giao chỉ tiêu biên chế thì thực hiện như sau:

- UBND các xã có trường học được sắp xếp, kiện toàn phối hợp với các đơn vị nhà trường xây dựng Đề án sắp xếp, kiện toàn gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nội vụ thẩm định, Phòng Nội vụ tham mưu cho UBND huyện Sa Pa xây dựng văn bản của UBND huyện Sa Pa gửi kèm theo Đề án của UBND xã, hoặc của các trường học (trường hợp chỉ nâng cấp) gửi Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Nội vụ cho ý kiến.

- Sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo thì Phòng Nội vụ tham mưu cho UBND huyện Sa Pa quyết định kiện toàn.

(Trường hợp này nếu chưa thực sự cần thiết thì UBND huyện Sa Pa nên thực hiện sau khi kết thúc năm học 2019-2020 cho ổn định)

b) Đối với trường hợp chỉ đổi tên gọi cho phù hợp với tên của UBND thị xã Sa Pa mà không làm thay đổi quy mô, tính chất hoạt động thì các Trường học xây dựng Đề án, có ý kiến của UBND xã gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Nội vụ thẩm định trình UBND huyện Sa Pa quyết định đổi tên gọi.

1.2.3 Trạm Y tế các xã (phường):

- Về quy trình thực hiện: Đề nghị UBND huyện Sa Pa chỉ đạo, giao cho Văn phòng HĐND-UBND huyện, phối hợp với Trung tâm Y tế huyện, rà soát và xây dựng phương án các Trạm Y tế xã, phường, gửi Sở Y tế để thống nhất mô hình cho phù hợp.

1.2.4 Đối với việc thành lập Đội trật tự đô thị tại 06 Phường:

- Về quy trình thực hiện: Hiện tại trong toàn tỉnh, mô hình Đội quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế - hạ tầng; riêng UBND huyện Sa Pa có mô hình Đội Quản lý trật tự đô thị là đơn vị sự nghiệp thuộc huyện, quản lý chung trong toàn huyện (sau này là thị xã); tuy nhiên, UBND huyện Sa Pa có đề nghị thành lập mô hình Đội trật tự đô thị tại các Phường sau khi huyện được nâng cấp lên thị xã cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn. Việc này đề nghị UBND huyện Sa Pa rà soát, bám sát Nghị quyết số 19-NQ/TW và nghiên cứu mô hình Đội kiểm tra trật tự đô thị tại các Phường thuộc Thành phố Lào Cai. Sau khi rà soát sự cần thiết phải thành lập, Phòng Nội vụ phối hợp với Đội quản lý trật tự đô thị huyện và các xã (phường) xây dựng văn bản (Tờ trình, Phương án) gửi Sở Nội vụ xin ý kiến về việc thành lập.

- Về thẩm quyền ra quyết định: Sau khi có văn bản trao đổi của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện (thị xã) thông báo giao cho Chủ tịch UBND các Phường Quyết định thành lập Đội theo hình thức hoạt động kiêm nhiệm. Cơ cấu, số lượng gồm Đội trưởng do Phó Chủ tịch UBND phường kiêm

nhiệm; Các thành viên là Công an, công chức địa chính, đô thị, xây dựng, người hoạt động không chuyên trách của tổ dân phố (kiêm nhiệm). Kinh phí chi trả được thu xử phạt trong lĩnh vực xây dựng của Phường.

2. Về việc xây dựng khu du lịch quốc gia Sa Pa (liên quan đến Ban Quản lý khu du lịch Quốc gia Sa Pa):

- Căn cứ Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 26/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu Du lịch Quốc gia Sa Pa, tỉnh Lào Cai đến năm 2030, Sở Nội vụ đã phối hợp với Sở Văn hóa, thể thao và du lịch, báo cáo đề nghị Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Quản lý khu du lịch Quốc gia Sa Pa. Tuy nhiên, sau khi xem xét, tỉnh thấy rằng việc phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lào Cai không chỉ có riêng Sa Pa mà Bắc Hà, Bát Xát,... Do vậy, ngày 19/4/2017 Thường trực Tỉnh ủy Ban hành Thông báo số 1212-TB/TU về việc chủ trương thành lập Ban Quản lý du lịch tỉnh Lào Cai, trong đó đồng ý chủ trương thành lập Ban Quản lý du lịch tỉnh, là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, thực hiện chức năng tham mưu, quản lý về du lịch trên địa bàn tỉnh. Về tổ chức bộ máy chủ yếu là kiêm nhiệm, Trưởng ban do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch kiêm nhiệm.

- Ngày 27/6/2017, Thường trực Tỉnh ủy ban hành Thông báo số 1375-TB/TU về chủ trương thành lập Ban Quản lý du lịch tỉnh Lào Cai, có 1 Trưởng ban – Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch kiêm nhiệm, 03 Phó trưởng ban (01 Ông Dũng, PGD Sở; 09 PCT các huyện, thành phố là ủy viên; 01 Giám đốc Trung tâm Thông tin và Xúc tiến du lịch; và 02 công chức, viên chức là thành viên.

- Ngày 25/7/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 3330/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Quản lý du lịch tỉnh Lào Cai, Ban Có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Trụ sở đặt tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Về công tác cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện (thị xã):

3.1. Đối với các phòng chuyên môn thuộc huyện (thị xã), trên cơ sở thực trạng đội ngũ công chức, viên chức các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện, UBND huyện Sa Pa chủ động rà soát dự kiến bố trí sắp xếp công chức, viên chức phù hợp với từng vị trí việc làm để ổn định, thực hiện tốt nhiệm vụ công vụ, công chức.

3.2. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ động rà soát cán bộ, kể cả cán bộ trong quy hoạch bố trí sắp xếp phù hợp với từng phòng, ban chuyên môn, đảm bảo số lượng cấp phó; thực hiện việc điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo đúng quy định; công chức, viên chức được bổ nhiệm phải đảm bảo đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

3.3. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý đang trong thời gian giữ chức vụ mà vì lý do không bố trí được vị trí lãnh đạo, quản lý khác phù hợp thì được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định hiện hành; đối với các vị trí cấp trường tuyệt đối không bố trí giữ chức vụ quá 02 nhiệm kỳ, trừ trường hợp bố trí tại các đơn vị mới thành lập.

4. Về đội ngũ CBCC cấp xã thuộc Thị xã:

4.1. Về hệ thống chính trị cấp xã:

- Đề nghị huyện rà soát lại thực trạng đội ngũ CBCC cấp xã, CBCC cấp huyện (tăng cường xuống cấp xã) hiện có để xếp, bố trí từng chức danh cụ thể thuộc Đảng ủy, HĐND (các ban của HĐND), UBND, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội ở 6 phường và các đơn vị hành chính có liên quan theo quy định hiện hành.

- Riêng về bộ máy của HĐND, UBND ở các xã, phường không đủ 2/3 đại biểu HĐND thì thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 135 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

4.2. Về số lượng CBCC cấp xã:

- Sau khi Thành lập Thị xã Sa Pa thì 16 ĐVHC của Thị xã Sa Pa dự kiến sẽ là đơn vị hành chính loại II, vì vậy căn cứ vào Nghị định số 34/2019/NĐ-CP thì mỗi xã, phường của Thị xã Sa Pa được bố trí không quá 21 người/xã, phường.

- Trường hợp đối với những đơn vị hành chính do sáp nhập mà giảm đi ĐVHC, do điều chỉnh để thành lập các phường của Thị xã Sa Pa thì được xem xét vận dụng thực hiện lộ trình sắp xếp CBCC dư thừa theo quy định tại Nghị quyết 653-NQ/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021.

5. Về thôn, tổ dân phố:

5.1. Khẩn trương xác định ranh giới (diện tích và dân số) giữa các tổ dân phố thuộc phường; ranh giới (diện tích và dân số) của các thôn thuộc xã có liên quan khi thành lập phường để làm căn cứ thành lập, giải thể (theo Thông tư số 04/2012/TT-BNV và Thông tư số 14/2018/TT-BNV về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố), đồng thời làm căn cứ thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (theo Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai).

Ví dụ: Thành lập Tổ dân phố thuộc phường thì phải có ranh giới giữa các phường, để xác định số hộ gia đình trong một tổ dân phố, quy mô số hộ gia đình của một tổ dân phố theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV là có từ 200 hộ gia đình trở lên.

5.2. Việc thành lập tổ dân phố mới; việc chuyển thôn thành tổ dân phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã; việc giải thể thôn, tổ

dân phố; việc đổi tên, đặt tên tổ dân phố.... Quy trình và hồ sơ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BNV và Thông tư số 14/2018/TT-BNV về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

6. Về chế độ chính sách cán bộ, công chức, viên chức và CBCC cấp xã:

6.1. Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc UBND và các phòng chuyên môn thuộc UBND giữ nguyên mức phụ cấp chức vụ theo quy định hiện hành.

6.2. Về các loại phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP: Đối với các xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn đã được chính phủ phê duyệt thì cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được hưởng các chế độ phụ cấp theo quy định tại Nghị định 116/2010/NĐ-CP cho đến khi có hướng dẫn hoặc quy định mới của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương (trong đó bao gồm cả đội ngũ CBCC cấp xã).

6.3. Các loại phụ cấp, chính sách tiếp tục hưởng: Sau khi thành lập Thị xã Sa Pa thì đội ngũ CBCC cấp xã vẫn tiếp tục được hưởng các loại phụ cấp theo quy định hiện hành như đối với CBCC từ cấp huyện trở lên như: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo, Phụ cấp thâm niên vượt khung, Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh, Phụ cấp công vụ, Phụ cấp lương khác (nếu có) và các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn...theo quy định hiện hành.

6.4. Phụ cấp tiếp tục rà soát và xin ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động TBXH, Ủy ban Dân tộc-Phụ cấp khu vực

a) Đối với ĐVHC sáp nhập nguyên trạng do cơ sự thay đổi về hệ số phụ cấp khu vực (*gồm Thanh Kim - Bản Phùng, Thanh Phú - Suối Thầu*) và 6 phường của Thị xã Sa Pa, Sở Nội vụ đề nghị UBND huyện chỉ đạo các phòng ban chuyên môn có liên quan và UBND xã, phường lập hồ sơ đề nghị gửi UBND cấp huyện, UBND cấp huyện có trách nhiệm đề nghị UBND tỉnh xem xét tổng hợp, sau đó Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản gửi Bộ Nội vụ xem xét quyết định, nội dung, quy trình thực hiện được quy định tại Thông tư số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005;

b) Đối với 03 đơn vị hành chính giữ nguyên (*gồm Tả Van, Bản Hồ, Tả Phìn*), vẫn hưởng phụ cấp khu vực theo quy định tại Thông tư số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005;

6.5. Về chính sách hỗ trợ cán bộ luân chuyển: Trên cơ sở Quy định số 21 của Tỉnh ủy, Sở Nội vụ tham mưu ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh, hiện nay đang thực hiện quy trình xây dựng chính sách theo quy định.

7. Về phân loại ĐVHC cấp xã: Đề nghị rà soát thực trạng các tiêu chí hiện có, làm căn cứ trình cấp có thẩm quyền xem xét phân loại đơn vị hành chính cấp xã

đối với các đơn vị sau sáp nhập, thành lập mới theo quy định tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Quy trình thực hiện theo quy định tại Điều 28. Trình tự, thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã:

- UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Phòng Nội vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Nội vụ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13;

- Sở Nội vụ phải tổ chức thẩm định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

- Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định, phân loại đơn vị hành chính cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ.

8. Thực hiện xác định ĐGHC, cắm mốc tại thực địa và hoàn thiện hồ sơ ĐGHC các cấp đối với các đơn vị sau khi có Nghị quyết của UBNTVQH

a) Hoàn thiện hồ sơ, mốc ĐGHC các cấp thuộc thị xã Sa Pa:

Căn cứ Nghị quyết của UBTVQH về việc thành lập thị xã Sa Pa và các phường thuộc thị xã Sa Pa trên cơ sở sắp xếp, sáp nhập và điều chỉnh các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Sa Pa, Sở Nội vụ chủ trì lập dự toán chi tiết, bổ sung khối lượng vào Thiết kế kỹ thuật - dự toán Dự án 513 “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Lào Cai”, qua Sở Tài chính và Sở tài nguyên và Môi trường thẩm định. Nhiệm vụ này đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 7/2/2018 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ Đề án điều chỉnh địa giới hành chính huyện Sa Pa, thành lập thị xã Sa Pa tỉnh Lào Cai.

b) Xác định đường ĐGHC, vị trí mốc ĐGHC tại thực địa và bàn giao ĐGHC để chính quyền thị xã và các đơn vị hành chính cấp xã thuộc thị xã quản lý theo quy định:

Căn cứ hồ sơ, bản đồ kèm theo Đề án thành lập thị xã Sa Pa và các phường thuộc thị xã Sa Pa trên cơ sở sắp xếp, sáp nhập và điều chỉnh các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Sa Pa đã được UBTVQH phê duyệt, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp

Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Sa Pa và các xã, phường thuộc thị xã Sa Pa, đơn vị tư vấn lập Đề án thành lập thị xã Sa Pa tổ chức xác định ranh giới tại thực địa và lập biên bản bàn giao ĐGHC các đơn vị hành chính thị xã Sa Pa và các xã, phường thuộc thị xã Sa Pa để chính quyền mới quản lý theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện **xong trước ngày 15/01/2020** (sau 15 ngày kể từ ngày Nghị quyết của UBND có hiệu lực thi hành).

UBND huyện Sa Pa và các xã, thị trấn phải có trách nhiệm quản lý đơn vị hành chính của địa phương mình (theo ranh giới địa giới hành chính hiện trạng) cho đến khi cơ quan có thẩm quyền bàn giao chính thức ĐGHC cho các đơn vị hành chính mới tiếp quản, quản lý.

PHỤ LỤC II
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ NGÀNH VỀ THÀNH LẬP THỊ XÃ SA PA NĂM 2019-2020
(Kèm theo Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung chi đạo	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Yêu cầu tiến độ thực hiện năm 2019-2020				Ghi chú
				Năm 2019			Năm 2020	
				T10	T11	T12		
1	THÔNG ĐIỆP T10/2019 ĐẾN 01/01/2020							
1	Tổ chức lễ công bố thị xã Sa Pa	UBND huyện Sa Pa	Sở Văn hóa TT và DL	Xây dựng xong kế hoạch; Chương trình, kịch bản báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh; Kết nối, lựa chọn với các đơn vị có liên quan	Tập luyện: 25-30/11 sơ duyệt lần 1	Cơ bản hoàn thành xong tất cả các khâu chuẩn bị, 15-20/12/2019 Tổng duyệt	Dự kiến tổ chức chính thức vào ngày 28/12/2019 (thứ bảy)	
2	Kiểm toán bộ máy quản lý thị xã Sa Pa	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa;	Trong tháng 10/2019 đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa hoàn thiện, báo cáo Tỉnh ủy phương án tổ chức bộ máy, cán bộ thị xã Sa Pa	Hoàn thiện phương án	Phê duyệt, chi định xong bộ máy quản lý thị xã Sa Pa	Quý II/2020 tổ chức đại hội Đảng bộ thị xã	
3	Kiểm toán bộ máy quản lý các xã, phường	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Sở Nội vụ	Trong tháng 10/2019 Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa xây dựng xong phương án, chi định cán bộ chủ chốt các xã, phường, đảm bảo có đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện các nhiệm vụ lâm thời			Đi vào hoạt động chính thức từ 01/01/2020; Trong Quý I/2020 tổ chức xong đại hội Đảng bộ các xã, phường	
4	Về sắp xếp đội ngũ CBCC xã, phường (bao gồm cả ban CHQS cấp xã, phường);	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Sở Nội vụ	Tiến hành kiểm toán, sắp xếp CBCC các xã; đối với CBCC đối dư (28 người) áp dụng Điều 9 Nghị quyết số 653/2019/NQ-UBTVQH4 ngày 12/3/2019 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chậm nhất là 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của UBTVQH về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng công chức, viên chức các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính mới đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, nhằm ổn định tâm lý, cuộc sống cho cán bộ, công chức sau khi thành lập thị xã và tổ chức sắp xếp lại bộ máy			Đi vào hoạt động chính thức từ 01/01/2020	
5	Đối với lực lượng công an các xã, phường	Công an tỉnh	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Xây dựng xong phương án bố trí công an chính quy cho các phường, xã mới thành lập			Đi vào hoạt động chính thức từ 01/01/2020	

STT	Nội dung chi đạo	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Yêu cầu tiến độ thực hiện năm 2019-2020				Ghi chú
				Năm 2019			Năm 2020	
				T10	T11	T12		
6	Bộ phận quản lý trật tự đô thị tại 06 phường mới của thị xã Sa Pa	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Sở Nội vụ	Xây dựng xong phương án báo cáo Sở Nội vụ	Sở Nội vụ thẩm định báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh xem xét, quyết định		Đi vào hoạt động chính thức từ 01/01/2020	
7	Đối với xây dựng các khu trú sơ tạm, đáp ứng nhu cầu làm việc cho các phường mới thành lập	Sở Tài chính	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Kiểm tra, xác định quy mô đầu tư, đề xuất danh mục, nguồn vốn để đầu tư xây dựng; khởi công trong tháng	Triển khai đầu tư	Hoàn thành trước ngày 20/12/2019	Đảm bảo sử dụng từ 01/01/2020	
8	Xây dựng dự toán, cân đối ngân sách, đảm bảo kinh phí chi hoạt động cho thị xã, các phường	Sở Tài chính	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Nghiên cứu báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh đảm bảo phương án thu chi cho Thị xã và các phường có thể xem ban hành cơ chế đặc thù riêng về phân cấp các khoản thu cho huyện Sa Pa	Hoàn thiện phương án trình Tỉnh ủy, UBND tỉnh xem xét		Đảm bảo kinh phí cho Thị xã, các phường xã hoạt động theo quy định	
9	Đảm bảo kinh phí giải quyết chế độ, chính sách chịu ảnh của việc điều chỉnh địa giới hành chính khi thành lập thị xã	Sở Tài chính	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Trong tháng 10/2019 UBND huyện Sa Pa tổ chức rà soát, tổng hợp các chính sách, chế độ đối với CBCC, viên chức, học sinh, người dân không được hưởng sau khi thành lập thị xã, gửi Sở Tài chính thẩm định	Sở Tài chính thẩm định, đề xuất phương án, báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh			
10	Phương án xử lý tổng thể tài sản các trụ sở dời đư sau khi sáp nhập các xã	Sở Tài chính	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa		Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Huyện Sa Pa lập phương án xử lý (bao gồm: Trường học, trụ sở UBND các xã, trạm y tế, nhà văn hóa xã,...); báo cáo UBND tỉnh xem xét			
11	Chinh trang đô thị chào mừng thành lập thị xã	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa		Giao UBND huyện Sa Pa xây dựng kế hoạch chi tiết về chinh trang đô thị, huy động sự vào cuộc của tất cả các cấp, các Doanh nghiệp trên địa bàn cùng tham gia				
12	Hoàn thiện hồ sơ, mốc DGHC các cấp thuộc thị xã Sa Pa	Sở Nội vụ	Sở Tài nguyên và Môi trường; Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Căn cứ Nghị quyết của UBND tỉnh về việc thành lập thị xã Sa Pa và các phường thuộc thị xã Sa Pa trên cơ sở sáp nhập, sáp nhập và điều chỉnh các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Sa Pa, Sở Nội vụ chủ trì lập dự án chi tiết, bổ sung khối lượng vào Thiết kế kỹ thuật - dự toán Dự án 513 "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Lào Cai" (qua Sở Tài chính và Sở tài nguyên và Môi trường thẩm định).				

STT	Nội dung chỉ đạo	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Yêu cầu tiến độ thực hiện năm 2019-2020				Ghi chú
				Năm 2019			Năm 2020	
				T10	T11	T12		
13	Xác định đường ĐGHIC, vị trí mốc ĐGHIC tại thực địa và bàn giao ĐGHIC để chính quyền thị xã và các đơn vị hành chính cấp xã thuộc thị xã quản lý theo quy định	Sở Nội vụ	Sở Tài nguyên và Môi trường; Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Căn cứ hồ sơ, bản đồ kèm theo Đề án thành lập thị xã Sa Pa, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Sa Pa và các xã, phường thuộc thị xã Sa Pa, đơn vị tư vấn lập Đề án thành lập thị xã Sa Pa tổ chức xác định ranh giới tại thực địa và lập biên bản bàn giao ĐGHIC các đơn vị hành chính thị xã Sa Pa và các xã, phường thuộc thị xã Sa Pa để chính quyền mới quản lý theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện xong trước ngày 15/01/2020 (sau 15 ngày kể từ ngày Nghị quyết của UBND tỉnh có hiệu lực thi hành).				
14	Sắp xếp hệ thống trường học thuộc ngành giáo dục và đào tạo	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Sở Giáo dục và Đào tạo	Giữ nguyên trạng và sử dụng các thiết chế trường học hiện nay, đảm bảo phân luồng học sinh phù hợp công tác giảng dạy, thuận lợi cho việc đi lại, ăn ở của học sinh				
15	Sắp xếp hệ thống trạm Y tế	Sở Y tế	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Rà soát, đảm bảo phương án hoạt động của các Trạm y tế khi thành lập thị xã Sa Pa, đảm bảo công tác khám, chữa bệnh, thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe, công tác dân số cho nhân dân trên địa bàn các xã, phường sau khi sáp nhập				
16	Thay đổi con dấu pháp lý, biển tên, biển, sơ đồ cơ quan, thẻ CBCC, viên chức	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa		Thống nhất thay đổi toàn bộ con dấu pháp lý, biển tên cơ quan, thẻ CBCC thống nhất trên toàn huyện từ ngày 01/01/2020, đảm bảo các hoạt động của thị xã theo tên các đơn vị hành chính mới thuộc thị xã, đảm bảo đúng quy định của Trung ương, tỉnh. Yêu cầu thực hiện xong trước ngày 30/11/2019				
17	Về thay đổi hộ tịch của công dân trên địa bàn	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp hướng dẫn huyện Sa Pa thực hiện theo đúng các quy định hiện hành				
18	Về công tác tuyên truyền về thành lập thị xã Sa Pa (Nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức theo Kế hoạch của huyện)	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy		Đề nghị Ban tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan báo chí, đài PTTH tỉnh tăng cường thời lượng truyền thông về chu trương thành lập thị xã Sa Pa				
II THỜI GIAN TRONG NĂM 2020								
1	Thay đổi hộ khẩu và phương pháp, cách thức quản lý cư trú của nhân dân trên địa bàn	Công an tỉnh	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa				Lực lượng công an tiến hành quy trình, thủ tục thay đổi lại sổ hộ khẩu phù hợp với địa giới hành chính mới thành lập	
2	Thay đổi thông tin giấy tờ về đất đai	Huyện ủy, UBND huyện Sa Pa	Sở Tài nguyên và Môi trường				Thực hiện phân chia lại sổ tờ, sổ thửa tại các bản đồ địa chính theo đơn vị hành chính mới sau khi thành lập thị xã Sa Pa	

STT	Nội dung chỉ đạo	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Yêu cầu tiến độ thực hiện năm 2019-2020			Ghi chú	
				Năm 2019				Năm 2020
				T10	T11	T12		
3	Thay đổi thông tin thẻ BHXH, Bảo hiểm Y tế của công dân	Bảo hiểm xã hội tỉnh				Thực hiện rà soát, cấp đổi thẻ BHXH, BHYT của công dân trên địa bàn		



PHỤ LỤC III
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ NGÀNH THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN HUYỆN SA PA 2019-2025 THEO THÔNG BÁO KẾT LUẬN 3434-TB/TU ngày 28/8/2019 CỦA TỈNH ỦY

(Kèm theo Kế hoạch số 308/KH-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Lào Cai)



STT	Nội dung chỉ đạo	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Yêu cầu tiến độ thực hiện năm 2019-2020	Yêu cầu tiến độ thực hiện năm 2021-2025	Ghi chú
I	Sở Kế hoạch và Đầu tư					
	Tham mưu kiến toán Ban Chỉ đạo, tổ chức việc nâng cấp Sa Pa thành thị xã Sa Pa, phân công nhiệm vụ cho thành viên BCD và Tổ giúp việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở ban ngành		Đã thực hiện xong	
	Chủ trì, phối hợp các sở ngành và đơn vị liên quan lập Đề án xây dựng cơ chế đặc thù để hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng, mở rộng đô thị Sa Pa và xây dựng Sa Pa trở thành khu du lịch tâm cơ quốc tế, theo nội dung Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 301/TB-VPCP ngày 21/8/2019 của Văn phòng Chính phủ;	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở ban ngành	Xây dựng, trình Đề án xong trước quý II/2020	Triển khai thực hiện	
	Chủ trì, đôn đốc các sở ban ngành tỉnh và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung Thông báo kết luận số 3434-TB/TU ngày 28/8/2019; tổng hợp, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc (nếu có) báo cáo gửi UBND tỉnh định kỳ ngày 28 hằng tháng. Tổng hợp, tham mưu văn bản của UBND tỉnh để báo cáo kết quả triển khai thực hiện gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy định kỳ hằng quý.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở ban ngành		Thực hiện thường xuyên	
II	Sở Tài chính					
	Phối hợp với các ngành có liên quan, huyện Sa Pa xem xét tính toán bố trí nguồn vốn: Chuẩn bị đầu tư các dự án, công trình khi Trung ương đồng ý nâng cấp huyện Sa Pa lên thành thị xã, thành lập mới các phường, sát nhập các xã; kiến cơ sở hạ tầng kinh mương, làm đường bê tông xi măng, đường giao thông nông thôn (đảm bảo ô tô đi đến được trung tâm các thôn), xóa phòng học tạm, nhà văn hóa xã thôn (gắn với làm du lịch cộng đồng).	Sở Tài chính	Các sở ban ngành	Triển khai theo kế hoạch Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao	Triển khai theo kế hoạch Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao	
III	Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng					
	<i>Thành lập tổ công tác giúp huyện Sa Pa rà soát các nội dung</i>					
	(1) Các quy hoạch đất đai, đô thị, báo cáo UBND tỉnh xây dựng quy chế quản lý đất đai, vùng lõi ở những khu vực không được điều chỉnh quy hoạch.	UBND huyện Sa Pa	Sở Giao thông Vận tải Xây dựng	Yêu cầu xong trước Quý II/2020	Triển khai thực hiện	
	2) Rà soát tổng thể hạ tầng giao thông phục vụ du lịch Sa Pa, phương án phân luồng giao thông, xây dựng các bãi đỗ xe thông minh, đường thị trấn Sa Pa đạt chuẩn thị xã; gắn kết nối giao thông giữa Lào Cai với Lai Châu; nâng cấp mở rộng đường tránh quốc lộ 4D thành quốc lộ. Lựa chọn địa điểm xây dựng chợ nông sản, bãi đỗ xe phía Nam huyện Sa Pa gắn với việc nâng cấp tỉnh lộ 152, kết nối đường tránh Sa Pa - Hảo Thảo với tuyến đường Thanh Phú - Phố Lu thành đường loại 3, kết nối với nút giao thông thị trấn Phố Lu, đường sắt tốc độ cao, sân bay.	Sở Giao thông Vận tải Xây dựng	UBND huyện Sa Pa	Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	(3) Quy hoạch đất nông thôn để đầu tư hạ tầng, bố trí đất ở cho người dân nông thôn	UBND huyện Sa Pa	Sở Giao thông Vận tải Xây dựng		Thực hiện thường xuyên	
	(4) Nâng cấp đường giao thông nông thôn, đường liên xã, đảm bảo đường ô tô đi được đến các thôn.	UBND huyện Sa Pa	Sở Giao thông Vận tải Xây dựng			
IV	Sở Văn hóa TT và Du lịch					
	Rà soát làm rõ các sản phẩm du lịch hiện có, xây dựng kế hoạch phát triển các sản phẩm du lịch, cung cấp các dịch vụ du lịch hướng đến khu du lịch tâm cơ quốc tế;	Sở Văn hóa TT và Du lịch	UBND huyện Sa Pa	Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Có giải pháp bảo vệ di sản ruộng bậc thang, đề xuất các giải pháp bền vững cho người dân trong khu vực danh thắng;	Sở Văn hóa TT và Du lịch	Sở Nông nghiệp; UBND huyện Sa Pa	Yêu cầu đề xuất giải pháp xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Giúp huyện Sa Pa khắc phục hạn chế về nguồn nhân lực làm công tác quản lý nhà nước về du lịch, văn hóa; duy trì truyền thống, thành tích trong lĩnh vực văn hóa, thể thao; xây dựng thiết chế, hạ tầng về văn hóa, thể thao, làm nhà văn hóa thôn bản gắn với phát triển mô hình du lịch cộng đồng, duy trì và xây dựng huyện Sa Pa xứng tầm với khu vực về văn hóa, thể thao, du lịch.	UBND huyện Sa Pa	Sở Văn hóa TT và Du lịch		Thực hiện thường xuyên	

STT	Nội dung chỉ đạo	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Yêu cầu tiến độ thực hiện năm 2019-2020	Yêu cầu tiến độ thực hiện năm 2021-2025	Ghi chú
	Phối hợp với Công an tỉnh xây dựng quy chế quản lý khách nước ngoài.	Sở Văn hóa TT và Du lịch		Yêu cầu trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Giúp huyện Sa Pa rà soát danh mục các sản phẩm du lịch cần nâng cấp, hoàn chỉnh xây dựng mới của Sa Pa Pa đến năm 2025.	UBND huyện Sa Pa	Sở Văn hóa TT và Du lịch	Thực hiện thường xuyên		
V	Sơ Tài nguyên và Môi trường					
	Tham mưu ban hành nghị quyết của tỉnh về tăng cường quản lý đất đai.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở ban ngành	Yêu cầu xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Khẩn trương hoàn thành dự án tổng thể đo đạc địa chính, thiết lập cơ sở dữ liệu đất đai tại huyện Sa Pa	Sở Tài nguyên và Môi trường		Yêu cầu xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Phối hợp huyện Sa Pa rà soát quản lý tài nguyên, khoáng sản, xử lý rác thải.	UBND huyện Sa Pa	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thực hiện thường xuyên		
	Thực hiện các thủ tục sớm đưa mô đá Sầu Chua vào khai thác để cung cấp vật liệu cho xây dựng.	Sở Tài nguyên và Môi trường		Yêu cầu xong trong năm 2019		
	Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố tham mưu, đề xuất tháo gỡ xử lý những sai phạm làm nhà trên đất nông nghiệp (trước mắt thực hiện thí điểm tại huyện Sa Pa, làm từ cấp xã trở lên);	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp; UBND huyện Sa Pa	Yêu cầu năm 2019 lựa chọn ranh giới diện tích khu vực đô thị loại IV của Sa Pa để thực hiện Thí điểm	Tham mưu xử lý đồng bộ toàn địa bàn tỉnh	
	Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tiến hành rà soát các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cần đi chuyên mở rộng đô thị Sa Pa. làm rõ sai phạm trong sử dụng đất, có biện pháp giải quyết phù hợp	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Giao thông Vận tải Xây dựng	Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
VI	Sơ Nông nghiệp và PTNT					
	Giúp đỡ huyện Sa Pa rà soát chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, các xã có khả năng đạt nông thôn mới trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, dự kiến nhiệm kỳ 2020-2025 để tính đầu tư nguồn lực.	UBND huyện Sa Pa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Giúp đỡ huyện Sa Pa tính toán, xây dựng các chỉ tiêu về nông nghiệp, nông thôn nhiệm kỳ 2020 - 2025, gắn với đô thị, du lịch, sản phẩm OCOP.	UBND huyện Sa Pa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Phối hợp các sở ngành để xác định khu vực và tổ chức thực hiện trồng rừng cảnh quan, các loại cây, hoa trên địa bàn đô thị Sa Pa;	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành	Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
VII	Sơ Công Thương					
	Xây dựng phương án đảm bảo nguồn cung cấp điện ổn định cho du lịch Sa Pa, bảo cáo tình xem xét nâng cấp hệ thống lưới điện huyện Sa Pa khi lên thành thị xã (cơ tính tới nâng cấp lên thành thành phố);	Sở Công thương	Các sở ban ngành	Yêu cầu xây dựng phương án xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Tham mưu chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống lưới điện đến các thôn chưa có điện, đến hết năm 2020 đảm bảo 100% thôn có điện	Sở Công thương	Các sở ban ngành	Triển khai theo kế hoạch, đến hết năm 2020 đảm bảo 100% thôn có điện	Triển khai thực hiện	
	Nâng cấp hệ thống lưới điện các xã sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, làm du lịch cộng đồng.	Sở Công thương	Các sở ban ngành	Yêu cầu đề xuất phương án xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Xả hội hóa việc lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng tại một số tuyến phố.	UBND huyện Sa Pa	Sở Công thương	Triển khai thực hiện		
	Rà soát dừng các dự án thủy điện không hiệu quả trên địa bàn	Sở Công thương	Các sở ban ngành	Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	

STT	Nội dung chỉ đạo	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Yêu cầu tiến độ thực hiện năm 2019-2020	Yêu cầu tiến độ thực hiện năm 2021-2025	Ghi chú
	Quy hoạch, đầu tư cơ sở đầu mối phía Nam và Đông của huyện Sa Pa.	Sở Công thương	Các sở ban ngành	Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
VIII	Sở Nội vụ					
	Phối hợp với huyện Sa Pa rà soát tổ chức, bộ máy, chuẩn bị nhân sự, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, phòng ban của huyện, các xã, phường sau sáp nhập, chia tách, nhất là cán bộ, công chức cấp xã chưa đạt chuẩn toàn diện.	UBND huyện Sa Pa	Sở Nội vụ	Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
IX	Sở Lao động TBXH					
	Giúp huyện Sa Pa rà soát hộ nghèo, đánh giá nguyên nhân nghèo, giảm nghèo không bền vững dựng lao động trẻ em, bạo lực trẻ em, tệ nạn xã hội.	UBND huyện Sa Pa	Sở Lao động TBXH	Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Giúp huyện Sa Pa đào tạo nghề giải quyết được việc làm cho lao động nông thôn, tuyên truyền để người dân học nghề, làm việc với các doanh nghiệp để đào tạo nghề theo địa chỉ.	UBND huyện Sa Pa	Sở Lao động TBXH	Thực hiện thường xuyên		
	Tham mưu cơ chế đặc thù đào tạo nghề đối với lao động thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc không phải hộ nghèo	Sở Lao động TBXH	Các sở ban ngành	Yêu cầu thực hiện xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Giúp huyện Sa Pa có giải pháp khắc phục những bất ổn về gia đình, lạm dụng lao động trẻ em, bạo lực trẻ em, tệ nạn xã hội	UBND huyện Sa Pa	Sở Lao động TBXH	Yêu cầu có giải pháp trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Giúp huyện Sa Pa tinh toán các chỉ tiêu về giảm nghèo, lao động, việc làm nhiệm kỳ 2020 - 2025, gắn với các đột phá.	UBND huyện Sa Pa	Sở Lao động TBXH	Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
X	Sở Giáo dục và Đào tạo					
	Tham mưu báo cáo UBND tỉnh việc rà soát mạng lưới trường học, đội ngũ cán bộ quản lý trường học, giáo viên khi sáp nhập các xã, thành lập các phường của thị trấn Sa Pa.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Sa Pa	Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
XI	Sở Y tế					
	Tham mưu báo cáo UBND tỉnh đầu tư nâng cấp các hạng mục, xây thêm nhà điều trị, bổ sung nguồn nhân lực, trang thiết bị về y tế khi huyện Sa Pa được nâng cấp lên thành thị xã.	Sở Y tế		Yêu cầu rà soát xong trong năm 2019	Triển khai thực hiện	
	Giúp huyện Sa Pa hoàn thành các xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Sở Y tế		Thực hiện thường xuyên		
XII	Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh					
	Phối hợp giúp huyện Sa Pa đảm bảo về quốc phòng, an ninh, rà soát xây dựng thể trận phòng thủ, thao trường huấn luyện cấp huyện, kiến toàn các chức danh công an, quân sự, xây dựng trụ sở Công an - Quân sự xã gắn với thị xã Sa Pa.	UBND huyện Sa Pa	Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Thực hiện thường xuyên		
XIII	Vườn Quốc gia Hoàng Liên					
	Tham mưu báo cáo UBND tỉnh rà soát quản lý chặt chẽ vùng đệm, vùng lõi Vườn Quốc gia Hoàng Liên, bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, rừng cảnh quan, có lộ trình để người dân không trông chờ vào rừng tự nhiên.	Vườn Quốc gia Hoàng Liên		Triển khai thực hiện		
XIV	UBND huyện Sa Pa					
	Chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao phát triển huyện Sa Pa					
	Phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các Thông báo kết luận về phát triển huyện Sa Pa của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; theo dõi kết quả, thường xuyên báo cáo về UBND tỉnh đối với nhiệm vụ của các sở ban ngành	UBND huyện Sa Pa	Các sở ban ngành			

PHỤ LỤC IV

TỔNG HỢP NHU CẦU ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SA PA GIAI ĐOẠN 2019-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 308/KH-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Lào Cai)



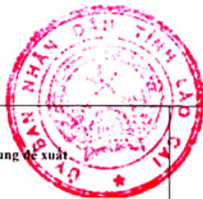
STT	Nội dung	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Tổng	Trong đó:					
			NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHH, ND đóng góp...)			
	TỔNG CỘNG	52.167.244	8.372.966	504.228	43.292.792	1.930.342	50.236.902	
1	Giai đoạn 2019-2020	5.143.211	2.961.591	99.475	2.082.150	1.930.342	3.212.869	
-	Đầu tư thành lập, hoạt động thị xã Sa Pa	1.480.556	1.465.556	15.000	0	543.216	937.340	
-	Xây dựng khu du lịch Sa Pa	3.202.300	1.095.750	66.160	2.040.390	1.249.020	1.953.281	
-	Phát triển nông thôn, giảm nghèo bền vững Sa Pa	460.355	400.285	18.315	41.760	138.107	322.249	
2	Giai đoạn 2021-2025	47.024.033	5.411.375	404.753	41.210.642	0	47.024.033	
-	Đầu tư thành lập, hoạt động thị xã Sa Pa	41.292.579	952.630	165.100	40.174.849	0	41.292.579	
-	Xây dựng khu du lịch Sa Pa	3.468.800	2.917.100	217.200	334.500	0	3.468.800	
-	Phát triển nông thôn, giảm nghèo bền vững Sa Pa	2.262.654	1.541.645	22.453	701.293	0	2.262.654	
	Trong đó chi tiết:							
1	Giai đoạn 2019-2020	5.119.361	2.937.741	99.475	2.082.150	1.906.492	3.212.869	
1	Đầu tư thành lập, hoạt động thị xã Sa Pa	1.456.706	1.441.706	15.000	0	519.366	937.340	
-	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị (bao gồm cả chuyển tiếp)	1.433.840	1.418.840	15.000	0	499.000	934.840	
-	Một số hoạt động khi lên thị xã	22.866	22.866	0	0	20.366	2.500	
2	Xây dựng khu du lịch Sa Pa	3.202.300	1.095.750	66.160	2.040.390	1.249.020	1.953.281	
-	Bãi đỗ xe	436.000	96.000	0	340.000	130.800	305.200	
-	Một số tuyến đường giao thông phục vụ du lịch Sa Pa (bao gồm cả chuyển tiếp)	800.750	740.750	0	60.000	554.763	245.988	
-	Một số dự án công trình đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch	276.114	188.754	64.400	22.960	56.626	219.488	
-	Phát triển đô thị	1.615.838	0	0	1.615.838	484.751	1.131.087	



STT	Nội dung	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Tổng	Trong đó:					
			NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHH, ND đóng góp...)			
-	Quy hoạch	73.598	70.246	1.760	1.592	22.079	51.519	
3	Phát triển nông thôn, giảm nghèo bền vững Sa Pa	460.355	400.285	18.315	41.760	138.107	322.249	
-	Danh mục đầu tư hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM các xã đến năm 2020	109.052	96.702	1.780	10.575	32.716	76.336	
-	Công trình giáo dục	191.552	185.117	6.435	0	57.466	134.086	
-	Cấp điện nông thôn (đã bố trí vốn NS tỉnh + EU cho các công trình cấp điện nông thôn)	41.000	31.000	10.000	0	12.300	28.700	
-	Đầu tư phát triển các dự án nông nghiệp	23.405	13.171	0	10.235	7.022	16.384	
-	Phát triển vùng chăn nuôi hàng hóa tập trung	3.694	594	100	3.000	1.108	2.586	
-	Lâm nghiệp	80.152	66.202	0	13.950	24.045	56.106	
-	Lao động, việc làm	11.500	7.500	0	4.000	3.450	8.050	
II	Giai đoạn 2021-2025	47.024.033	5.411.375	404.753	41.210.642	0	47.024.033	
1	Đầu tư thành lập, hoạt động thị xã Sa Pa	41.292.579	952.630	165.100	40.174.849	0	41.292.579	
-	Quy hoạch xây dựng	0	0	0	0	0	0	
-	Đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng	1.249.400	849.400	0	400.000	0	1.249.400	
-	Giáo dục và Đào tạo	96.100	85.000	11.100	0	0	96.100	
-	Y tế	18.000	18.000	0	0	0	18.000	
-	Nhà ở xã hội	924.849	0	0	924.849	0	924.849	
-	Phát triển đô thị	39.004.000	0	154.000	38.850.000	0	39.004.000	
-	Nâng cao năng lực bộ máy HCNN	230	230	0	0	0	230	
2	Xây dựng khu du lịch Sa Pa	3.468.800	2.917.100	217.200	334.500	0	3.468.800	
-	Đường giao thông	2.432.000	2.432.000	0	0	0	2.432.000	
-	Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp	291.000	131.000	10.000	150.000	0	291.000	
-	Văn hóa, thể thao và du lịch	745.800	354.100	207.200	184.500	0	745.800	



STT	Nội dung	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Tổng	Trong đó:					
			NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHH, ND đóng góp...)			
3	Phát triển nông thôn, giảm nghèo bền vững Sa Pa	2.262.654	1.541.645	22.453	701.293	0	2.262.654	
-	Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông	818.931	781.981	16.453	23.234	0	818.931	
-	Đầu tư xây dựng công trình cấp nước	27.200	24.480	0	2.720	0	27.200	
-	Đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu	119.090	107.181	0	11.909	0	119.090	
-	Các công trình chưa bố trí vốn (Đề xuất đầu tư bằng nguồn vốn ADB triển khai sau năm 2020)	78.418	78.418	0	0	0	78.418	
-	Giáo dục và Đào tạo	57.750	57.750	0	0	0	57.750	
-	Các dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn	175.255	111.855	6.000	57.400	0	175.255	
-	Dự án nông nghiệp công nghệ cao	950.200	350.200	0	600.000	0	950.200	
-	Lao động, việc làm	35.810	29.780	0	6.030	0	35.810	



PHỤ LỤC IV.1
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, DANH MỤC ĐẦU TƯ THÀNH LẬP ĐỀ HOẠT ĐỘNG THỊ XÃ SA PA
(Kèm theo Kế hoạch số 398/KH-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó							
						NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHHT, ND đóng góp...)					
TỔNG CỘNG					42.773.135	2.418.186	180.100	40.174.849	543.216	42.229.919			
A	Giai đoạn năm 2019-2020: Nội dung đảm bảo bộ máy hoạt động thị xã Sa Pa				1.480.556	1.465.556	15.000	0	543.216	937.340			
1	Đầu tư các trụ sở tạm đảm bảo hoạt động của thị từ ngày 01/01/2019				23.850	23.850	0	0	23.850	0			
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND phường Hàm Rồng	Cải tạo sửa chữa trụ sở UBND xã Sa Pa; Sơn sửa lại toàn bộ trụ sở; nhà văn hóa đa năng; lợp lại nền, sơn lại toàn nhà, thay thế hệ thống cửa ngoài nhà; cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh; ngoại thất: cải tạo hệ thống thoát nước, đổ bê đường vào, xây mới cổng trụ sở	2019	1.200	1.200			1.200					
2	Trụ sở Công an phường Hàm Rồng	Cải tạo sửa chữa nhà y tế cũ; Lát lại nền, sơn lại toàn nhà, thay thế hệ thống cửa bị hư hỏng; thay mái fibroxi măng cũ bằng mái tôn, hệ thống xả gô, rãnh thoát nước, sân, đường vào, nhà vệ sinh, cấp điện	2019	1.200	1.200			1.200					
3	Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND phường Sa Pa	Xây dựng mới trụ sở bằng nhà khung sắt diện tích 220 m ² - Nhà vệ sinh, Ngoại thất: Đổ bê tông đường vào, đổ bê tông sân, xây bồn hoa, cây cảnh, hệ thống thoát nước mặt	2019	3.000	3.000			3.000					
4	Trụ sở Công an phường Sa Pa	Xây dựng mới trụ sở bằng nhà khung sắt diện tích 260 m ² + nhà vệ sinh + Nhà giữ xe vi phạm	2019	2.800	2.800			2.800					



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó						
						NS tỉnh	NS huyện					
5	Trụ sở làm việc Đảng ủy-HDND-UBND phường Phan Sĩ Păng	Cải tạo, sửa chữa trụ sở trung tâm phát triển quỹ đất để làm trụ sở Đảng ủy-HDND-UBND phường. Xây nhà khung thép diện tích 250 m2 để bố trí Trung tâm phát triển quỹ đất làm việc. Cải tạo, mở rộng một số vị trí đường vào trụ sở		2019	2.100	2.100		2.100				
6	Trụ sở làm việc Công an phường Phan Sĩ Păng	Xây nhà khung thép diện tích 200 m2 (kết hợp tận dụng nhà bếp làm kho tạm giữ và phòng tạm giữ hành chính)		2019	1.500	1.500		1.500				
7	Trụ sở làm việc Đảng ủy-HDND-UBND phường Ô Quý Hồ	Cải tạo lại trường Mầm non làm trụ sở phường; Sơn lại toàn nhà, đóng lại trần nhà, ngăn lại các phòng theo công năng sử dụng, lắp lại hệ thống mái tôn, Xử lý chống thấm mái. Sửa chữa lại toàn bộ hệ thống cửa. Xây trả lại trường Mầm non tại vị trí trường liền cấp 1,2 Võ Thị Sáu; Xây trường mầm non bán khung thép với 03 phòng học, 01 bếp ăn và hệ thống cung cấp nước cho lớp học mầm non		2019	1.500	1.500		1.500				
8	Trụ sở Công an phường Ô Quý Hồ	Sửa chữa lại Trạm y tế cũ: Lợp lại mái tôn, bóc toàn bộ lớp vữa cũ, trát lại toàn nhà. Thay mới hệ thống cửa và sơn lại toàn nhà. Phá dỡ nhà bếp ăn, nhà vệ sinh cũ. Làm mới nhà vệ sinh và xây bổ sung thêm phòng làm việc bằng nhà khung thép tại vị trí đã phá dỡ. Dỡ mới sân bê tông, cổng vào, xây mới cổng, hàng rào		2019	1.800	1.800		1.800				



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó						
						NS tỉnh	NS huyện					
9	Trụ sở làm việc Đảng ủy-HDND-UBND phường Cầu Mây	Cải tạo sửa chữa trụ sở UBND xã Lao Chải; Thay mái tôn cũ, xử lý chống thấm, vệ sinh sẽ nỏ, ống thoát nước; Lát lại toàn bộ nền tầng 1, tầng 2; tạo trát lại tường trong ngoài nhà khoảng 50%; trát và sơn toàn bộ trong, ngoài nhà; Thay một số cửa sổ, cửa đi hư hỏng; Sửa chữa mặt bậc cầu thang, và bậc tam cấp trước sảnh; hệ thống điện. Cải tạo nhà vệ sinh; Làm mới gara để xe máy; Làm sân bê tông diện tích 650m2. Làm mới đường dẫn, công vào.		2019	2.500	2.500		2.500				
10	Trụ sở Công an phường Cầu Mây	Xây mới nhà khung thép diện tích 200m2. Tại vị trí nhà bưu điện cũ. Giữ nguyên và cải tạo lại trạm bưu điện cũ để làm kho tạm giữ và phòng tạm giữ hành chính. Làm nhà khung thép nối tiếp 02 đầu nhà bưu điện		2019	2.000	2.000		2.000				
11	Trụ sở Đảng ủy-HDND-UBND xã Hoàng Liên	Sửa chữa Trụ sở UBND xã San Sả Hồ hiện nay; Sơn lại toàn bộ cửa, thay lại một số cửa bị hư hỏng. Phá dỡ lan can cũ, làm mới bằng lan can thép. Sơn lại cổng, trụ công vào. Sửa chữa, sơn lại nhà vệ sinh. Xây mới nhà công vụ + bếp ăn khung thép phía sau trụ sở		2019	1.000	1.000		1.000				
12	Trụ sở Đảng ủy-HDND-UBND xã Mường Hoa	Sửa chữa trụ sở UBND xã Sứ Pán hiện nay; Bêp thay mái tôn, làm trần mới, thay 01 bộ cửa		2019	150	150		150				



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó							
						NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHHT, ND đóng góp...)					
13	Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Thanh Bình	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Bán Phùng; Nhà Trụ sở vệ sinh và vòi vệ tường trong và ngoài nhà; vệ sinh sẽ nô và ống thoát nước mái. Bếp thay mái tôn, trần mới và 01 bộ cửa gỗ; vòi vệ nhà vệ sinh; Nhà công vụ thay mái tôn mới và lát lại nền; làm lại hệ thống điện; xử lý hệ thống thoát nước phía sau; phá dỡ nhà vệ sinh. Nhà văn hóa sơn lại		2019	1.500	1.500			1.500				
14	Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Ngũ Chi Sơn	Trụ sở UBND xã Bán Khoang hiện nay; Sửa lại cửa, vách kính đã bị hư hỏng. Sửa lại trần nhà công vụ + bếp ăn		2019	100	100			100				
15	Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Tá Van	Sơn lại toàn bộ hành lang, mặt ngoài nhà; làm công vào trụ sở; vệ sinh sơn lại hàng rào hoa sắt; cải tạo hệ thống rãnh thoát nước mặt; Cổng vào		2019	500	500			500				
16	Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Bán Hồ	Cạo lớp vữa cũ trát lại và vòi vệ; vệ sinh và chống thấm sẽ nô và ống thoát nước; làm mới công; lát lại nền gạch; sửa lại hệ thống điện và sơn lại cửa; lát lại cầu thang, bậc tam cấp; làm mới sân bê tông 570m2		2019	1.000	1.000			1.000				
II	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị (bao gồm cả chuyển tiếp)				1.433.840	1.418.840	15.000	0	499.000	934.840			
1	Trụ sở làm việc các cơ quan hành chính huyện Sa Pa			2019-2020	197.850	197.850			50.000	147.850	Sở GTVT-XD	Các đơn vị có liên quan	
2	Hạ tầng kỹ thuật trung tâm hành chính mới huyện Sa Pa. Hàng mục: Tuyến đường giao thông HCL, SGMB, hệ thống thoát nước			2019-2020	85.125	85.125			77.000	8.125	Sở GTVT-XD	Các đơn vị có liên quan	
3	Đền bù, GPMB dự án Khu Trung tâm hành chính mới huyện Sa Pa			2019-2020	910.865	910.865			300.000	610.865	UBND H Sa Pa	Các đơn vị có liên quan	
4	Phường Sa Pa												



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó		Nguồn khác (XHII, ND đóng góp...)					
						NS tỉnh	NS huyện						
4.1	Trụ sở công an Phường Sa Pa thị xã Sa Pa	Nhà cấp 3, 2 tầng theo MDH			5.000	2.500	2.500		1.500	3.500	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
5	Phường Sa Pa												
5.1	Hạ tầng khu hành chính Phường Sa Pa	San gạt mặt bằng, đường giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng công cộng, vỉa hè, viễn thông		2019-2021	27.000	27.000			8.100	18.900	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
5.2	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND Phường Sa Pa	Tổng diện tích đất 3000m ² , Nhà trụ sở Nhà cấp III, 3 tầng, diện tích sàn 1000m ² , ngoại thất, cấp điện, cấp nước, thoát nước		2019-2021	10.000	10.000			3.000	7.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
5.3	Trụ sở công an Phường Sa Pa	Nhà cấp 3, 2 tầng theo MDH		2019-2021	5.000	2.500	2.500		1.500	3.500	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
6	Phường Hàm Rồng												
6.1	Hạ tầng khu hành chính Phường Hàm Rồng	San gạt mặt bằng, đường giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng công cộng, vỉa hè, viễn thông		2019-2021	42.000	42.000			12.600	29.400	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
6.2	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND Phường Hàm Rồng	Tổng diện tích đất 3000m ² , Nhà trụ sở Nhà cấp III, 3 tầng, diện tích sàn 1000m ² , ngoại thất, cấp điện, cấp nước, thoát nước		2019-2021	10.000	10.000			3.000	7.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
6.3	Trụ sở công an Phường Hàm Rồng	Nhà cấp 3, 2 tầng theo MDH		2019-2021	5.000	2.500	2.500		1.500	3.500	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
7	Phường Fan Si Pan												
7.1	Hạ tầng khu hành chính Phường Fan Si Pan	San gạt mặt bằng, đường giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng công cộng, vỉa hè, viễn thông		2019-2021	26.000	26.000			7.800	18.200	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
7.2	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND Phường Fan Si Pan	Tổng diện tích đất 3000m ² , Nhà trụ sở Nhà cấp III, 3 tầng, diện tích sàn 1000m ² , ngoại thất, cấp điện, cấp nước, thoát nước		2019-2021	10.000	10.000			3.000	7.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
7.3	Trụ sở công an Phường Fan Si Pan	Nhà cấp 3, 2 tầng theo MDH		2019-2021	5.000	2.500	2.500		1.500	3.500	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
8	Phường Ô Quý Hồ												
8.1	Hạ tầng khu hành chính Phường Ô Quý Hồ	San gạt mặt bằng, đường giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng công cộng, vỉa hè, viễn thông		2019-2021	30.000	30.000			9.000	21.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
8.2	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND Phường Ô Quý Hồ	Tổng diện tích đất 3000m ² , Nhà trụ sở Nhà cấp III, 3 tầng, diện tích sàn 1000m ² , ngoại thất, cấp điện, cấp nước, thoát nước		2019-2021	10.000	10.000			3.000	7.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
8.3	Trụ sở công an Phường Ô Quý Hồ	Nhà cấp 3, 2 tầng theo MDH		2019-2021	5.000	2.500	2.500		1.500	3.500	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
9	Phường Cầu Mây												
9.1	Hạ tầng khu hành chính Phường Cầu Mây	San gạt mặt bằng, đường giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng công cộng, vỉa hè, viễn thông		2019-2021	35.000	35.000			10.500	24.500	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
9.2	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND Phường Cầu Mây	Tổng diện tích đất 3000m ² , Nhà trụ sở Nhà cấp III, 3 tầng, diện tích sàn 1000m ² , ngoại thất, cấp điện, cấp nước, thoát nước		2019-2021	10.000	10.000			3.000	7.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
9.3	Trụ sở công an phường Cầu Mây thị xã Sa Pa	Nhà cấp 3, 2 tầng theo MDH		2019-2021	5.000	2.500	2.500		1.500	3.500	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
III	Một số hoạt động khí lên thị xã				22.866	22.866	0	0	20.366	2.500			
10	Hoàn thiện bản đồ địa giới thị xã, cấp xã, phường thuộc thị xã Sa Pa sau khi thành lập			2020-2021	5.000	5.000			2.500	2.500	Sở Nội vụ	UBND huyện, các sở ngành liên quan	
11	Biện trừ số các cơ quan, đơn vị	217		2019-2020	2.435	2.435			2.435	0	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
12	Tổ chức công bố lên thị xã Sa Pa			2019-2020	15.431	15.431			15.431	0	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
B	Giai đoạn năm 2021-2025: Nội dung đảm bảo cùng có các tiêu chí Thị xã				41.292.579	952.630	165.100	40.174.849		41.292.579			
I	Quy hoạch xây dựng				0	0	0	0		0			
13	QH chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Mường Hoa	62		2021-2025						0	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện	
14	QH chi tiết xây dựng Khu đô thị xanh	803		2021-2026						0	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện	

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó						
						NS tỉnh	NS huyện					
15	QH chi tiết xây dựng công viên văn hóa Y Linh Hồ, xã Sơn Sa Hồ, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa	96		2021-2027				0	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện		
16	QH chi tiết xây dựng dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch nghỉ dưỡng Sa Pa Farm Village	300		2021-2028				0	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện		
17	Quy hoạch chi tiết xây dựng dự án Khu du lịch Thác Bạc Sa Pa	26,3		2021-2029				0	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện		
II Đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng					1.249.400	849.400	0	400.000	0	1.249.400		
18	Hệ thống cấp nước Phường Fan Si Pan	Đường ống		2021-2025	10.000	10.000		10.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
19	Hệ thống cấp điện Phường Fan Si Pan	Đường ống		2021-2025	12.000	12.000		12.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
20	Hệ thống cấp điện Phường Hàm Rồng	Năng cấp		2021-2025	7.000	7.000		7.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
21	Hệ thống cấp nước Phường Hàm Rồng	Năng cấp		2021-2025	10.000	10.000		10.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
22	Điện chiếu sáng công cộng Phường Ô Quý Hồ	Đọc đường QL4D (ngã ba đường vào cấp treo đến giao đường TL155		2021-2025	5.000	5.000		5.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
23	Hệ thống điện chiếu sáng Phường Sa Pa	Đầu tư mới		2021-2025	10.000	10.000		10.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
24	Hệ thống cấp nước Phường Sa Pa	Nước cấp được cấp dọc theo đường Chân núi Hàm Rồng, L=10KM, xây dựng bể cấp cho toàn bộ Khu Sầu chua		2021-2025	21.000	21.000		21.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
25	Hệ thống cấp nước Sa Pa	15000m3	ppp	2021-2025	205.000		205.000	205.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
26	Ngầm hóa khu đô thị cũ	30km	Góp vốn	2021-2025	75.000	30.000	45.000	75.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
27	Nghĩa Trang Sa Pa	20ha	Xây dựng mới	2021-2025	120.000	120.000		120.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
28	Bãi chôn lấp rác thải xây dựng	35ha	Xây dựng mới	2021-2025	80.000	80.000		80.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
29	Khu xử lý rác thải sinh hoạt	120 tấn	Kêu gọi đầu tư	2021-2025	150.000		150.000	150.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
30	Giải phóng mặt bằng khu dân cư tổ 7 thị trấn Sa Pa			2021-2025	55.000	55.000		55.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
31	Các điểm sắp xếp dân cư thuộc khu vực ruộng bậc thang huyện Sa Pa			2021-2025	92.000	92.000		92.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
32	Chợ đầu mối nông sản thôn Giàng Tra xã Sa Pa			2021-2025	25.000	25.000		25.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
33	Chợ Bán Khoang			2021-2025	5.000	5.000		5.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
34	Chợ Bán Hồ			2021-2025	5.000	5.000		5.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
35	Chợ Thanh Kim			2021-2025	3.500	3.500		3.500	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
36	Đầu tư xây dựng 3 ga chung chuyển rác thải thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa			2021-2025	8.600	8.600		8.600	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
37	Lắp đặt điện chiếu sáng công cộng dọc đường QL4D (từ ngã ba nhà máy nước đến ngã ba đường vào cấp treo)			2021-2025	7.000	7.000		7.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
38	Lắp đặt điện chiếu sáng công cộng dọc đường QL4D (từ ngã ba nhà máy nước đến Ô Quý Hồ)			2021-2025	3.000	3.000		3.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
39	Làm vỉa hè dọc đường QL 4D từ cổng chào đến cây thông kính chào quý khách			2021-2025	15.000	15.000		15.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
40	Thay lan can hồ bằng đá			2021-2025	6.300	6.300		6.300	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
41	Xây dựng 03 nhà WC công cộng tại khu vực Vĩ lộc, hồ Xuân Viên; Chợ văn hóa bến xe			2021-2025	9.000	9.000		9.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
42	Chỉnh trang đô thị thị xã Sa Pa			2021-2025	50.000	50.000		50.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
43	Khu tái định cư và sắp xếp dân cư phường Sa Pa	Giải phóng mặt bằng, San gạt mặt bằng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật		2021-2025	50.000	50.000		50.000	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện		
44	Khu tái định cư và sắp xếp dân cư phường Ô Quý Hồ	Giải phóng mặt bằng, San gạt mặt bằng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật		2021-2025	50.000	50.000		50.000	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện		
45	Khu tái định cư và sắp xếp dân cư phường Fan Si Păng	Giải phóng mặt bằng, San gạt mặt bằng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật		2021-2025	50.000	50.000		50.000	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện		
46	Nhà máy xử lý rác	Quy mô 50 tấn/ngày đêm		2021-2025	50.000	50.000		50.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan		



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giải đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó							
						NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHHT, ND đóng góp...)					
47	Hệ thống thoát nước KĐT cũ	80km		2021-2025	60.000	60.000			60.000				
III	Giáo dục và Đào tạo				96.100	85.000	11.100	0	96.100				
48	Trường Tiểu học phường Sa Pa	13 phòng học, 8 phòng chức năng, 6 phòng hiệu bộ, ngoại thất		2021-2025	10.000	10.000			10.000	UBND H Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
49	Trường THCS Hàm Rồng	12 phòng học, 8 phòng chức năng, 6 phòng hiệu bộ, ngoại thất		2021-2025	7.000	7.000			7.000	UBND H Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
50	Trường Mầm non phường Sa Pa	4 phòng học, 8 phòng chức năng, ngoại thất		2021-2025	6.000	6.000			6.000	UBND H Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
51	Trường THCS phường Sa Pa	8 phòng học, 8 phòng chức năng, 6 phòng hiệu bộ, ngoại thất		2021-2025	10.000	10.000			10.000	UBND H Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
52	Trường Mầm non số 2 phường FanxiPan	4 phòng học, 8 phòng chức năng, ngoại thất		2021-2025	8.000	8.000			8.000	UBND H Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
53	Trường Tiểu học + THCS phường Fan Si Pan	18 phòng học, 8 phòng chức năng, 6 phòng hiệu bộ, ngoại thất		2021-2025	15.000	15.000			15.000	UBND H Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
54	Trường Mầm non phường Cầu Mây	10 phòng học, 8 phòng chức năng, ngoại thất		2021-2025	8.000	8.000			8.000	UBND H Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
55	Trường TH + THCS phường Cầu Mây	18 phòng học, 8 phòng chức năng, 6 phòng hiệu bộ, ngoại thất		2021-2025	15.000	15.000			15.000	UBND H Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
56	Trường MN, TH&THCS Võ Thị Sáu	10 phòng học		2021-2025	6.000	6.000			6000	UBND H Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
57	Giải phóng mặt bằng các điểm trường			2021-2025	11.100		11.100		11100				
IV	Y tế				18.000	18.000	0	0	18.000				
58	Trạm y tế phường Ô Quý Hồ	2028m2		2021-2025	4.500	4.500			4500	UBND H Sa Pa	Các sở ban ngành thuộc tỉnh		
59	Trạm y tế phường Fan Si Păng	4495m2		2021-2025	4.500	4.500			4500	UBND H Sa Pa	Các sở ban ngành thuộc tỉnh		
60	Trạm y tế phường Cầu Mây	1733m2		2021-2025	4.500	4.500			4500	UBND H Sa Pa	Các sở ban ngành thuộc tỉnh		
61	Trạm y tế phường Sa Pa	1700m2		2021-2025	4.500	4.500			4500	UBND H Sa Pa	Các sở ban ngành thuộc tỉnh		
V	Nhà ở xã hội				924.849	0	0	924.849	924.849				
62	Nhà ở xã hội dành cho người có thu nhập thấp tại khu dự phòng Tây Bắc, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Diện tích xây dựng 91.451m2. Tổng số 917 căn hộ	Xây dựng mới	2021-2025	924.849			924.849	924.849	Liên danh Công ty CP BNB và công ty cổ phần bất động sản Minh Điền Vital	Các sở, ngành		
VI	Phát triển đô thị				39.004.000	0	154.000	38.850.000	39.004.000				
63	Khu đô thị mới Đông Bắc	160ha	Đầu thầu dự án	2021-2025	9.100.000			9.100.000	9.100.000	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện		
64	Khu đô thị mới Mường Hoa	10ha	Đầu thầu dự án	2021-2025	750.000			750.000	750.000	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện		
65	Khu đô thị mới Sa Pa 1	17ha	Đầu thầu dự án	2021-2025	850.000			850.000	850.000	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện		
66	Khu đô thị mới Sa Pa 2	83ha	Đầu thầu dự án	2021-2025	4.150.000			4.150.000	4.150.000	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện		
67	Khu đô thị mới Suối Hồ	416ha	Đầu thầu dự án	2021-2025	20.800.000			20.800.000	20.800.000	Sở GTVT-XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện		
68	Khu đô thị số 1, 2A TT Sa Pa	64ha		2021-2025	3.200.000			3.200.000	3.200.000	UBND H Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
69	Khu đô thị số 6, 7 TT Sa Pa	17ha		2021-2025	154.000		154.000		154.000	UBND H Sa Pa	Các sở ngành liên quan		
VII	Nâng cao năng lực bộ máy HCNN				230	230	0	0	230				

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Trong đó							
					Tổng	NS tỉnh	NS huyện					
70	Đề án Thi điểm CBCC cấp phường (Phường Sa Pa) sử dụng song ngữ (Tiếng Anh) trong giao tiếp công vụ	21 người		2021-2025	105	105			105	UBND H Sa Pa	Sở nội vụ và các đơn vị liên quan	
71	Đề án nâng cao năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) cho đội ngũ CBCC làm việc trong lĩnh vực du lịch, tiếp công dân của thị xã Sa Pa	50 người		2021-2025	125	125			125	UBND H Sa Pa	Sở nội vụ và các đơn vị liên quan	



PHỤ LỤC IV.2
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, DANH MỤC XÂY DỰNG KHU DU LỊCH SA PA
(Kèm theo Kế hoạch số 308/KH-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Trong đó								
					Tổng	NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHH, ND đóng góp...)					
TỔNG CỘNG					6.671.100	4.012.850	283.360	2.374.890	1.249.020	5.422.081			
A	Giai đoạn 2019-2020				3.202.300	1.095.750	66.160	2.040.390	1.249.020	1.953.281			
I	Bãi đỗ xe				436.000	96.000	0	340.000	130.800	305.200			
1	Bãi đỗ xe ngầm khu trung tâm	4ha	Kêu gọi đầu tư	2019-2020	340.000			340.000	102.000	238.000	Sở GTVT&XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện	
2	Bãi đỗ xe khu vực hạ huyện (tại Tà van)				15.000	15.000			4.500	10.500	UBND huyện Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
3	Bãi đỗ xe phía Nam huyện Sa Pa (tổ 7)	Diện tích 8000m2		2020-2021	6.000	6.000			1.800	4.200	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
4	Bến xe trung chuyển phía Đông (Tài xã Sa Pa)			2020-2025	50.000	50.000			15.000	35.000	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
5	Bãi đỗ xe dôi con gái			2020-2025	25.000	25.000			7.500	17.500	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
II	Một số tuyến đường giao thông phục vụ du lịch Sa Pa (bao gồm cả chuyển tiếp)				800.750	740.750	0	60.000	554.763	245.988			
6	Hoàn thành Đường tránh QL4D đoạn Km100 - Km111			2016-2020	462.795	462.795			416.516	46.280	Sở GTVT-XD	Các đơn vị có liên quan	
7	Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến Sa Pa (Tiểu dự án bồi thường GPMB đoạn qua huyện Sa Pa)			2017-2019	100.465	100.465			85.000	15.465	UBND H.Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
8	Nâng cấp mở rộng đường trục thôn Sà Seng xã Sa Pa	Mở rộng nền đường, bê tông cốt thép mặt đường, mặt đường láng nhựa		2020	14.990	14.990			4.497	10.493	UBND huyện Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
9	Nâng cấp mở rộng nền đường Cát Cát - Ý Linh Hồ xã San Sả Hồ	Mở rộng nền, gia cố rãnh thoát nước		2019-2020	5.000	5.000			1.500	3.500	UBND huyện Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
10	Mở rộng đường Vi Ô Lết thị trấn Sa Pa	Mở rộng đường thành 4 làn đường, vỉa hè, bê tông rãnh thoát nước		2020	35.000	35.000			10.500	24.500	UBND huyện Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
11	Nâng cấp đường Nguyễn Chí Thanh thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa (giai đoạn 2)	Nâng cấp, mở rộng nền mặt đường, B=11,5m, chiều dài 1,7km, rãnh thoát nước, mặt thảm bê tông nhựa 2 lớp		2020	34.000	34.000			10.200	23.800	UBND huyện Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
12	Nâng cấp đường Lao Chải San 2 - Ý Linh Hồ xã San Sả Hồ	Mở rộng, sửa chữa nền mặt đường, rãnh thoát nước, chiều dài 1,5km		2020	3.500	3.500			1.050	2.450	UBND huyện Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
13	Đường Cát Cát - Ý Linh Hồ - Lao Chải San 2 - Lò Lao Chải xã Lao Chải	Mở mới theo tiêu chuẩn đường GTVT cấp B		2020	25.000	25.000			7.500	17.500	UBND huyện Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
14	Hệ thống thoát nước khu đô thị cũ	~8khu	Cải tạo	2019-2020	120.000	60.000		60.000	18.000	102.000	Sở GTVT&XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện	
III	Một số dự án công trình đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch				276.114	188.754	64.400	22.960	56.626	219.488			
III.1	Về Quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án lĩnh vực VHHTDL				91.001	66.501	13.500	11.000	19.950	71.051			
15	Rà soát, đánh giá các tiêu chí Khu du lịch Quốc gia thì do xây dựng phương án giữ vững các tiêu chí theo quy định, cơ sở lưu trú, khách sạn, khu nghỉ dưỡng	Thực hiện trên địa bàn huyện Sa Pa, Bải Xát	Thành lập tổ công tác, thành phần: Sở VHHTDL, UBND huyện Sa Pa, UBND huyện Bải Xát; rà soát, đánh giá các tiêu chí Khu du lịch Quốc gia Sa Pa theo quy định	Năm 2019 - 2020	150	150			150	0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện: Sa Pa, Bải Xát	

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Trong đó								
					Tổng	NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHHT, ND đóng góp...)					
-	Quy hoạch bảo tồn và khai thác di sản văn hóa Ruộng bậc thang Sa Pa phục vụ phát triển du lịch												
16	Lập quy hoạch bảo tồn quản lý và khai thác di tích danh thắng RBT	729 ha	Thuê đơn vị tư vấn đo đạc lập quy hoạch	Năm 2019 - 2020	4.651	4.651		1.395	3.256	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, GTVT-XD, UBND huyện Sa Pa		
-	Dự án: Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Sa Pa	Trên địa bàn các xã phát triển DLCD	Xây dựng Dự án cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện	Giai đoạn 2019 - 2025						UBND huyện Sa Pa	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, GTVT-XD, VHTTDL		
17	Đầu tư xây dựng quần thể 05 Nhà du lịch cộng đồng tại 05 trong điểm du lịch đại diện cho 05 dân tộc thiểu số của huyện trên cơ sở phát triển kiến trúc, văn hóa truyền thống của 5 dân tộc	Quần thể: Nhà DLCD, Khu triển lãm văn hóa dân tộc, không gian chơi và biểu diễn ngoại trời, Khu trưng bày và bán các sản phẩm địa phương, Nhà vệ sinh công cộng	Thuê tư vấn thiết kế, đầu tư xây dựng, hồ sơ trang thiết bị, thiết lập mô hình vận hành và trang bị kỹ năng vận hành	2019-2020	30.000	30.000		9.000	21.000				
18	Tư vấn và đầu tư tổ chức các chương trình tham quan và hoạt động giao lưu, vui chơi giải trí nhằm kéo dài thời gian lưu trú tại các điểm du lịch cộng đồng	05 điểm du lịch đại diện cho 05 dân tộc	Thuê tư vấn nghiên cứu và thiết kế hoạt động, Kêu gọi XHH đầu tư tổ chức các hoạt động	2019-2020	2.500		2.500	750	1.750				
19	Xây dựng 05 Chương trình nghệ thuật tái hiện văn hóa và lịch sử của 05 dân tộc thiểu số tại Sa Pa thành chương trình biểu diễn thường kỳ phục vụ khách du lịch	Đầu tư tổng thể Sân khấu, trang âm - ánh sáng, chương trình nghệ thuật (kịch bản, âm nhạc, đạo diễn, tập luyện...)	Thuê chuyên gia tư vấn thiết kế sân khấu và nghệ sỹ viết và dàn dựng	2019-2020	20.000	15.000	5.000	4.500	15.500				
20	Tạo và tái tạo cảnh quan tại các điểm du lịch cộng đồng	Trồng cây, trồng hoa, thiết kế và lắp đặt các mô hình biểu tượng, các cum trang trí	Thuê chuyên gia nghiên cứu và tư vấn, Hồ sơ kinh phí về giống và phân bón, Hồ sơ kỹ thuật chi trả... đầu tư kinh phí xây lắp các biểu tượng, cum trang trí	2019-2020	5.000	5.000		1.500	3.500				
21	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch	Đầu tư đồng bộ các hạng mục, Nhà vệ sinh công cộng, hệ số sơ, hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn, hệ thống xử lý chất thải và rác thải	Thuê chuyên gia quy hoạch, thiết kế, Đầu tư kinh phí xây dựng, Công đồng vận hành và khai thác	2019-2020	15.000	10.000	5.000	3.000	12.000				
22	Nâng cao năng lực quản lý, vận hành các điểm du lịch cộng đồng		Tuyên truyền nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng, hồ sơ sức khỏe điểm đến	2019-2020	1.000		1.000	300	700				
23	Xây dựng mô hình thí điểm du lịch cộng đồng xã Tả Van năm 2019- 2020 thuộc Dự án thành phần số 1 "Phát triển du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 – 2020"	Trên địa bàn xã Tả Van	(Theo KH 163/KH-UBND ngày 19/5/2018 của UBND tỉnh)	Năm 2019- 2020	11.500	5.500	6.000	1.650	9.850	UBND huyện Sa Pa	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, GTVT-XD, VHTTDL, Doanh nghiệp	Mục tiêu đề án 03 giai đoạn 2016-2020	
24	Xây dựng Chiến lược quảng bá thương hiệu Fansipan - Sa Pa	Trên địa bàn huyện Sa Pa	Thuê đơn vị tư vấn đo đạc lập quy hoạch Chiến lược	2019-2022	1.200	1.200		360	840	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị có liên quan		
III.2	Về hạ tầng, kỹ thuật văn hóa, thể thao, du lịch				100.300	66.300	24.500	9.500	19.890	80.410			
25	Hoàn thành giải phóng mặt bằng tuyến đường Sa Pả - Tả Phìn – Bản Khoang	14,3km	Bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2019 - 2020, tuyến trước, vận động nhân dân thực hiện chính sách đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật	Năm 2019 - 2020	17.000	17.000		5.100	11.900	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Sa Pa		
26	Đầu tư các trạm dừng chân, ngắm cảnh, vệ sinh công cộng	4 điểm trên tuyến đặc trưng tình Mông Hoa, Thanh Kư, Thanh Phú, Bản Phùng		Giai đoạn 2019 - 2022	8.000	2.000	4.000	2.000	600	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, GTVT-XD, UBND huyện Sa Pa		

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó							
						NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHH, ND đóng góp...)					
27	Đầu tư công chào và trạm dừng nghỉ khách tại 03 cửa ngõ đến Sa Pa. Bao gồm: Sa Pa - Lai Lát - Mường - Sa Pa và TP Lào Cai - Sa Pa	Quản chế gồm: Công chào, Nhà đón tiếp và cung cấp thông tin du lịch, bàn hàng gửi thuốc và bán quà tặng địa phương và sản phẩm đặc thù Sa Pa, Bãi đỗ xe, Nhà vệ sinh công cộng, không gian xanh	Thuê tư vấn thiết kế, Đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành	Giai đoạn 2019-2020	45.000	30.000	15.000		9.000	36.000	UBND huyện Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
-	Đầu tư nâng cấp các tuyến đường mang nhãn hiệu thương hiệu sản phẩm "Sa Pa - Xứ sở của các chương trình đi bộ dã ngoại hấp dẫn"												
28	Tuyến Ở Quý Hồ - Sín Chải - Ý Linh Hồ - Tả Van - Hầu Thào - Bản Hồ	Gia cố các đoạn đường khó (không đủ tổng hóa), đầu tư nâng cấp chân nền, nền, lát, tạo cảnh quan (trồng cây và hoa) trên tuyến đường, lắp đặt biển chỉ dẫn và hệ thống xử lý rác.	Khôn xây, xây dựng phương án và tham vấn các đơn vị liên quan, đầu tư kiến cơ đầu tư theo phương án được phê duyệt.	2019-2020	6.000	5.000	1.000		1.500	4.500	UBND huyện Sa Pa		
29	Tuyến Sa Pa - Sầu Chua - Hang đá (Hầu Thào) - Sín Pôn - Thanh Kim - Bản Hồ				6.000	5.000	1.000		1.500	4.500	UBND huyện Sa Pa		
-	Đầu tư và hỗ trợ phát triển nghề và các sản phẩm nghề truyền thống phục vụ du lịch												
30	Đầu tư và phát triển thương hiệu sản phẩm "Thỏ cặm Sa Pa" thành quà tặng lưu niệm thay thế cho các sản phẩm thủ công nghiệp không có nguồn gốc xuất xứ tại Sa Pa nhằm vinh danh sản phẩm truyền thống, tạo việc làm và thu nhập bền vững cho người dân Sa Pa	Hỗ trợ tổng thể: phát triển vùng nguyên liệu đầu vào; thiết kế mẫu mã phù hợp với nhu cầu và thị hiếu khách du lịch; đầu tư và sản xuất các mẫu sản phẩm một số thủ công truyền thống.	Thiết kế chuyên gia thiết kế mẫu mã, hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu đầu vào, Thành lập Hiệp hội Thủ cặm Sa Pa và hỗ trợ sản xuất sản phẩm thương hiệu. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm. Thiết lập cơ chế bảo hộ sản phẩm tại Sa Pa (yêu cầu của cơ quan hàng tại Sa Pa chỉ bán thủ cặm Sa Pa...)	2019-2020	11.500	4.000	2.000	5.500	1.200	10.300	UBND huyện Sa Pa		
31	Đầu tư và phát triển thương hiệu "Ấm thực Sa Pa" phục vụ du lịch	Tập trung nghiên cứu và phát triển ẩm thực truyền thống của 05 dân tộc thiểu số Sa Pa phục vụ du lịch	Thiết kế chuyên gia ẩm thực nghiên cứu và phát triển ẩm thực các dân tộc Sa Pa, Vận động các Nhà hàng và khách sạn địa phương mời ẩm thực được nghiên cứu và phát triển thành thực đơn phục vụ khách; Hỗ trợ quảng bá Sản phẩm ẩm thực	2019-2020	2.000	500	500	1.000	150	1.850	UBND huyện Sa Pa		
32	Hỗ trợ đầu tư và phát triển nghề Chạm khắc bạc - đá sản và hóa cấp quốc gia thành sản phẩm quà tặng lưu niệm	Tập trung vào nhóm dân tộc Mông và Dao	Thiết kế chuyên gia thiết kế phát triển mẫu mã phù hợp với thị hiếu du khách; hỗ trợ triển khai, hỗ trợ thi công, sản xuất và tìm kiếm thị trường đầu ra	2019-2020	1.500		500	1.000	500	1.000	UBND huyện Sa Pa		
-	Bảo tồn, khai thác Tu viện cổ Tả Phìn phục vụ du												
33	Quy hoạch, đầu tư tái tạo cảnh quan phục vụ du lịch	Khuyến khích không gian, trồng cây, trồng hoa tạo cảnh quan, lắp đặt nội quy và hệ thống biển báo và chỉ dẫn; đầu tư bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng.	Thiết kế tư vấn, đầu tư tái tạo cảnh quan và xây dựng, lắp đặt các hàng rào	2019-2020	800	800		240	560	UBND huyện Sa Pa			
34	Bảo tồn và khai thác các lễ hội, trò chơi, trò diễn dân gian và thể thao truyền thống phục vụ phát triển du lịch	Tuần hoàn	Sưu tầm, thống kê, ghi chép và biên soạn thành kịch bản lễ hội và tập tài liệu hướng dẫn tổ chức các hoạt động biểu diễn, giao lưu phục vụ khách du lịch	2019-2020	2.500	2.000	500	600	1.900	UBND huyện Sa Pa			
III.3	Về xúc tiến quảng bá, phát triển hình ảnh và xây dựng thương hiệu				3.000	500	2.000	500	150	2.850			

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Trong đó								
					Tổng	NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHIII, ND đóng góp...)					
35	Xây dựng hình ảnh "Sa Pa - Sừng, xanh, sạch, đẹp và văn minh". Tổ chức cuộc thi thường niên về xây dựng tuyến phố, khu du lịch và các thiết bị sân xanh - sạch - đẹp và văn minh	Khu vực thị trấn và các điểm du lịch	Xây dựng tiêu chí, phát động cuộc thi, tổ tập cây giống, phân bón và kỹ thuật (choa các cánh) tổ chức đánh giá, bình xét và vinh danh, trao giải.	2019-2020	2.000	500	1.000	500	150	1.850			
36	Xây dựng hình ảnh con người Sa Pa từ tôn, thân thiện, mến khách	Huyện Sa Pa	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hội thảo - hội thảo nhằm khuyến khích tinh thần và niềm tự hào của người dân Sa Pa	2019-2020	1.000		1.000		333	667	UBND huyện Sa Pa	Sở VH-TTDL, Ban Dân tộc, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ	
III.4	Đầu tư xây dựng các công trình, dự án văn hóa thể thao				17.000	17.000	0	0	5.100	11.900			
37	- Xây dựng biểu trưng Khu du lịch Quốc gia Sa Pa	5 cụm hữu trung, biểu tượng;	Tổ chức thi thiết kế biểu trưng; lập dự án xây dựng biểu trưng Khu DL Quốc gia Sa Pa trên tuyến đường từ Lào Cai đi Sa Pa		10.000	10.000			3.000	7.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, GTVT-XD; UBND huyện Sa Pa	
38	- Cài tạo Trung tâm Thông tin du lịch theo tư vấn của chuyên gia vùng Nouvelle Aquitaine	Cài tạo cảnh quan, sân vườn, một số hạng mục nội thất	Cài tạo Trung tâm Du lịch thành trung tâm du lịch văn hóa theo tư vấn của chuyên gia vùng Nouvelle Aquitaine (CH Pháp)		7.000	7.000			2.100	4.900	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, GTVT-XD; UBND huyện Sa Pa	
III.5	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở				45.350	37.800	5.590	1.960	11.340	34.010			
-	Nâng cao tỷ lệ, chất lượng các chi tiêu GDVII, thôn, tổ dân phố văn hóa trên địa bàn huyện tương đương với mức trung bình của cả tỉnh; phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ phối hợp, hướng dẫn huyện Sa Pa trong việc triển khai thực hiện các quy định của Trung ương, của tỉnh về Phong trào, huyện quan tâm, sưu tập, trích nhậm và quyết liệt trong việc chi đạo triển khai thực hiện Phong trào ở địa phương, bố trí kinh phí cho hoạt động văn hóa, thể thao cơ sở. Sở VH-TTDL có cán bộ giúp huyện xây dựng các địa chỉ văn nghệ của lực bộ thể thao	Giai đoạn 2019 - 2025					0	0	UBND huyện Sa Pa	Sở VH-TTDL	
39	- Bổ trí kinh phí BCD phong trào cấp huyện, xã			Giai đoạn 2019 - 2025	800		800		240	560	UBND huyện Sa Pa	Sở VH-TTDL	
40	- Đầu tư xây dựng, hỗ trợ thiết bị cho 10 NVH xã, 28 NVH thôn, tổ dân phố	NVH xã cấp IV gắn với hội trường UBND xã, quy mô 300 chỗ ngồi, NVH thôn xã cấp 4, quy mô 150 chỗ ngồi, theo kế hoạch triển khai đồng bộ địa tộc huyện Sa Pa	Quy hoạch quỹ đất cho 13 NVH tổ dân phố tại Thị trấn Sa Pa, bố trí kinh phí đầu tư xây dựng	Năm 2019 - 2020	43.800	37.800	4.040	1.960	11.340	32.460	UBND huyện Sa Pa	Các Sở: Tài chính, KH&ĐT, GTVT-XD, VH-TTDL	
41	- Hướng dẫn, hỗ trợ đổi văn nghệ, câu lạc bộ thể thao, xem xét tổ chức ngày hội văn hóa, thể thao và dân tộc huyện Sa Pa	25 địa chỉ văn nghệ, 25 CLB Thể thao	Lựa chọn 25 địa chỉ văn nghệ xã/ thôn xã ưu tiên, 25 CLB thể thao để hướng dẫn, hỗ trợ về chuyên môn, kinh phí tổ chức hoạt động, chuẩn bị các điều kiện về lực lượng, cơ sở vật chất, kinh phí tổ chức ngày hội VH-TT huyện	Giai đoạn 2019 - 2025	750		750		250	500	UBND huyện Sa Pa	Sở VH-TTDL	
III.6	Về bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa				19.463	653	18.810	0	196	19.267			
-	Về di tích, danh thắng												
42	- Sở hóa các viên đá thuộc Di tích Khu chạp khê đá cổ Sa Pa	211 viên đá	Giáo nhậm và kinh phí cho Sở VH-TTDL	Năm 2019 - 2021	633	633			190	443	Sở VH-TTDL	UBND huyện Sa Pa	
-	Về di sản văn hóa phi vật thể												

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú	
					Tổng	Trong đó							
						NS tỉnh	NS huyện						Nguồn khác (XHHT, ND đóng góp...)
43	<p>Thực hiện bảo tồn, khai thác giá trị của 10 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia đã được công nhận phục vụ phát triển du lịch. Nghề làm sáp của người Dao, lễ hội Gầu tào của người Mông, Lễ hội Reong Pooe của người Giáy, Lễ hội Pơ tồng của người Dao đỏ, Nghề chạm khắc bạc của người Mông, Kéo co của người Tày, người Giáy, Nghề thuật trang trí trên trang phục của người Xá Phó, Di sản Chử Nôm của người Dao, Nghề thuật mua khèn của người Mông, Nghề chạm khắc bạc của người Dao Đỏ.</p>	Bảo tồn, phát huy giá trị 10 di sản VH phi vật thể cấp quốc gia	Xây dựng Dự án cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện	Giai đoạn 2019 - 2025	2.000		2.000		600	1.400	Sở VH-TDL	UBND huyện Sa Pa	
44	<p>Bảo tồn, truyền dạy các nghề thủ công truyền thống nghề chạm khắc bạc người Mông, Dao, nghề làm trống người Dao, nghề dệt vải, thêu may trang phục người Mông; nghề thêu may trang phục người Dao, người Xá Phó, Văn hóa ẩm thực người Tày, Giáy, nghề vẽ tranh thờ bồng các nguyên liệu màu tự</p>	Bảo tồn nghề thủ công các dân tộc thiểu số Sa Pa	Xây dựng Dự án cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện	Giai đoạn 2019 - 2025	1.800		1.800		540	1.260	UBND huyện Sa Pa	Sở VH-TDL	
-	Về quy chế									0			
45	Xây dựng quy chế quản lý khu du lịch quốc gia Sa Pa		Các cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo, soạn ý kiến các ngành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Năm 2019 - 2020	10	10			10	0			
46	Quy chế quản lý du lịch cộng đồng tỉnh Lào Cai (trong đó có Sa Pa)		Các cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo, soạn ý kiến các ngành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Năm 2019 - 2020	10		10		10	0			
47	Đề án thu phí du lịch Khu du lịch quốc gia Sa Pa		Các cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo, soạn ý kiến các ngành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Năm 2019 - 2020	10	10			10	0	Sở Tài chính	Các Sở ngành liên quan, UBND huyện Sa Pa, Bír Xát	
-	Bộ máy, tổ chức												
48	<p>Thành lập BQL du lịch huyện Sa Pa trên cơ sở sáp nhập các đơn vị: BQL Khu du lịch Hàm Rồng, BQL Di tích, Ban quản lý Chợ, Tổ thu phí tham quan du lịch (thuộc phòng VH-TL); Đòi liên ngành quản lý khách du lịch. Chức năng: Quản lý và vận hành các hoạt động du lịch trên địa bàn huyện (quản lý các các điểm du lịch, di tích và danh thắng; quản lý HDV; thu phí tham quan, giám sát chất lượng dịch vụ)</p>		Hiện Sa Pa chủ trì xây dựng Đề án, soạn ý kiến các ngành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Năm 2019 - 2020	15.000		15.000		5.000	10.000	UBND huyện Sa Pa	Sở VH-TDL, Nội vụ, Công an tỉnh, Thuế, Tài chính	Chi phí vận hành bộ máy
IV	Phát triển đô thị				1.615.838	0	0	1.615.838	484.751	1.131.087			
49	Dự án nhà phố thương mại, dịch vụ ẩm thực, khách sạn phố Cầu Mây thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa	10.751ha		2019-2020	300.000			300.000	90.000	210.000	Sở GTVT&XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện	
50	QH khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Cầu Mây	47,7ha		2.020	1.217.000			1.217.000	365.100	851.900	Sở GTVT&XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện	
51	Khu nghỉ dưỡng Cat Cat Hill tại xã Sơn Sả Hồ, huyện Sa Pa	2,77ha		2.020	98.838			98.838	29.651	69.187	Sở GTVT&XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện	
V	Quy hoạch				73.598	70.246	1.760	1.592	22.079	51.519			
52	Quy hoạch chung xây dựng khu du lịch quốc gia Sa Pa	5.525ha		2019-2021	3.900		3.900		1.170	2.730	Sở GTVT-XD	UBND huyện Sa Pa	

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó							
						NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XH, ND đóng góp...)					
53	Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thanh Phú	400 ha		2019-2021	2.000	2.000			600	1.400	Sở GTVT-XD	UBND huyện Sa Pa	
54	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Sa Pa	90ha		2019-2021	1.377	1.377			413	964	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
55	Quy hoạch chi tiết khu đô thị mới tổ 1, 2A thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa	71ha		2020-2022	2.500	2.500			750	1.750	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
56	Quy hoạch chi tiết khu dân cư tổ 13, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa	145ha		2020-2022	2.800	2.800			840	1.960	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
57	Quy hoạch chi tiết khu đô thị mới tổ 11 thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa	52ha		2020-2022	1.872	1.872			562	1.310	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
58	Quy hoạch chi tiết Thiên viên Trúc Lâm Đại Giác tại tổ 6, thị trấn Sa Pa	1,3ha. Nguồn vốn thực hiện xã hội hóa		2019	0	0		0	0	0	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
59	Quy hoạch thiên viên trúc lâm chân núi (tại Sầu Chua)	30ha. Nguồn vốn thực hiện xã hội hóa		2019	0	0		0	0	0	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
60	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu sườn đồi Con gái, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai			2019-2021	1.150	1.150			345	805	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
61	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu dân cư Ở Quý Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai			2019-2021	1.300	1.300			390	910	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
62	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu Đồi Thông, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai			2019-2021	1.300	1.300			390	910	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
63	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu Dân cư vườn đào, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai			2019-2021	900	900			270	630	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
64	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu Dân cư đồi Vi ô lét, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai			2019-2021	600	600			180	420	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
65	Quy hoạch điểm đô đất thừa, chất thải xây dựng trên địa bàn thị trấn			2020-2022	1.500	1.500			450	1.050	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
66	Quy hoạch chi tiết trung tâm xã và các điểm dân cư nông thôn	10 xã		2020-2022	9.500	9.500			2.850	6.650	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
67	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới	10 xã		2020-2022	9.250	9.250			2.775	6.475	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
68	Điều chỉnh QH chi tiết trung tâm các xã (Bản Hồ, Tả Phìn, Tả Van, Lào Chải, San Sả Hồ)			2019-2021	3.000	3.000			900	2.100	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
69	Quy hoạch chi tiết khu vực Bản Đền xã Bản Hồ	20ha		2019-2021	700	700			210	490	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
70	Quy hoạch các khu tái định cư một số xã trên địa bàn huyện Sa Pa			2019-2021	2.000	2.000			600	1.400	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
71	Quy hoạch chi tiết chi tiết Tổ hợp nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp The Tango Sa Pa	16,8ha. Nguồn vốn thực hiện xã hội hóa		2019-2020	0	0		0	0	0			
72	Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 nghĩa trang nhân dân thị trấn Sa Pa	12,3ha		2019-2021	1.500	1.500			450	1.050	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
73	Quy hoạch phân khu xây dựng Tả Phìn, Sa Pa	800ha		2019-2021	2.880	2.880			864	2.016	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
74	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực Ngũ Chỉ Sơn (Bản khoáng, Tả Giàng Phình)	500ha		2019-2021	2.550	2.550			765	1.785	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
75	Quy hoạch các khu vực quỹ đất thuận lợi (khu vực các bãi đỗ xe) dọc tuyến đường tỉnh lộ 152 (Sa Pa đi Bản Đền)	200ha		2019-2021	2.380	2.380			714	1.666	UBND H.Sa Pa	Sở GTVT-XD	
76	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Suối Hồ, huyện Sa Pa	375ha		2020-2022	6.000	6.000			1.800	4.200	Sở GTVT-XD	UBND huyện Sa Pa	

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Trong đó							
					Tổng	NS tỉnh	NS huyện					
77	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu hành chính Sa Pa, Khu vực Sầu Chua (Sa Pa), Y Tý (Bát Xát)	Toàn bộ khu hành chính mới Sa Pa, khu vực Sầu Chua (Sa Pa), xã Y Tý (Bát Xát)	Thỏa mãn và tư vấn dự năng lực lập quy hoạch	Giai đoạn 2019 - 2025	8.000	8.000		2.400	5.600	Sở GTVT-XD	UBND huyện Sa Pa, Bát Xát	
78	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Sa Pa, huyện Sa Pa	80ha; Nguồn vốn thực hiện xã hội hóa		2020	0	0	0	0	0	Sở GTVT-XD	UBND huyện Sa Pa	
79	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới khu sản xuất nông nghiệp gần với du lịch Sầu Chua, huyện Sa Pa	428; Nguồn vốn thực hiện xã hội hóa		2019-2020	0	0	0	0	0	Sở GTVT&XD	UBND Huyện Sa Pa	
80	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới trung tâm phường Sa Pa, huyện Sa Pa	40		2019-2021	1.760		1.760		1.232	UBND H Sa Pa	Sở GTVT&XD	
81	Quy hoạch chi tiết xây dựng dọc hai bên tuyến đường nối từ Khách sạn Công Đoàn đến đường tỉnh lộ 152	16,5		2020-2022	1.287	1.287		386	901	UBND H Sa Pa	Sở GTVT&XD	
82	Quy hoạch chi tiết xây dựng Thiên viên Trúc lâm Đại Giác tại tổ 6, thị trấn Sa Pa	1		2019-2020	192		192	58	134	UBND H Sa Pa	Sở GTVT&XD	
83	Quy hoạch chi tiết xây dựng Thiên viên Trúc lâm Chân Ngõ (tại Sầu Chua)	30		2019-2020	1.400		1.400	420	980	UBND H Sa Pa	Sở GTVT&XD	
B	Giai đoạn 2021-2025				3.468.800	2.917.100	217.200	334.500	3.468.800			
I	Đường giao thông				2.432.000	2.432.000	0	0	2.432.000			
45	Đường kết nối từ đường tránh QL.4D đến TT Sa Pa	Làm mới tuyến chiếu sáng khoảng 4km, đường cấp IV MS, kết cấu mặt đường BTN		2021-2025	800.000	800.000			800.000	Sở GTVT&XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện	
46	Nâng cấp đường Sa Pa-Hầu Tháo	Nâng cấp 1km đường cấp IV miền núi			600.000	600.000			600.000	Sở GTVT&XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện	
47	Đường Tả Phìn-Ngòi San-Quang Kim	XD mới và cải tạo tuyến dài khoảng 32km để nối chuẩn đường cấp V miền núi			400.000	400.000			400.000	Sở GTVT&XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện	
48	Nâng cấp TL 152 kết nối với nút giao thôn TT Phố Lu, đường sắt, sân bay	Nâng cấp 40-2km đường TL 152 đoạn TC đường cấp IV miền núi			600.000	600.000			600.000	Sở GTVT&XD	Các sở ngành liên quan, UBND huyện	
49	Đường du lịch Vạn Dền Sứ I-Sứ Pàn I-Giang Tả Chải Mông-TL 152	Đường Cấp A-GINT, kết cấu mặt BTNMS chuẩn đạt quốc khoảng 3,5km			17.000	17.000			17.000	UBND huyện Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
50	Đường từ khu vực KS Công đoàn thị trấn Sa Pa đi khu nghỉ dưỡng Cầu Mây (Trường Giang)	XD mới tuyến đường chiếu sáng khoảng 2km, B=5m, H=3,5m, kết cấu mặt đường BTNMS			15.000	15.000			15.000	UBND huyện Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
II	Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp				291.000	131.000	10.000	150.000	291.000			
51	Đầu tư xây dựng chợ Đâu mỗi nông sản tại thôn Giang Tra, xã Sa Pa	Diện tích 54288 m ² , quy mô chợ hạng 2, loại hình chợ đầu mối nông sản thực phẩm		2021-2025	50.000	50.000			50.000	Sở Công Thương	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
52	Xây dựng chợ Ở Quý Hồ	Diện tích 6500 m ² , quy mô chợ hạng 3 loại hình chợ tổng hợp		2021-2025	10.000	10.000			10.000	Sở Công Thương	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
53	Xây dựng chợ Bàn Khoang	Diện tích 8200m ² , quy mô chợ hạng 3 loại hình chợ tổng hợp		2021-2025	5.000	5.000			5.000	Sở Công Thương	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó						
						NS tỉnh	NS huyện					
54	Chợ Cùm xã Tà Van	Diện tích 4000m ² , quy mô chợ hàng 3 loại hình chợ Du lịch		2021-2025	10.000	10.000			10.000	Sở Công Thương	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
55	Chợ du lịch tổ 7 thị trấn Sa Pa	Nhà 1 tầng diện tích khoảng 2000m ² , mái lợp ngói, sân, khuôn viên 1000m ²		2021-2023	20.000	20.000			20.000	UBND H Sa Pa	Các sở ngành liên quan	
56	Chợ Bán Dền (xã Bán Hồ)	Diện tích 3500m ² , quy mô chợ hàng 3 loại hình chợ Tổng hợp		2021-2025	5.000	5.000			5.000	Sở Công Thương	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
57	Xây dựng TTMM hạng 2 tại thị trấn Sa Pa	Diện tích 30000m ² , quy mô hạng 2 loại hình tổng hợp		2021-2025	50.000		50.000		50.000	Sở Công Thương	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
58	Xây dựng 02 siêu thị (01 du lịch, 01 nông sản-thực phẩm)	Diện tích 20000m ² , quy mô hạng 2 loại hình chuyên doanh		2021-2025	100.000		100.000		100.000	Sở Công Thương	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
59	Quy hoạch và đầu tư hạ tầng kỹ thuật 01 cụm công nghiệp nhằm đi dọc các cơ sở sản xuất TTCN nằm đan xen trong khu đô thị	11 ha	UBND huyện Sa Pa lựa chọn địa điểm, nguồn vốn khuyến khích công bố ưu 50% kinh phí quy hoạch và hỗ trợ tư vấn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy định	Năm 2020	40.000	30.000	10.000		40.000	UBND huyện Sa Pa	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	
60	Đầu tư xây dựng các cụm, điểm sản xuất TTCN thu hút du khách tham quan, trải nghiệm	Cơ sở 3-4 điểm sản xuất ngành nghề truyền thống phục vụ khách tham quan và trải nghiệm	UBND huyện Sa Pa lựa chọn địa điểm, bố trí kinh phí (nguồn vốn khuyến khích) hỗ trợ một phần nhằm xây dựng tại Sa Pa đến năm 2020 cơ sở 3-4 cụm điểm sản xuất TTCN (theo Đề án phát triển TTCN gắn với du lịch đã được phê duyệt)	Năm 2020	500	500			500	UBND huyện Sa Pa	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	
61	Hỗ trợ phát triển sản phẩm TTCN (nguồn vốn khuyến khích)	Cơ sở 3-4 sản phẩm hàng hóa chủ lực phục vụ du khách	Tập trung hỗ trợ các ngành nghề truyền thống mang tính chất đặc trưng, vai trò phòng như: thủ công mỹ nghệ, trang sức bạc, các sản phẩm mồi tre đan, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm được biểu, nứa nứa tre công	Năm 2020	500	500			500	Sở Công Thương	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
62	Quản lý hoạt động của các thủy điện đảm bảo không làm ảnh hưởng đến môi trường và góp phần phát triển du lịch sinh thái	Tất cả các thủy điện hoàn thành phát điện. Tuân thủ công tác bảo vệ môi trường	Tham mưu với UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, UBND huyện làm công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện ĐTM, sẵn sàng thực hiện dự án cứu trợ pháp lý, thiết lập bảo tồn hoặc phát triển rừng lượng và môi trường du lịch sinh thái						0	Sở Công Thương	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	
III	Văn hóa, thể thao và du lịch				745.800	354.100	207.200	184.500	745.800			

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó						
						NS tỉnh	NS huyện					
III.1	Về Quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án lĩnh vực VHHTDL								0			
-	Quy hoạch bảo tồn và khai thác di sản văn hóa Ruộng bậc thang Sa Pa phục vụ phát triển du lịch								0			
63	Đầu tư bảo tồn, khai thác di tích sau khi quy hoạch	Kho di tích danh thắng RBT	Triển khai các hạng mục đề án theo Quy hoạch được phê duyệt	Giai đoạn 2021-2025	15.000	6.000	5.000	4.000	15.000	UBND huyện Sa Pa	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, GTVT- XD, VHHTDL, Doanh nghiệp	
64	Nhấn rộng mô hình du lịch cộng đồng tại các điểm du lịch khác trên địa bàn	Các điểm du lịch: Sục Chai (Núi Sa Bít, Sơn Mây), Tả Van, Lỵ Lầu Chai (Lao Chải), Tả Phìn (Đa), Hưông Kơng, Nậm Càng (Đ2 (Nậm Càng), Mường Bó (Thành Phố)	Nhấn rộng các mô hình đã được triển khai thành công giai đoạn 2019-2020	2021-2025	25.000	10.000	10.000	5.000	25.000	UBND huyện Sa Pa	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, GTVT- XD, VHHTDL, Doanh nghiệp	
III.2	Về hạ tầng, kỹ thuật văn hóa, thể thao, du lịch								0			
-	Đầu tư nâng cấp các tuyến đường mòn để xây dựng thương hiệu sản phẩm "Sa Pa - Xứ sở cửa các chương trình đi bộ dã ngoại hấp dẫn"								0			
65	Tuyến Tả Phìn - Mông Sếu - Bàn Khương - Bát Xát			2021 - 2025	6.000	5.000	1.000		6.000	UBND huyện	Các sở ngành liên quan	
66	Bảo tồn, khai thác Tu viện cổ Tả Phìn phục vụ du lịch			2021-2025	0				0	UBND huyện	Các sở ngành liên quan	
67	Đầu tư khai thác Hang động Tả Phìn Phục vụ du lịch	Tổng thể không gian khu di tích hang động Tả Phìn	Thảo luận xây dựng đề án/ kế hoạch đầu tư	2021-2025	30.800	600	200	30.000	30.800	UBND huyện	Các sở ngành liên quan	
68	- Quảng trường gần ven Trung tâm hội nghị	Tiểu chuẩn 65 chỗ, đặc, Hội nghị quốc tế	Quy hoạch quỹ đất bổ trợ nguồn vốn phù hợp để thực hiện	Giai đoạn 2019 - 2025	150.000	100.000	50.000		150.000	Sở Giao thông VT- XD	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, UBND H Sa Pa	Đề nghị Sở Giao thông vận tải - Xây dựng cho ý kiến, Đề nghị Sở
69	- Sân vận động huyện	Tiểu chuẩn Cấp huyện	Quy hoạch quỹ đất bổ trợ nguồn vốn phù hợp để thực hiện	Giai đoạn 2019 - 2025	150.000	100.000	50.000		150.000	Sở Giao thông VT- XD	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, UBND H Sa Pa	Giao thông vận tải - Xây dựng cho ý kiến, Đề nghị Sở
70	- Nhà thi đấu đa năng huyện	Tiểu chuẩn Cấp huyện	Quy hoạch quỹ đất bổ trợ nguồn vốn phù hợp để thực hiện	Giai đoạn 2019 - 2025	120.000	80.000	40.000		120.000	Sở Giao thông VT- XD	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, UBND H Sa Pa	Giao thông vận tải - Xây dựng cho ý kiến, Đề nghị Sở
71	- Rạp chiếu phim	Tiểu chuẩn quốc tế	Quy hoạch quỹ đất, lập dự án kêu gọi đầu tư, đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư thiết bị chiếu phim	Giai đoạn 2019 - 2025	45.000			45.000		Nhà đầu tư	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, UBND H Sa Pa	
72	- Bể bơi bốn mùa	Tiểu chuẩn quốc gia	Quy hoạch quỹ đất, lập dự án kêu gọi đầu tư, đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư thiết bị kỹ thuật	Giai đoạn 2019 - 2025	40.000			40.000		Nhà đầu tư	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, UBND H Sa Pa	
73	- Sân trượt băng nghệ thuật	Tiểu chuẩn quốc tế	Quy hoạch quỹ đất, lập dự án kêu gọi đầu tư, đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư thiết bị kỹ thuật	Giai đoạn 2019 - 2025	55.000			55.000		Nhà đầu tư	Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, UBND H Sa Pa	
III.3	Về xúc tiến quảng bá, phát triển hình ảnh và xây dựng thương hiệu								0			



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Trong đó							
					Tổng	NS tỉnh	NS huyện					
74	Xây dựng hình ảnh "Sa Pa - sáng, xanh, sạch, đẹp và văn minh". Tổ chức cuộc thi thường niên về xây dựng tuyến phố, khu du lịch và các thôn bản sáng, xanh - sạch - đẹp và văn minh.	Tuyên truyền	Xây dựng tiêu chí phát động cuộc thi hỗ trợ xây dựng, phân bổ và kết thúc (hoa các cảnh) từ chợ định giá, bình xét và vinh danh, trao giải.	2021-2025	7.500		5.000	2.500		7.500	UBND huyện	Các sở ngành liên quan
75	Xây dựng hình ảnh "Sa Pa - thành phố nghệ thuật". Không gian phù điêu, điêu khắc và hội họa	Xung quanh hồ Mát nước, vườn hoa xuân xuân. Sân quần và dọc các tuyến phố.	Phát động cuộc thi quốc tế sáng tác các công trình điêu khắc về Sa Pa. Cho thuê giải thưởng, hỗ trợ các tác giả thi công các công trình.	2021-2025	18.000	10.000	5.000	3.000		18.000	UBND huyện	Các sở ngành liên quan
76	Xây dựng hệ công cụ nhận diện thương hiệu Khu du lịch quốc gia Sa Pa			2021-2025	1.500	1.000	500			1.500	UBND huyện	Các sở ngành liên quan
III.4 Đầu tư xây dựng các công trình, dự án văn hóa thể thao										0		
77	Nhà văn hóa Sa Pa. Bảo tàng, thư viện, trung tâm giao lưu văn hóa	Tiểu đoàn quốc tế	Quy hoạch quốc gia, lập dự án kêu gọi xã hội, đầu tư xã hội doanh nghiệp đầu tư thực hiện.	2021-2025	80.000	40.000	40.000			80.000	UBND huyện	Các sở ngành liên quan
III.5 Về bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa										0		
-	Về di tích, danh thắng									0		
78	- Đầu tư xây dựng các tuyến tham quan đến những vị trí tập trung các viên đá cổ, gắn kết việc tìm hiểu về các dấu tích cổ với ngắm cảnh ruộng bậc thang vào mùa đổ nước, mùa lúa chín	1,4x7 km, mặt đường 1,2m bề mặt bê tông cốt thép thêm các tranh, vẽ hoa, lập đài lễ thông báo, biển chỉ dẫn, hệ thống rào dọc tuyến tham quan	Thảo luận văn, hỗ trợ kinh phí đầu tư	2021-2025	2.000	1.500	500			2.000	UBND huyện Sa Pa	Sở VH-TDTL
-	Về Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành									0		
79	Chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực văn hóa thể thao và du lịch									0	UBND huyện	Các sở ngành liên quan
80	Chính sách bảo tồn văn hóa và truyền dạy các nghề truyền thống									0	UBND huyện	Các sở ngành liên quan
81	Chính sách khuyến khích đầu tư phát triển sản phẩm du lịch gắn với thể thao của Sa Pa									0	UBND huyện	Các sở ngành liên quan



PHỤ LỤC IV.3
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, DANH MỤC PHÁT TRIỂN SỨC THỎN, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG SA PA
(Kèm theo Kế hoạch số 30/PKH-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó							
						NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHH, ND đóng góp...)					
					2.723.009	1.941.930	40.768	743.053	138.107	2.584.902			
A	Giai đoạn 2019-2020				460.355	400.285	18.315	41.760	138.107	322.249			
I	Danh mục đầu tư hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM các xã đến năm 2020				109.052	96.702	1.780	10.575	32.716	76.336			
1	Đường Tăng Phìn, thôn Sin Chải xã Thanh Phú	MM, CP, BTXM, L=0,5km		2.019	800	650	40	110	240	560	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
2	Đường thôn Nậm Mát xã Thanh Phú	MM, CP, BTXM, L=1,2km		2.019	1.600	1.400	80	120	480	1.120	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
3	Đường đi Lao Chải San 1,2 xã Lao Chải	MM nền, CP, HT thoát nước, BTXM mặt đường, Bm=2,5km, L=3,5km, GPMB		2019-2020	7.000	6.500	500		2.100	4.900	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
4	Đường đi Vũ Lung Sung (đoạn 2) xã Trung Chải	BTXM, Bm=3m, L=3km		2.020	4.000	2.800	200	1.000	1.200	2.800	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
5	Đường đi Phìn Hồ xã Bản Khoang	Đổ BTXM mặt đường, L=0,8km, Bm=3m		2.020	1.000	800	50	150	300	700	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
6	Đường thôn Sin Chải xã Bản Khoang	Đổ BTXM, Bm=3m, L=3km		2.020	3.900	3.200	200	500	1.170	2.730	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
7	Đường Ý Linh Hồ 2 xã San Sả Hồ	Đổ BTXM, Bm=3m, L=3km		2.020	4.000	2.800	200	1.000	1.200	2.800	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
8	Đường Tả Trung Hồ-Tả Trung Hồ A xã Bản Hồ	BTXM, Bm=3m, L=2km		2.020	2.500	2.100	130	270	750	1.750	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
9	Đường đi RG Bát Xát xã Tả Phìn	Đổ BTXM mặt đường, L=5km, Bm=3m		2.020	6.600	4.000	300	1.700	1.800	4.200	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
10	Đường Lạch Móng B xã Thanh Kim, huyện Sa Pa	Rải móng - BTXM rộng 3 m, dài 1,5 km		2019-2020	2.550	1.350	80	1.120	765	1.785	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
11	Cấp nước sinh hoạt đội 4 Bản Kim xã Thanh Kim	49 hộ	Cải tạo nâng cấp đập đầu mối, bê lọc, bê chứa, tuyến ống cấp nước cho 42 hộ	2019-2020	900	810		90	270	630	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT	
12	Cấp nước sinh hoạt khu dân cư đội 2,3 thôn Lạch Móng xã Thanh Kim	60 hộ + 2 Trường học - 01 nhà văn hóa	Đầu mối, đường ống, cấp nước cho 60 hộ dân, 2 trường học, nhà văn hóa thôn	2019-2020	1.300	1.170		130	390	910	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT	
13	Cấp nước sinh hoạt khu dân cư gốc Hồng thôn Giảng Tra	20 hộ	Cải tạo nâng cấp đập đầu mối, bê lọc, bê chứa, tuyến ống cấp cho 20 hộ	2019-2020	400	360		40	120	780	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT	
14	Cấp nước sinh hoạt thôn Suối Thầu 2, Sin Chải xã Tả Giang Phìn	170 hộ + 3 trường học	Làm mới đập đầu mối, bê lọc, bê chứa, tuyến ống cấp cho 170 hộ dân và 3 trường học	2019-2020	3.500	3.150		350	1.050	2.450	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT	
15	Sửa chữa CNSH thôn Cán Hồ Mông xã Bản Khoang	56 hộ + 01 Trường học - 01 nhà văn hóa	Sửa chữa đập đầu mối, bê lọc, bê chứa, thay men đường ống cấp 56 hộ, 02 trường học, 01 nhà văn hóa	2019-2020	700	630		70	210	490	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT	
16	Sửa chữa CNSH thôn Lú Khẩu xã Bản Khoang	52 hộ + 01 Trường học + 01 nhà văn hóa	Sửa chữa đập đầu mối, bê lọc, bê chứa, thay men đường ống cấp 52 hộ, 01 trường học, 01 nhà văn hóa	2019-2020	700	630		70	210	490	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT	
17	Sửa chữa CNSH thôn Phìn Hồ xã Bản Khoang	60 hộ + 02 Trường học + 01 nhà văn hóa	Sửa chữa đập đầu mối, bê lọc, bê chứa, thay men đường ống cấp 60 hộ, 02 trường học, 01 nhà văn hóa	2019-2020	1.000	900		100	300	700	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT	
18	Sửa chữa CNSH thôn Suối Thầu xã Bản Khoang	56 hộ + 02 Trường học - 01 nhà văn hóa	Sửa chữa đập đầu mối, bê lọc, bê chứa, thay men đường ống cấp 56 hộ, 02 trường học, 01 nhà văn hóa	2019-2020	1.200	1.080		120	360	840	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT	
19	Nâng cấp thủy lợi Tầng Giếng thôn Mường Bo 2 xã Thanh Phú	1,5 km	Kiến cố kênh bằng BTXM chiều dài 1,5km, tưới 20ha	2019-2020	2.500	2.250		250	750	1.750	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT	
20	Sửa chữa thủy lợi Cán Hồ A xã Bản Khoang	0,5 km	SC Đầu mối, tuyến ống	2019-2020	500	450		50	150	250	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT	
21	Sửa chữa thủy lợi Cửa Cài xã Tả Giang Phìn	0,25km	Cấp treo ống HDPE D350 dài 50m, tuyến đường ống HDPE D350 dài 60M, Cầu máng ống thép D300 dài 20m, Mỏ BTXM #150 tru BTCT #200	2019-2020	800	720		80	240	560	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT	



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Trong đó							
					Tổng	NS tỉnh	NS huyện					
22	Sửa chữa thủy lợi đê thôn Sơn Châu, xã Sơn Hà Hồ	0,2km	Các hạng mục sửa chữa: đoạn 1 bê tông cát, thay thế tuyến kênh bằng ống HDPE D180 dài 60m, đoạn 2 bê tông cát, gia cố tuyến kênh bằng ống BV XM dài 14m, đoạn 3 ke rơ đá loại 2m3 lấp đường ống thép D350 dài 16m, đoạn 4,5,6 thay mới đường dẫn nước bằng ống HDPE D180 PNs tổng chiều dài 32m	2019-2020	900	810		90	270	630	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
23	Sửa chữa thủy lợi Hòa Sứ Pán 1 xã Sứ Pán	1km	Sửa chữa đầu mủi, tuyến kênh	2019-2020	1.100	990		110	330	770	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
24	Sửa chữa thủy lợi Lếch Dao, xã Thanh Kim	1,8km	Sửa chữa lai đập đầu mủi bằng BTCT M2000 dày 30 cm, thay mới tuyến ống L, 781m, dịch chuyển 1032m ống trong phạm vi của rãnh đường (lấp đường ống cũ) phục vụ tưới 70ha	2019-2020	2.200	1.980		220	660	1.540	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
25	Sửa chữa thủy lợi Mường Bo 2 xã Thanh Phú	2,2km	Đập đầu mủi, kiên cố 2,2 km kênh bê tông tưới 15ha	2019-2020	2.500	2.250		250	750	1.750	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
26	Sửa chữa thủy lợi Năm Lang B xã Suối Thầu	1,5km	Sửa chữa đầu mủi, tuyến kênh, cầu mang	2019-2020	1.500	1.350		150	450	1.050	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
27	Sửa chữa thủy lợi Thống nhất thôn Năm Than xã Năm Cang		Sửa chữa đập đầu mủi, tường cánh, sân tưới nông	2019-2020	800	720		80	240	560	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
28	Thủy lợi Xã Chải xã Bán Khoang	2,8 km	Làm mới đập đầu mủi, bê tông cát, tran, kiên cố tuyến kênh L=2,8km tưới 35ha	2019-2020	3.500	3.150		350	1.050	2.450	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
29	Thủy lợi Bán Phong B xã Suối Thầu	2 km	Đầu mủi, tuyến kênh dài 2km, tưới 12ha	2019-2020	1.200	1.080		120	360	840	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
30	Thủy lợi Chảo Lũng Chuẩn thôn Năm Cún xã Thanh phú	1,5 km	Làm mới đập đầu mủi, kiên cố 1,5 km kênh bê tông, tưới 13 ha	2019-2020	2.500	2.250		250	750	1.750	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
31	Thủy lợi Đào Hàng đội 4 Bán Kim xã Thanh Kim	2,5 km	Kiên cố tuyến kênh dài 2,5km tưới 32ha	2019-2020	1.700	1.530		170	510	1.190	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
32	Thủy lợi đội 1,2,5 thôn Lếch Dao xã Thanh Kim	2 km	Làm mới đập đầu mủi, kiên cố 2km kênh BT, tưới 25 ha	2019-2020	3.000	2.700		300	900	2.100	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
33	Thủy lợi Hòa Sứ Pán 2 xã Sứ Pán	0,3 km	Sửa chữa đập đầu mủi, tuyến kênh dài 300m	2019-2020	300	270		30	90	210	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
34	Thủy lợi Lý Quý Phin - Lý Quý Dẫn xã Tá Phìn	0,8 km	Đầu mủi, tuyến kênh mới 700m, sửa chữa 100m kênh hông	2019-2020	1.000	900		100	300	700	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
35	Thủy lợi Sẻ Mý Tỷ xã Tá Van	1,5 km	Đầu mủi, tuyến kênh dài 1,5km	2019-2020	1.600	1.440		160	480	1.120	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
36	Thủy lợi Suán Phẫu đội 4 Bán Kim xã Thanh Kim	2km	Kiên cố tuyến kênh dài 2km tưới 50ha	2019-2020	1.600	1.440		160	480	1.120	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
37	Thủy lợi Suối Đò - Tân Dẫn Chính thôn Tá Chải Dao xã Tá Van	1,8 km	Đầu mủi, tuyến kênh dài 1,8km	2019-2020	1.800	1.620		180	540	1.260	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
38	Thủy lợi Tá Chải Mông xã Tá Van	2,6 km	Đầu mủi, tuyến kênh dài 2,6km	2019-2020	2.200	1.980		220	660	1.540	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
39	Thủy lợi Tân Sinh Nhân thôn Năm Cang 1 xã Năm Cang	1,4 km	Đập đầu mủi, kiên cố 1,4 km kênh tưới tiêu 13ha	2019-2020	1.500	1.350		150	450	1.050	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
40	Thủy lợi Tân Sinh Văn thôn Năm Cang 1 xã Năm Cang	1,2 km	Đập đầu mủi, kiên cố 1,2 km kênh tưới tiêu 14ha	2019-2020	1.350	1.220		135	405	945	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
41	Thủy lợi Vạn Dền Sứ 1 xã Sứ Pán	0,15 km	Sửa chữa đập đầu mủi, tuyến kênh dài 150m	2019-2020	300	270		30	90	210	UBND Huyện	Sở NN&PTNT, TC, KH&ĐT
42	Trường NN Sứ Pán	Xây mới 04 phòng học; 04 phòng chức năng; 04 phòng quản trị; 01 nhà vệ sinh, 01 nhà bếp		2019	7.922	7.922			2.377	5.545	UBND Huyện	Các sở ban ngành thuộc tỉnh
43	Các công trình đã bố trí vốn (06 thôn trắng)		Đề đảm bảo năm 2020 tất cả các thôn, bản trên địa bàn huyện Sa Pa được sử dụng điện lưới Quốc gia		21.730	21.730			6.519	15.211		
-	Xã Bán Khoang				0	0			0	0		UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (trillion đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó						
						NS tỉnh	NS huyện					
43.1	Thôn Sìn Châu				2.683	2.683		805	1.878		UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
-	Xã Bản Phùng				0	0,00		0	0	Công ty Hoàng Định	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
43.2	Bản Tàng				4.578	4.578		1.373	3.205		UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
-	Xã Thanh Kim				0	0,00		0	0	Công ty CP ĐTXD hạ tầng cơ sở + CT CP PTNL, tài tạo ESUN + CT CP thủy điện Máy Hồ 2	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
43.3	Thôn Lếch Mông				3.446	3.446		1.034	2.412		UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
-	Xã Trung Châu				0	0,00		0	0	Công ty CP công nghiệp Việt Long + CT CP thủy điện Tây Bắc + CT CP năng lượng Bào Long	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
43.4	Thôn Sìn Châu				2.578	2.578		773	1.805		UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
43.5	Thôn Mông Sến 2				2.716	2.716		815	1.901		UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
-	Xã Tả Van				0	0,00		0	0	Công ty CP thủy điện Suối Tân + Công ty TNHH năng lượng Máy Hồ	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
43.6	Bản Dền Thàng				5.729	5.729		1.719	4.010		UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan	
II	Công trình giáo dục				191.552	185.117	6.435	0	57.466	134.086		
44	Công trình trường MN Sứ Pán	Xây mới 04 phòng học, 04 phòng đầu nung, 04 phòng quan tr, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà bếp		2019	7.922	7.922		2.377	5.545	UBND Huyện	Các sở ban ngành thuộc tỉnh	
45	Công trình trường MN Hữu Tháo	Xây mới 5 phòng học, 04 phòng đầu nung, 04 phòng quan tr, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà bếp		2019	4.995	4.995		1.499	3.497	UBND Huyện	Các sở ban ngành thuộc tỉnh	
46	Công trình trường Mầm non Tả Van	Xây 3 tầng, 07 phòng học, 03 phòng học đầu nung, 03 phòng đầu bếp, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà bếp, 01 nhà vệ sinh, nước thải		2020	8.000	8.000		2.400	5.600	UBND Huyện	Các sở ban ngành thuộc tỉnh	
47	Xóa phòng học tạm tại TH Suối Thầu xã Suối Thầu	Xây mới 6 phòng học theo TKĐH		2019-2020	5.000	5.000		1.500	3.500	UBND Huyện	Các sở ban ngành thuộc tỉnh	
48	Xóa phòng học tạm tại PTDT bán trú THCS Nậm Sài xã Nậm Sài	Xây mới 8 phòng học theo TKĐH		2019-2020	7.200	7.200		2.160	5.040	UBND Huyện	Các sở ban ngành thuộc tỉnh	
49	Xóa phòng học tạm tại MN Tả Giàng Phìn xã Tả Giàng Phìn	Xây mới 12 phòng học theo TKĐH		2019-2020	7.200	7.200		2.160	5.040	UBND Huyện	Các sở ban ngành thuộc tỉnh	
50	Xóa phòng học tạm tại PTDT bán trú TH Trung Châu xã Trung Châu	Xây mới 6 phòng học theo TKĐH		2019-2020	3.300	3.300		990	2.310	UBND Huyện	Các sở ban ngành thuộc tỉnh	
51	Xóa phòng học tạm tại MN Thanh Kim xã Thanh Kim	Xây mới 7 phòng học theo TKĐH		2019-2020	5.000	5.000		1.500	3.500	UBND Huyện	Các sở ban ngành thuộc tỉnh	
52	Xóa phòng học tạm tại MN Bản Phùng xã Bản Phùng	Xây mới 6 phòng học theo TKĐH		2019-2020	4.500	4.500		1.350	3.150	UBND Huyện	Các sở ban ngành thuộc tỉnh	
53	Xóa phòng học tạm tại MN San Sả Hồ xã Hồ	Xây mới 9 phòng học theo TKĐH		2019-2020	5.400	5.400		1.620	3.780	UBND Huyện	Các sở ban ngành thuộc tỉnh	



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó						
						NS tỉnh	NS huyện					
54	Xóa phòng học tạm tại MN Lũy Chày xã Lào Chải	Xây mới 9 phòng học theo DG01		2019-2020	6.300	6.300		1.890	4.410	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
55	Xóa phòng học tạm tại PTDĐT bán trú THCS Tả Giảng Phìn xã Tả Giảng Phìn	Xây mới 9 phòng học theo DG01		2019-2020	4.500	4.500		1.350	3.150	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
56	Xóa phòng học tạm tại TH Bán Khoang 1 xã Bán Khoang	Xây mới 9 phòng học theo DG01		2019-2020	4.600	4.600		1.380	3.220	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
57	Xóa phòng học tạm tại TH Sân Sả Hồ 2 xã Sân Sả Hồ	Xây mới 6 phòng học theo DG01		2019-2020	3.500	3.500		1.050	2.450	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
58	Xóa phòng học tạm tại MN Sa Pá xã Sa Pá	Xây mới 9 phòng học theo DG01		2019-2020	3.600	3.600		1.080	2.520	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
59	Xóa phòng học tạm tại TH Hoàng Liên xã Bản Hồ	Xây mới 9 phòng học theo DG01		2019-2020	4.900	4.900		1.470	3.430	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
60	Xóa phòng học tạm tại MN, TH&THCS Võ Thị Sáu thị trấn Sa Pá	Xây mới 10 phòng học theo DG01		2019-2020	6.000	6.000		1.800	4.200	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
61	Xóa phòng học tạm tại TH Tả Phìn xã Tả Phìn	Xây mới 12 phòng học theo DG01		2019-2020	5.400	5.400		1.620	3.780	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
62	Xóa phòng học tạm tại TH Thành Kim xã Thành Kim	Xây mới 9 phòng học theo DG01		2019-2020	3.650	3.650		1.095	2.555	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
63	Xóa phòng học tạm tại TH Tả Giảng Phìn xã Tả Giảng Phìn	Xây mới 9 phòng học theo DG01		2019-2020	5.000	5.000		1.500	3.500	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
64	Xóa phòng học tạm tại PTDĐT bán trú THCS Thanh Kim xã Thanh Kim	Xây mới 6 phòng học theo DG01		2019-2020	3.200	3.200		960	2.240	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
65	Trường THCS Tả Phìn	Xây mới 6 phòng học theo DG01		2019-2020	3.200	3.200		960	2.240	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
66	Xóa phòng học tạm tại PTDĐT TH&THCS Tả Van	Xây mới 12 phòng học, 04 phòng quan tri; 10 phòng ở cho học sinh bán trú		2019 - 2020	10.000	10.000		3.000	7.000	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
67	Trường PTDĐT THCS Trung Chải	Xây mới 16 phòng học, 08 phòng quan tri, 08 phòng quan tri		2019 - 2020	21.000	21.000		6.300	14.700	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
68	Trường THCS Sa Pá	Xây mới 12 phòng học, 04 phòng quan tri		2019 - 2020	12.000	12.000		3.600	8.400	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
69	Nhà bán trú học sinh Trường TH Bán Khoang 1	6 phòng		2019 - 2020	1.500	1.500		450	1.050	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
70	Nhà bán trú học sinh Trường TH Tả Giảng Phìn	8 phòng		2019 - 2020	2.000	2.000		600	1.400	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
71	Nhà bán trú học sinh Trường TH Sa Pá	12 phòng		2019 - 2020	3.000	3.000		900	2.100	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
72	Nhà bán trú học sinh Trường TH Sa Pá 2	14 phòng		2019 - 2020	3.500	3.500		1.050	2.450	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
73	Nhà bán trú học sinh Trường TH Tả Phìn	8 phòng		2019 - 2020	2.000	2.000		600	1.400	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
74	Nhà bán trú học sinh Trường TH Sân Sả Hồ II	3 phòng		2019 - 2020	750	750		225	525	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
75	Nhà bán trú học sinh Trường TH Tả Van	10 phòng		2019 - 2020	2.500	2.500		750	1.750	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
76	Nhà bán trú học sinh Trường Hữu Thảo (Khởi TH)	8 phòng		2019 - 2020	2.000	2.000		600	1.400	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
77	Nhà bán trú học sinh Trường TH Thanh Kim	6 phòng		2019 - 2020	1.500	1.500		450	1.050	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
78	Nhà bán trú học sinh Trường TH Năm Sải	6 phòng		2019 - 2020	1.500	1.500		450	1.050	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
79	Nhà bán trú học sinh Trường PTDĐT THCS Bản Hồ	8 phòng		2019 - 2020	2.000	2.000		600	1.400	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
80	Nhà bán trú học sinh Trường PTDĐT THCS Bản Phùng	10 phòng		2019 - 2020	2.500	2.500		750	1.750	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
81	Nhà bán trú học sinh Trường PTDĐT THCS Sân Sả Hồ	8 phòng		2019 - 2020	2.000	2.000		600	1.400	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
82	Nhà bán trú học sinh Trường PTDĐT THCS Thanh Phú	8 phòng		2019 - 2020	2.000	2.000		600	1.400	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
83	Nhà bán trú học sinh Trường PTDĐT THCS Suối Thầu	4 phòng		2019 - 2020	1.000	1.000		300	700	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	
84	Giải phóng mặt bằng các điểm trường				6.435	0	6.435	1.931	4.505	UBND Huyện	Các xã bạn ngành thuộc tỉnh	

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (trillion đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú	
					Tổng	Trong đó								
						NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHII, XD đóng góp...)						
III	Cấp điện nông thôn (đảm bảo trị vốn NS tỉnh + EU cho các công trình cấp điện nông thôn)				41.000	31.000	10.000	0	12.300	28.700				
85	Quy hoạch và đầu tư xây dựng kỹ thuật 01 cụm công nghiệp nhằm di dời các cơ sở sản xuất TTCN nằm đan xen trong khu đô thị	11 ha	UBND huyện Sa Pa lựa chọn địa điểm, nguồn vốn khuyến công hỗ trợ 50% kinh phí quy hoạch và hỗ trợ 04 tỷ đồng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy định	Năm 2020	40.000	30.000	10.000		12.000	28.000	UBND huyện Sa Pa	Các sở, ngành và đơn vị liên quan		
86	Đầu tư xây dựng các cum, điểm sản xuất TTCN thu hút du khách tham quan, trải nghiệm	Có từ 3-4 điểm sản xuất ngành nghề truyền thống phục vụ khách tham quan và trải nghiệm	UBND huyện Sa Pa lựa chọn địa điểm, bỏ trị kinh phí (nguồn vốn khuyến công hỗ trợ một phần) nhằm xây dựng tại Sa Pa đến năm 2020 có từ 3-4 cum điểm sản xuất TTCN (theo Dự án phát triển TTCN gắn với du lịch đã được phê duyệt)	Năm 2020	500	500			150	350	UBND huyện Sa Pa	Các sở, ngành và đơn vị liên quan		
87	Hỗ trợ phát triển sản phẩm TTCN (nguồn vốn khuyến công)	Có từ 3-4 sản phẩm hàng hóa chủ lực phục vụ du khách	Tập trung hỗ trợ các ngành nghề truyền thống, mang tính chất đặc trưng của địa phương như: thủ dệt thổ cẩm, trạm khắc bạc, các sản phẩm mây tre đan, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm dược liệu, nấu rượu thủ công...	Năm 2020	500	500			150	350	Sở Công Thương	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan		
88	Lắp đặt MBA T2 (25MVA) 110 kV/35/22 kV			Năm 2019					0	0	Công ty Điện lực Lào Cai	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan		
89	Xây dựng mới 04 TBA tổng công suất 2520 kVA, 1 km đường cấp điện 22 kV, 12 km đường dây 0,4 kV, 200 công tơ 1 pha chống quá tải mở rộng cấp điện khu vực TT Sa Pa	Chống quá tải TBA và đường dây 0,4 khu vực thị trấn	Triển khai đồng bộ các dự án để thuận tiện trong công tác giải phóng mặt bằng trong quá trình thi công	Năm 2020					0	0	Công ty Điện lực Lào Cai	UBND huyện Sa Pa và các sở, ngành và đơn vị liên quan		
IV	Đầu tư phát triển các dự án nông nghiệp				23.405	13.171	0	10.235	7.022	16.384				
90	Dự án "Phát triển cây cà chua tăng vụ trên đất ruộng 1 vụ gắn với bảo tồn di sản quốc gia ruộng bậc thang giai đoạn 2020 -2022" thực hiện năm 2020 (dự án nông nghiệp gắn với du lịch)	300 ha	Thực hiện sản xuất 01 vụ lúa thứ 01 vụ cây cà chua (đồng ruộng gắn với vườn cà), bảo vệ khu quần thể di sản quốc gia ruộng bậc thang 22 chủ sở hữu và liên kết tiêu thụ sản phẩm (chi đúng cả kinh thành các hộ dân). Kỹ thuật để cà chua liên tục sản phẩm. Đầu tư tập huấn cho hộ gia đình KĐCK cho các hộ dân lớp 3 và thực hiện dự án. Thực hiện sơ chế, chuẩn sách để tiêu thụ để đầu tư hỗ trợ cho các hộ dân trong khu quần thể di sản quốc gia ruộng bậc thang tiêu thụ sản phẩm	Năm 2020 tại các xã Hoàng Liên, Mường Hoa, Ta Van	4.583	2.783		1.800	1.375	3.208	UBND huyện Sa Pa cho dự án UBND các xã thực hiện, Doanh nghiệp đầu tư vào Sa Pa	Phòng Nông nghiệp PTNT huyện, Ngân hàng CSXH, Ngân hàng nông nghiệp, Kế hoạch và DT, Sở Tài chính, Nông nghiệp PTNT		Đã nghỉ, mất hồ sơ dự án chờ xử lý, chờ chờ... Như mọi hồ sơ 100% gói, phải theo và chờ được BHYT, cấp bằng kết quả, kết quả chi số chi số, hồ sơ doanh nghiệp, HHTX phải là máy móc cấp đầu tư, hồ sơ hình, kết quả chi số sản phẩm của công trình 3 năm từ năm 2019 - 2022. + Nguồn đầu tư từ 100% (Phân, phân)...
91	Dự án phát triển vùng trồng rau chuyên canh trái vụ	500 ha	Hàng năm chuyển đổi 500 ha diện tích lúa kém hiệu quả sang phát triển các loại cây rau trái vụ, rau gia vị hàng hóa ngắn ngày. Thực hiện tập huấn và mở đầu tư để nông dân và thu hoạch các loại rau trái vụ và gia vị như bắp cải, dưa hấu, bắp cải, xoài nông nghiệp, khế chua... Trong đó chi chi số sản xuất tập trung đầu tư cơ giới, tưới tiêu, tưới nước tưới 2 ha diện tích hình thành các vùng sản xuất từ 30 ha trở lên để hỗ trợ các khu vực quy hoạch cho phát triển Nông nghiệp ứng dụng CNC	Năm 2020 tại các xã Tả Phìn, Trưng Châu, Thụ xã Sa Pa, Mường Bò, Liên Minh, Bàn Hồ, Mường Hoa, Thanh Bình	7.200	3.600		3.600	2.160	5.040	UBND huyện Sa Pa cho dự án UBND các xã thực hiện, Doanh nghiệp đầu tư vào Sa Pa	Phòng Nông nghiệp PTNT huyện, Ngân hàng CSXH, Ngân hàng nông nghiệp, Kế hoạch và DT, Sở Tài chính, Nông nghiệp PTNT		Cơ chế áp dụng theo chính sách ưu đãi 14 Nghị quyết 120/2018/QH14/Đ-CP hỗ trợ 10 triệu đồng/ha, để người trồng hồ sơ để đầu tư được hỗ trợ là đầu tư hình thành tập trung 100% ha trên địa



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú	
					Tổng	Trong đó							
						NS tỉnh	NS huyện						Nguồn khác (NHHL, ND đóng góp,...)
-	Rừng phòng hộ	16.184 ha	Đón vớt các công trình rừng, trồng ngập đất Quốc lộ số 34(2016/2017), Ngọn 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ	2.019	0,3 triệu đồng/ha/năm x 5 năm x 16184 ha = 27.276 triệu			0				Tập trung trồng bổ sung các loại cây con, Thanh Đa, Moring Hoa, Hoàng Liên, Lim Mành, Hoàng Chi, Lá Phèn, Moring Bò, Đa và Sả ...	
-	Rừng sản xuất	5.557 ha	Áp dụng khoán 3, đ.Đ.Đ. (Điều chỉnh chỉ số 38/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	2.019	0,3 triệu đồng/ha/năm x 5 năm x 5.557 ha = 8.335 triệu			0	0			Tập trung bổ sung các	
98	Phát triển rừng				16.950	3.000		13.950	5.085	11.865			
-	Trồng rừng sản xuất	290 ha	Áp dụng khoán 3, khoản 1, điều 5 khoản điều chỉnh chỉ số 34/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ	2.019	8 triệu đồng/ha x 250 ha = 2.000 triệu đồng		11.500	0	0				Tập trung trồng các loại cây con, Thanh Đa, Moring Hoa, Hoàng Liên, Lim Mành, Hoàng Chi, Lá Phèn, Moring Bò, Đa và Sả ...
-	Khoanh nuôi diện tích rừng phòng hộ	250 ha	Áp dụng khoán 3, khoản 1, điều 5 khoản điều chỉnh chỉ số 38/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	2.019	3 triệu đồng/ha x 250 ha = 750 triệu đồng			0	0				Tập trung trồng bổ sung các loại cây con, Thanh Đa, Moring Hoa, Hoàng Liên, Lim Mành, Hoàng Chi, Lá Phèn, Moring Bò, Đa và Sả ...
-	Trồng cây phân tán	50 ha	Áp dụng khoán 3, khoản 1, điều 5 khoản điều chỉnh chỉ số 34/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ	2.019	5 triệu/ha x 50 ha = 250 triệu đồng		2.450	0	0				Van Dong gần Đèo 99, Ngọn 14/9/2016
VII	Lao động, việc làm				11.500	7.500	0	4.000	3.450	8.050			
99	Nhu cầu đào tạo lao động giai đoạn 2019 - 2020	304 học nguyên			11.500	7.500		4.000	3.450	8.050			
B	Giai đoạn 2021-2025				2.262,654	1.541,645	22,453	701,293		2.262,654			
I	Dầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông				818,931	781,981	16,453	23,234		818,931			
100	Hỗ trợ xi măng làm đường liên gia	4.600 tấn xi măng		2019-2020	7.360	7.360				7.360	UBND huyện	Sở GTVT&ND, TC, KH&ĐT	
101	Xây mới cầu treo khu dân cư đ.Đ.3 thôn Sa Pá	Cầu treo dài 16,5 m, rộng 1,5 m		2019-2020	700	630		70		700	UBND huyện	Sở GTVT&ND, TC, KH&ĐT	
102	Xây mới cầu treo khu dân cư đ.Đ. 1,2 thôn Sa Pá	Cầu treo dài 16,5 m, rộng 1,5 m		2019-2020	500	450		50		500	UBND huyện	Sở GTVT&ND, TC, KH&ĐT	
103	Ngâm trần liên hợp thôn Suối Hồ xã Sa Pá	Xây dựng ngâm trần liên hợp 3 nhịp 6x3=18, chiều rộng 6 m, đường 2 đầu trần gia cở bằng		2019-2020	4.400	4.000	400			4.400	UBND huyện	Sở GTVT&ND, TC, KH&ĐT	
104	Cầu bản BTCT thôn Sá Xeng xã Sa Pá	Cầu bản BTCT dài 6,0, rộng 5,0m và đường 2 đầu cầu dài 50m.		2019-2020	1.960		1.880	80		1.960	UBND huyện	Sở GTVT&ND, TC, KH&ĐT	
105	Đường Sà Seng - Giang Tra, xã Tà Phin	MM, CP, BTXM, Bm=3m, L=3,5km		2.020	4.910	3.240	200	1.470		4.910	UBND huyện	Sở GTVT&ND, TC, KH&ĐT	
106	Đường thôn Giang Tra (Tư nhà ông Hang A Sang lên) xã Sa Pá	Mở mới nền đường và rải cấp phối Bm=3m, L=1,2 Km		2019-2020	360	290	70			360	UBND huyện	Sở GTVT&ND, TC, KH&ĐT	
107	Đường trục thôn Sầu Chua (Tư Khu dân cư Chấu A Đé đi khu dân cư Chấu A Xeng xã Giảng A Lừ xã Sa Pá	Mở mới nền đường, BTXMBm=3m, L= 3,0 Km		2019-2020	4.500		3.000	1.500		4.500	UBND huyện	Sở GTVT&ND, TC, KH&ĐT	
108	Đường ĐH96 Bản Kim xã Thanh Kim	BTXM rộng 3m, chiều dài 1,0km		2019-2020	1.530	1.000	80	450		1.530	UBND huyện	Sở GTVT&ND, TC, KH&ĐT	
109	Đường Lếch Dao sang đội 4 Bản Kim xã Thanh Kim	Mở mới - rải cấp phối rộng 3m, chiều dài 4,0km		2019-2020	2.050	1.500	50	500		2.050	UBND huyện	Sở GTVT&ND, TC, KH&ĐT	

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Trong đó			Nguồn khác (NHL, ND đóng góp...)					
					Tổng	NS tỉnh	NS huyện						
110	Tuyến đường Hoa Sứ Phường 1 thị trấn Hòa Sơn xã Sứ Sơn Pán	BTXM rộng 3 m dài 1,5km		2019-2020	2.311	1.286	375	650		2.311	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
111	Tuyến đường từ thôn Hòa Sơn Pán 2 đi nhà ông Phạng A Già xã Sứ Sơn	Mở mới, rải cấp phối, BTXM rộng 3 m, dài 0,5 km		2019-2020	900		900			900	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
112	Đường đi thóc Ngựa bay thôn Hòa Sơn Phường 1 xã Sứ Sơn	Mở mới, cấp phối, BTXM chiều dài 0,5 km		2019-2020	1.200		1.200			1.200	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
113	Đường từ thôn Vạn Dân Sơn 1 - Hòa Sơn Phường 1 xã Sứ Sơn	Mở mới, rải cấp phối đá bê tông mặt đường rộng 3,5 m dài 0,5km		2019-2020	1.250		1.000	250		1.250	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
114	Tuyến đường mìn Sơn Phường 1 đi Thôn Thảo Hồng Dền xã Hòa Sơn	Nâng cấp mặt, lát đá, dài 1,5Km		2019-2020	1.300		1.200	100		1.300	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
115	Đường đi bộ từ thôn Hòa Sơn Phường 2, xã Sứ Sơn sang thôn Léch Mông, xã Thanh Kim	Mở mới nền đường, đá bê tông rộng 1,5m, dài 4km		2019-2020	2.600		2.400	200		2.600	UBND huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
116	Cầu bản BTCT trung tâm thôn Năm Ngọn xã Năm Sải	Cầu bản BTCT 1 nhịp L= 6m, rộng 5m, đường dẫn hai đầu L=50m		2019-2020	1.500	1.500				1.500	UBND Huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
117	Cầu bản thôn Sin Chải xã Bản Khoang	Cầu bản BTCT 1 nhịp L= 6m, rộng 5m, đường dẫn hai đầu L=50m		2019-2020	1.300	1.300				1.300	UBND Huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
118	Cầu dẫn sinh thôn Đền Thang xã Tả Vạn	Cầu dẫn thép L= 12m, rộng 1,5 m		2019-2020	700	700				700	UBND Huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
119	Cầu khu dân cư đội 1,2 thôn Sa Pá xã Sa Pá	Cầu thép		2019-2020	700	700				700	UBND Huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
120	Cầu khu dân cư đội 3 thôn Sa Pá xã Sa Pá	Cầu thép		2019-2020	700	700				700	UBND Huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
121	Cầu treo Năm Sơn thôn Năm Ngọn xã Năm Sải	Cầu treo L=52m, rộng 1,5m		2019-2020	3.000	3.000				3.000	UBND Huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
122	Cầu trung tâm xã Bản Hồ	Cầu cứng BTCT, Bm=7,5m		2019-2020	12.000	12.000				12.000	UBND Huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
123	Công hợp thôn Suối Thầu 2 xã Tả Giàng Phìn	Công hợp bê tông cốt thép 2x2m, dài 5m, tương canh và đường dẫn hai đầu		2019-2020	500	500				500	UBND Huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
124	Ngầm tràn Tả Trung Hồ, xã Bản Hồ	Ngầm tràn liên hợp có nhịp dài 6m, gồm 3 nhịp, đường đầu ngấm		2.020	5.000	5.000				5.000	UBND Huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
125	Ngầm tràn Sẻo Trung Hồ, xã Bản Hồ	Ngầm tràn liên hợp có nhịp dài 6m, gồm 2 nhịp, đường đầu ngấm		2.020	3.500	3.500				3.500	UBND Huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
126	Ngầm tràn thôn Sin Chải, xã Trung Chải	Ngầm tràn liên hợp có nhịp dài 6m, gồm 3 nhịp, đường đầu ngấm		2.020	5.000	5.000				5.000	UBND Huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
127	Ngầm tràn Bản Toàng, xã Bản Phụng	Ngầm tràn liên hợp có nhịp dài 6m, gồm 3 nhịp, đường đầu ngấm		2.020	5.000	5.000				5.000	UBND Huyện	Sở GTVT&XD, TC, KH&ĐT	
128	Đường đi RG Trung Chải	Mở mới BTXM, L=40m, Bm=7m		2021-2025	2.500	1.750	50	700		2.500			
129	Đường Gia Khẩu Suối Thầu Xã Bản Khoang	Đổ BTXM, L=40m, Bm=5m		2021-2025	4.200	3.400	250	550		4.200			
130	Đường trục thôn Xã Chải Xã Bản Khoang	Đổ BTXM, Bm=5m, L=1,5km		2021-2025	1.700	1.200	100	400		1.700			
131	Đường trục thôn Gia Khẩu Xã Bản Khoang	Đổ BTXM, Bm=5m, L=1,5km		2021-2025	1.700	1.200	100	400		1.700			
132	Đường trục thôn Phìn Hồ Xã Bản Khoang	Đổ BTXM, Bm=5m, L=1km		2021-2025	1.200	900	65	235		1.200			
133	Đường đi RG xã Tả Giàng Phìn Xã Bản Khoang	Cấp nền, đổ BTXM, Bm=5m, L=2,5km		2021-2025	4.500	3.600	100	800		4.500			

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó							
						NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHH, ND đóng góp...)					
134	Đường Dò 4 thôn Cát Cát Xã San Sả Hồ	01XSM, 0m*3m, L=1Km		2021-2025	1.200	700	65	435	1.200				
135	Đường Dò 1-Đôi 6, Y Lĩnh HỒ Xã San Sả Hồ	01XSM, 0m*3m, L=1Km		2021-2025	1.200	700	65	425	1.200				
136	Đường Sùng A Chàng-Chàng A Xã Xã San Sả Hồ	01XSM, 0m*3m, L=3Km		2021-2025	4.800	3.800	200	800	4.800				
137	Đường Tả Van Mông-Seo My Tỷ Xã Tả Van	01CP, 01XSM, 0m*3,5m, L=11Km		2021-2025	15.000	9.000	770	5.230	15.000				
138	Đường vào thôn Dền Thàng Xã Tả Van	01CP, 01XSM, 0m*3m, L=9Km		2021-2025	10.000	7.200	585	2.215	10.000				
139	Đường liên thôn Seo My Tỷ Xã Tả Van	01CP, 01XSM, 0m*3m, L=2,5Km		2021-2025	3.500	2.900	162	3.175	3.500				
140	Đường Giảng Tả Chải (TL, 152-dầu cầu treo) Xã Tả Van	01CP, 01XSM, 0m*3m, L=1Km		2021-2025	900	650	65	185	900				
141	Đường Năm Sĩ-Bản Toong Dao Xã Bản Phùng	01CP, 01XSM, 0m*3m, L=4Km		2021-2025	5.000	4.400	260	340	5.000				
142	Đường Bản Toong Dao-Toong Mông Xã Bản Phùng	01XSM, 0m*3m, L=4Km		2021-2025	4.800	4.000	260	540	4.800				
143	Đường thôn Ma Quái Hồ xã Bản Hồ	01XSM, 0m*3m		2021-2025	3.200	2.100	195	905	3.200				
144	Đường liên thôn xóm hơ Phan-xom Dao xã Bản Hồ	01XSM, 0m*3m, L=2,205		2021-2025	3.000	2.500	163	337	3.000				
145	Đường liên thôn Xom Dao-Xom Mông xã Bản Hồ	01XSM, 0m*3m, L=3,525		2021-2025	3.500	3.200	228	72	3.500				
146	Đường đi khu dân cư mới thôn Năm Nhũ xã Năm Sỏi	01MM, 01CP, L=1,5Km, 01m*3m		2021-2025	700	525	15	160	700				
147	Đường thôn Năm Sĩ xã Năm Cang	01XSM, 0m*2m, L=8Km		2021-2025	800	800			800				
148	Đường Vũ A Ú xã Năm Cang	01XSM, 0m*2m, L=8Km		2021-2025	800	800			800				
149	Nâng cấp TL.152 B	Nâng cấp đoạn Thanh Phố-Năm Sĩ-Năm Cang, dài 11Km, có 1môn đèo Năm Cang-Năm Sĩ, 1môn đèo Bản Hồ, đèo Khe Ngang 01Km		2021-2025	60.000	60.000			60.000				
150	Nâng cấp TL.155 đoạn Ở Quý Hồ-Bản Seo-Dền Sàng	Nâng cấp 4Km, dài qua thôn bản đường cấp IV miền núi		2021-2025	500.000	500.000			500.000				
151	Đường Bản Dền-Bản Phùng	Nối cầu nối đường, Khe hươu về thôn đường, Rãnh 17'		2021-2025	5.000	5.000			5.000				
152	Đường vào xã Bản Hồ	Nối cầu nối đường, Khe hươu về thôn đường, Rãnh 17'		2021-2025	3.000	3.000			3.000				
153	Đường Bản Phùng-Tả Thàng	Đường cấp A 01XSM (0m*3m, 0m*0,5m), Khe cầu nối đường tại gò, phía có 01XSM tại các vị trí có độ dốc lớn, một cầu BTCT qua suối		2021-2025	100.000	100.000			100.000				
II	Dầu tu xây dựng công trình cấp nước				27.200	24.480	0	2.720	27.200				
154	CNSH Lao Chải San I - II, Lao Chải	40 hộ	Các trạm nâng cấp cấp địa phương, hồ lọc, bể chứa, tuyến ống cấp nước	2021-2025	700	630		70	700	01023 Hào Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT		
155	CNSH Lao Chải San II, Lao Chải	40 hộ	Tạm thời cấp địa phương, hồ lọc, bể chứa nước, tuyến ống cấp	2021-2024	900	810		90	900	01031 Hào Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT		
156	CNSH Lao Chải San II, Lao Chải	50 hộ	Các trạm nâng cấp cấp địa phương, hồ lọc, bể chứa, tuyến ống cấp nước	2021-2025	700	630		70	700	01023 Hào Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT		
157	CNSH thôn Cát Cát, San Sả Hồ	40 hộ	Tạm thời cấp địa phương, hồ lọc, bể chứa nước, tuyến ống cấp	2021-2025	900	810		90	900	01023 Hào Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT		
158	CNSH dột Du thôn Xin Chải, San Sả Hồ	60 hộ	Các trạm nâng cấp cấp địa phương, hồ lọc, bể chứa, tuyến ống cấp nước	2021-2025	700	630		70	700	01023 Hào Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT		
159	CNSH thôn Xin Chải, Bản Khoang	40 hộ	Tạm thời cấp địa phương, hồ lọc, bể chứa nước, tuyến ống cấp	2021-2025	900	810		90	900	01023 Hào Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT		
160	CNSH thôn Suối Thầu, Bản Khoang	40 hộ	Các trạm nâng cấp cấp địa phương, hồ lọc, bể chứa, tuyến ống cấp nước	2021-2025	700	630		70	700	01031 Hào Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT		

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó						
						NS tỉnh	NS huyện					
161	CNSH thôn Phin Hố, Bản Khương	60 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
162	CNSH thôn Can Hồ B, Bản Khương	50 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
163	CNSH đối 8 thôn Suối Thôn, Tả Phời	40 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
164	CNSH thôn Mường Bò I, Thanh Phú	60 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
165	CNSH thôn Mường Bò II, Thanh Phú	50 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
166	CNSH Cúm Sơn, Thanh Phú	40 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
167	CNSH Pom Ky, Thanh Phú	60 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
168	CNSH thôn Nậm Toong, Bản Hồ	50 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
169	CNSH TT Ma Quài Hố, Bản Hồ	40 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
170	CNSH TT Hoàng Liên, Bản Hồ	60 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
171	CNSH Nậm Than II, Năm Càng	50 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
172	CNSH KDC mới Năm Càng II, Năm Càng	40 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
173	CNSH Nậm Càng I, Năm Càng	60 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
174	CNSH Thôn Tả Van Dạy I, Tả Van	50 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
175	CNSH thôn Sèo Mỹ Tỷ, Tả Van	40 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
176	CNSH Tả Van Mông, Tả Van	60 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
177	CNSH Thôn Tả Chải Mông, Tả Van	50 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
178	CNSH Thôn Tả Chải dao, Tả Van	40 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
179	CNSH Dền Thàng, Tả Van	60 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
180	CNSH thôn Nậm Ngẩn, Nậm Sài	50 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
181	CNSH Mỹ Sơn, Nậm Sài	40 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
182	CNSH Bản Sài 2, Năm Sài	60 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
183	CNSH thôn Nậm Nhiu, Nậm Sài	50 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
184	CNSH thôn Nậm Sang, Năm Sài	40 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
185	CNSH Thôn Sin Chải, Trung Chải	60 ha	Tam nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp	2021-2025	900	810	90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
186	CNSH Thôn Mông Sễn II, Trung Chải	50 ha	Cải tạo nông cấp đầu mối, bê tông, bê cốt thép, tưới nước cấp nước	2021-2025	700	630	70	700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó							
						NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XH, ND đóng góp...)					
187	CNSH thôn Pờ Si Ngai, Trảng Chải	40 hộ	Tam mìn đắp đê mìn, bê tông, bê cốt thép, tuyến ống cấp	2021-2025	900	810		90	900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
III	Đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu				119.090	107.181	0	11.909	119.090				
188	Thủy lợi thôn Văn Đến Sủi, Sủi Pán	1 km	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.500	1.350		150	1.500	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
189	TL Tản Sánh Nhân, Nậm Cang	2 km	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	2.300	2.070		230	2.300	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
190	TL Tản Sánh Phụng, Nậm Cang	1,5 km	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.700	1.530		170	1.700	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
191	TL Vù A Ứ, Nậm Cang	2	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	2.500	2.250		250	2.500	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
192	TL Vù A Lát, (Thảo A Ké), Nậm Cang	1	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	2.000	1.800		200	2.000	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
193	TL Váng A Sênh, Nậm Cang	1	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	2.000	1.800		200	2.000	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
194	Thủy lợi Thôn Bán Sại 6, Nậm Sại	3	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	3.000	2.700		300	3.000	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
195	Thủy lợi Thôn Nậm Sang (Kiếm Dúng), Nậm Sại	2	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	2.500	2.250		250	2.500	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
196	Thủy lợi Nậm Kéng 2 (Đà méo), Nậm Sại	5	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	5.000	4.500		500	5.000	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
197	T Lợi đ4 thôn Cát Cát, Xã San Sả Hồ	2	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.950	1.755		195	1.950	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
198	TL đội 2, thôn Ý Linh Hồ 1, Xã San Sả Hồ	2	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	2.600	2.340		260	2.600	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
199	T Lợi đội 1, thôn Ý Linh Hồ 2, Xã San Sả Hồ	2	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.950	1.755		195	1.950	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
200	T Lợi đội 4 thôn Ý Linh Hồ 2, Xã San Sả Hồ	1	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.300	1.170		130	1.300	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
201	T L đội 2 thôn Ý Linh Hồ 2 Xã San Sả Hồ	1	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	910	819		91	910	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
202	Thủy lợi Thảo Hồng Đến 4, thôn Thảo Hồng Đến, Xã Hữu Thảo	1	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.040	936		104	1.040	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
203	Thủy lợi Hữu Chư Ngai 2, thôn Hữu Chư Ngai, Xã Hữu Thảo	2	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.950	1.755		195	1.950	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
204	TL Giảng A Sả - Váng A Hồ, thôn Giảng Tra, Xã Tá Phìn	1	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.300	1.170		130	1.300	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
205	TL đội 5 (Váng A Dể), thôn Can Ngai, Xã Tá Phìn	1	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.300	1.170		130	1.300	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
206	TL đội 5 (Váng A Cang), thôn Cang Ngai, Xã Tá Phìn	1	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.560	1.404		156	1.560	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
207	TL đội 8 (Váng A Lồng), thôn Suối Thầu, Xã Tá Phìn	2	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.950	1.755		195	1.950	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
208	TL đội 8 (Váng A Hồ), thôn Suối Thầu, Xã Tá Phìn	2	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.950	1.755		195	1.950	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
209	Thủy lợi Na Ta Ly, thôn Mường Bo, Xã Thanh Phú	2	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.950	1.755		195	1.950	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
210	Thủy lợi Tăng Siêu, thôn Mường Bo 2, Xã Thanh Phú	2	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.950	1.755		195	1.950	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
211	Thủy lợi Nậm Kéng, thôn Mường Bo 2, Xã Thanh Phú	1	Kiểm cố kênh bằng BTXM, kiểm cố bờ đắp đê mìn	2021-2025	1.560	1.404		156	1.560	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		

STT	Nội dung dự án	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Trong đó							
					Tổng	NS tỉnh	NS huyện					
212	Thủy lợi Tăng Khang, thôn Mương Bơ 2, Xã Thanh Phú	1	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	910	819	91	910	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
213	Thủy lợi Vang Thung, thôn Sín Chải, Xã Thanh Phú	1	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	1.560	1.404	156	1.560	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
214	Tl. tổ 2 Lôm Đạo (Thảo A), thôn Sả Xeng, Xã Sa Pa	1	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	1.430	1.287	143	1.430	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
215	Tl. tổ 3 Sả Seng (Giảng A Chơ), thôn Sả Xeng, Xã Sa Pa	2	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	2.730	2.457	273	2.730	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
216	Tl. tổ 1 Sả Seng (Thảo A Lênh), thôn Sả Xeng, Xã Sa Pa	1	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	1.430	1.287	143	1.430	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
217	Tl. Sả Seng (Giảng A Sinh), thôn Sả Xeng	1	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	1.300	1.170	130	1.300	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
218	Tl. Sa Pa 1 (Giảng A Châu), thôn Sa Pa, Xã Sa Pa	3	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	3.770	3.393	377	3.770	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
219	Tl. Sa Pa 2 (Hang A Sùng), thôn Sa Pa, Xã Sa Pa	2	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	2.665	2.399	267	2.665	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
220	Thủy lợi Sa Pa (Hang A Lư), thôn Sa Pa, Xã Sa Pa	3	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	3.510	3.159	351	3.510	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
221	Tl. Sa Pa 3 (Giảng A Sơ), thôn Sa Pa, Xã Sa Pa	2	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	2.990	2.691	299	2.990	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
222	Tl. đôi 3 Suối Hồ- Mả Tra (Mả A Minh), thôn Mả Tra, Xã Sa Pa	3	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	3.250	2.925	325	3.250	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
223	Tl. đôi 2 (Mả A Chàng), thôn Mả Tra, Xã Sa Pa	1	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	1.300	1.170	130	1.300	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
224	Tl. Suối Hồ 1 (Hang A Sinh A), thôn Suối Hồ, Xã Sa Pa	1	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	1.820	1.638	182	1.820	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
225	Tl. Hang A Seo, thôn Suối Hồ, Xã Sa Pa	2	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	2.015	1.814	202	2.015	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
226	Tl. Hang A Dinh, thôn Suối Hồ, Xã Sa Pa	3	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	3.510	3.159	351	3.510	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
227	Tl. Hang A Cờ- Suối hồ 2, thôn Suối Hồ, Xã Sa Pa	2	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	1.950	1.755	195	1.950	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
228	Tl. Tả Van Sầu Chua (Hầu A Vàng), thôn Sầu Chua, Xã Sa Pa	2	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	2.860	2.574	286	2.860	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
229	Tl. Giảng Tra 3 (Giảng A Nữ), thôn Giảng Tra, Xã Sa Pa	2	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	2.730	2.457	273	2.730	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
230	Tl. Thảo A Iá, thôn Sín Chải, Xã Tả Giảng Phìn	3	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	3.900	3.510	390	3.900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
231	Tl. Suối Thầu 1 - Bản Phò (Hang A Dế), thôn Bản Phò, Xã Tả Giảng Phìn	3	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	3.900	3.510	390	3.900	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
232	Tl. Sùng Chờ - Sùng Pao, thôn Suối Thầu II, Xã Tả Giảng Phìn	3	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	3.250	2.925	325	3.250	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
233	Tl. Sùng A Phay, thôn Suối Thầu I, Xã Tả Giảng Phìn	4	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	4.550	4.095	455	4.550	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
234	Tl. Xá Chải, thôn Xá Chải, Xã Bản Khoang	2	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	2.600	2.340	260	2.600	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
235	Tl. Tản Văn Chân, thôn Phìn Hồ, Xã Bản Khoang	2	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	1.950	1.755	195	1.950	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
236	Thủy lợi Tăng tèo, xã Bản Hồ	1	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	1.300	1.170	130	1.300	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		
237	Thủy lợi Bàng khoa, xã Bản Hồ	1	Kiểm và kênh bằng BTXM, kiểm và hoa đập đầu mố	2021-2025	910	819	91	910	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT		

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Trong đó							
					Tổng	NS tỉnh	NS huyện					
238	Thủy lợi Na Khê, xã Bản Hồ	1	Kiến cải kênh mương BTXXM, kiến cải hệ thống cấp nước	2021-2025	780	702		78	780	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PNT	
239	Thủy lợi Ma Quả Hồ, xã Bản Hồ	1	Kiến cải kênh mương BTXXM, kiến cải hệ thống cấp nước	2021-2025	1.040	936		104	1.040	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PNT	
240	Thủy lợi Đồng hồ, xã Bản Hồ	1	Kiến cải kênh mương BTXXM, kiến cải hệ thống cấp nước	2021-2025	910	819		91	910	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PNT	
241	Thủy lợi TL Hoàng Là hồ, xã Bản Hồ	1	Kiến cải kênh mương BTXXM, kiến cải hệ thống cấp nước	2021-2025	650	585		65	650	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PNT	
242	Thủy lợi Trá Trung Hồ A, xã Bản Hồ	2	Kiến cải kênh mương BTXXM, kiến cải hệ thống cấp nước	2021-2025	1.950	1.755		195	1.950	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PNT	
243	TL Xóm Dao, xã Bản Hồ	1	Kiến cải kênh mương BTXXM, kiến cải hệ thống cấp nước	2021-2025	780	702		78	780	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PNT	
244	TL ông Lý Lão Tả, xã Bản Hồ	1	Kiến cải kênh mương BTXXM, kiến cải hệ thống cấp nước	2021-2025	1.170	1.053		117	1.170	UBND Huyện	Sở Nông nghiệp và PNT	
IV	Các công trình chưa bố trí vốn (Đề xuất đầu tư bằng nguồn vốn ADB triển khai sau năm 2020)				78.418	78.418			78.418			
-	Xã Thanh Kim				0	0			0			
245	Thôn Bàn Kim				4.928	4.928			4.928			
-	Xã Suối Thầu				0	0			0			
246	Bản Phó A				1.008	1.008			1.008			
247	Nậm Lũng A				870	870			870			
-	Xã Trung Châu				0	0			0			
248	Vù Lũng Sừng				3.024	3.024			3.024			
249	Chu Lín 1, Chu Lín 2				4.578	4.578			4.578			
-	Xã Tá Vạn				0	0			0			
250	Bản Dền Thồng				7.126	7.126			7.126			
-	Xã Sơn Xã Hồ				0	0			0			
251	Thôn Sín Châu				6.233	6.233			6.233			
-	Xã Sa Pa				0	0			0			
252	Suối Hồ				4.232	4.232			4.232			
253	Giàng Tra				2.416	2.416			2.416			
254	Sa Pa				3.372	3.372			3.372			
255	Thôn Sầu Châu				3.466	3.466			3.466			
256	Mả Tra				4.348	4.348			4.348			
-	Xã Tá Phìn				0	0			0			
257	Xà Sừng				7.970	7.970			7.970			
258	Tả Châu				6.019	6.019			6.019			
-	Xã Tá Giang Phìn				0	0			0			
259	Mông Xóa				838	838			838			
260	Bản Phó				771	771			771			
-	Xã Nậm Sả				0	0			0			
261	Nậm Sưng, Nậm Keng				7.830	7.830			7.830			
-	Xã Bản Hồ				0	0			0			
262	Từ Trung Hồ				1.268	1.268			1.268			
263	Sỏi Trung Hồ				1.704	1.704			1.704			
264	Mả Quân Hồ				1.504	1.504			1.504			
-	Xã Lao Châu				0	0			0			
265	Lào Hàng Châu				4.913	4.913			4.913			
V	Giáo dục và Đào tạo				57.750	57.750	0	0	57.750			



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Trong đó			Nguồn khác (NHH, ND đóng góp...)					
					Tổng	NS tỉnh	NS huyện						
V.1	Thay thế phòng học đã xuống cấp không thể sử dụng, không đảm bảo an toàn cho học sinh				29.800	29.800	0	0		29.800			
266	Trường MN Bán Hồ	04 phòng học, 04 Phòng chức năng, 4 Phòng nấu ăn, 01 Nhà vệ nam, 01 Bếp		2020-2025	6.000	6.000				6.000	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
267	Trường PTDTBT TH&THCS Hàng Xá (Thôn Hàng Đà)	06 phòng học, 01 phòng chức năng lớp		2020-2025	1.100	1.100				1.100	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
268	Công trình trường TH Tá Giảng Phình (Thôn Xuân Chải)	02 phòng học, 01 phòng chức năng lớp		2020-2025	1.200	1.200				1.200	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
269	Công trình trường TH San Sả Hồ (Thôn Ý Linh Hồ)	02 phòng học, 01 phòng chức năng lớp		2020-2025	1.200	1.200				1.200	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
270	Công trình trường PTDTBT TH Hoàng Liên (Thôn Seo Trung Hồ Mông)	02 phòng học, 01 phòng chức năng lớp		2020-2025	1.200	1.200				1.200	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
271	Công trình trường TH Bán Phùng (Thôn Bán Phò)	02 phòng học, 01 phòng chức năng lớp		2020-2025	1.200	1.200				1.200	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
272	Công trình trường TH Bán Phùng (Thôn Năm Sĩ)	02 phòng học, 01 phòng chức năng lớp		2020-2025	1.200	1.200				1.200	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
273	Công trình trường TH Năm Sỏi (thôn Năm Ngán)	02 phòng học, 01 phòng chức năng lớp		2020-2025	1.200	1.200				1.200	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
274	Mầm non Tá Giảng Phình (Thôn Suối Thầu 2)	02 phòng học, 01 bếp, 01 kho + WC		2020-2025	1.300	1.300				1.300	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
275	Mầm non Tá Giảng Phình (Thôn Sin Chải)	02 phòng học, 01 bếp, 01 kho + WC		2020-2025	1.300	1.300				1.300	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
276	Mầm non Bán Phùng (Thôn Năm Sĩ)	02 phòng học, 01 bếp, 01 kho + WC		2020-2025	1.300	1.300				1.300	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
277	Trường MN Bán Hồ (Thôn Seo Trung Hồ Mông)	02 phòng học, 01 bếp, 01 kho + WC		2020-2025	1.200	1.200				1.200	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
278	Mầm non Năm Sỏi (Thôn Năm Ngán)	02 phòng học, 01 bếp, 01 kho + WC		2020-2025	1.300	1.300				1.300	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
279	Mầm non Hàng Thảo (Thôn Bán Phò)	02 phòng học, 01 bếp, 01 kho + WC		2020-2025	2.600	2.600				2.600	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
280	Mầm non San Sả Hồ (Thôn Ý Linh Hồ - Dới 7)	02 phòng học, 01 bếp, 01 kho + WC		2020-2025	1.300	1.300				1.300	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
281	Mầm non Trung Chải (Thôn Chu Lin 1 - Km 27)	02 phòng học, 01 bếp, 01 kho + WC		2020-2025	1.300	1.300				1.300	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
282	Mầm non Trung Chải (Thôn Chu Lin 1 - Km 28)	02 phòng học, 01 bếp, 01 kho + WC		2020-2025	1.300	1.300				1.300	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
283	Mầm non Lao Chải (Thôn Lý)	02 phòng học, 01 bếp, 01 kho + WC		2020-2025	1.300	1.300				1.300	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
284	Mầm non Suối Thầu (Thôn Năm Lang B)	02 phòng học, 01 bếp, 01 kho + WC		2020-2025	1.300	1.300				1.300	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
285	Mua sắm thiết bị phòng Tin học, Tiếng Anh cho các trường học				27.950	27.950				27.950	UBND Huyện	Các xã ban ngành thuộc tỉnh	
VI	Các dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn				175.255	111.855	6.000	57.400		175.255			
VI.1	Phát triển vùng trồng trọt hàng hóa tập trung				54.866	31.416	0	23.450		54.866			



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giải đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú	
					Tổng	Trong đó							
						NS tỉnh	NS huyện						Nguồn khác (XHHL, ND đóng góp...)
286	Dự án phát triển cây cải dầu tăng vụ trên đất ruộng I vụ gặt với bảo tồn di sản quốc gia vùng Bắc Thăng giai đoạn 2021-2022	600 ha/02 xã	Thực hiện sản xuất 1 vụ lúa thứ nhất, 01 vụ cải dầu (đông xuân) gần với các quận huyện, bảo vệ khu quần thể di sản quốc gia vùng Bắc Thăng. Tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm (dầu thực phẩm và bánh mỳ) của cải dầu, và kết hợp bán (bán sản phẩm). Đào tạo tập huấn chuyên gia KICT cho các hộ dân lập và tuân thủ đúng các, Thực hiện cơ chế khuyến khích đầu tư để dẫn dắt hộ nông dân sản xuất trong khu quần thể di sản quốc gia vùng Bắc Thăng trên địa bàn	Giai đoạn 2021-2022 tại các xã Hoàng Liên, Mường Hoa, Tả Van	9.166	5.566	3.600		9.166	UBND huyện Sa Pa chủ dự án; UBND các xã được hưởng; Doanh nghiệp địa phương Sa Pa	Phòng Nông nghiệp/PTNT huyện; Ngân hàng CSXH; Ngân hàng nông nghiệp; Sở Kế hoạch và DT, Sở Tài chính; Nông nghiệp/PTNT	Đề nghị tỉnh hỗ trợ kinh phí để thu chi huyện - Nhà máy chế biến bột mì và bột ngũ cốc; Tập đoàn K&F; Đầu tư kinh phí của đơn vị tiêu thụ sản phẩm; Sở Kế hoạch và DT, Sở Tài chính; Nông nghiệp/PTNT	
287	Dự án phát triển vùng trồng rau chuyên canh trái vụ	160 ha	Hàng năm chuẩn độ 55-70 ha diện tích lúa kém hiệu quả song phát triển các loại rau mùa trái vụ, rau gia vị hàng lứa như ớt, gừng... Thực hiện tăng vụ rau mùa trên đất ruộng mới và lúa tương tác lúa cũ trên đất ruộng cũ, đất lúa, rau họ cải, rau họ đậu... Hình thành tổ chức sản xuất tập trung quy mô lớn, diện tích tập trung 10-2 ha, dần dần hình thành các vùng sản xuất từ 50 ha trở lên để hội tụ các khu vực quy hoạch cho phát triển Nông nghiệp ứng dụng CNC	Giai đoạn 2021-2025 tại các xã Tả Phìn, Trung Chải, Thị xã Sa Pa, Mường Bo, Liên Minh, Bản Hồ, Mường Hoa, Thanh Bình	7.200	3.600	3.600		7.200	UBND huyện Sa Pa chủ dự án; UBND các xã được hưởng; Doanh nghiệp địa phương Sa Pa	Phòng Nông nghiệp/PTNT huyện; Ngân hàng CSXH; Ngân hàng nông nghiệp; Sở Kế hoạch và DT, Sở Tài chính; Nông nghiệp/PTNT	Cơ chế áp dụng theo chính sách tại Nghị quyết 12/2018/NQ-ĐHND và Nghị quyết 16/2018/NQ-ĐHND; Đề nghị tỉnh hỗ trợ đầu tư chi trả hoa hồng và chi phí phát triển vùng tập trung từ 2 ha trở lên	
288	Dự án phát triển vùng cây ăn quả ôn đới hàng hóa trên đất trồng ngô kém hiệu quả	300 ha	Chuẩn độ 300 ha đất trồng ngô kém hiệu quả song trồng cây ăn quả ôn đới (giai đoạn 2021 - 2023 trồng 150 ha và giai đoạn 2022 - 2024 trồng 150 ha) Sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm (phân bón, chế phẩm kết hợp bón phân và hệ thống điều khiển tưới) để tưới bón và dùng chế phẩm bón và tưới bón cho. Chế biến và sử dụng mang nhiên liệu phụ gia. Sử dụng tư vấn kỹ thuật ứng dụng chính xác	Giai đoạn 2021-2024 tại các xã Tả Phìn, Trung Trại, Ngòi, Chi Sơn, Hoàng Liên, Mường Hoa, Tả Van	0	0	0		0	UBND huyện Sa Pa chủ dự án; UBND các xã được hưởng; Doanh nghiệp địa phương Sa Pa	Phòng Nông nghiệp/PTNT huyện; Ngân hàng CSXH; Ngân hàng nông nghiệp; Sở Kế hoạch và DT, Sở Tài chính; Nông nghiệp/PTNT	Cơ chế áp dụng theo chính sách tại Nghị quyết 12/2018/NQ-ĐHND và Nghị quyết 16/2018/NQ-ĐHND; Đề nghị tỉnh hỗ trợ chi trả chi phí tưới nước cho các hộ sản xuất trong dự án; Bón phân trong vùng 1 năm (năm đầu bón từ 60%, năm 2 tiếp từ 60%, năm 3 tiếp từ 60%); Hỗ trợ kinh phí phát triển kết nối vùng tiêu thụ sản phẩm	
289	Dự án phát triển vùng cây dược liệu hàng hóa	150 ha	Chuẩn độ 150 ha đất trồng lúa, đất nương để kém hiệu quả song trồng dược liệu. Tăng cường, khuyến khích tiêu thụ các thành phẩm lúa chất lượng tốt thu sản phẩm ôn đới	Giai đoạn 2021-2025 tại các xã Ngòi Chi Sơn, Trung Chải, thị xã Sa Pa, Thanh Bình, Liên Minh, Mường Bo, Tả Phìn	4.500	2.250	2.250		4.500	UBND huyện Sa Pa chủ dự án; UBND các xã được hưởng; Doanh nghiệp địa phương Sa Pa	Phòng Nông nghiệp/PTNT huyện; Ngân hàng CSXH; Ngân hàng nông nghiệp; Sở Kế hoạch và DT, Sở Tài chính; Nông nghiệp/PTNT	Cơ chế áp dụng theo chính sách tại Nghị quyết 12/2018/NQ-ĐHND và Nghị quyết 16/2018/NQ-ĐHND; Đề nghị tỉnh hỗ trợ chi trả chi phí tưới nước cho các hộ sản xuất trong dự án; Bón phân và tưới nước cho các hộ sản xuất như Chải, Chi Sơn, Mường Bo, vùng 1 ha	
290	Dự án phát triển hoa cao cấp hàng hóa: Phát triển hoa Địa lan	5.000 ha	Các công nghệ, kỹ thuật áp dụng cơ chế sử dụng là hệ thống nhà kính, nhà kính, liên kết kinh tế nông dân, chế phẩm an ninh thực phẩm và ứng dụng bón phân, chế phẩm bón phân bón và tưới, bón cho, sử dụng thuốc BVTV sinh học, phân bón sinh học để thúc đẩy phát triển sản phẩm hàng hóa sử dụng	Giai đoạn 2021-2025 tại 8 xã: Ngòi Chi Sơn, Trung Chải, Hoàng Liên, Mường Hoa, Tả Phìn, Tả Van, thị xã Sa Pa	10.000	5.000	5.000		10.000	UBND huyện Sa Pa chủ dự án; UBND các xã được hưởng; Doanh nghiệp địa phương Sa Pa	Phòng Nông nghiệp/PTNT huyện; Ngân hàng CSXH; Ngân hàng nông nghiệp; Sở Kế hoạch và DT, Sở Tài chính; Nông nghiệp/PTNT	Cơ chế áp dụng cơ chế hỗ trợ nhà nước hỗ trợ 100% chi phí giống; Đơn vị thực hiện 12/2018/NQ-ĐHND và Nghị quyết 16/2018/NQ-ĐHND; Đề nghị tỉnh hỗ trợ ngân sách chi trả chi phí tưới nước cho các hộ sản xuất trong dự án; Bón phân và tưới nước cho các hộ sản xuất như Chải, Chi Sơn, Mường Bo, vùng 1 ha	



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (NHHL, ND đóng góp,...)					
291	Dự án phát triển vùng trồng lúa hữu cơ chất lượng cao hàng hóa	1.800 ha/03 năm	Mô hình trồng lúa 00 ha/ha được ứng dụng các giải pháp canh tác, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, sản xuất hữu cơ, quy trình canh tác lúa hữu cơ tiên tiến, GAP... để giảm thiểu và các biện pháp quản lý sâu bệnh và bệnh gây hại... 15-20% năng suất, góp phần tăng giá trị thu nhập thực phẩm lúa 60-82 triệu đồng/ha.	Giai đoạn 2021-2025 tại 11 xã Hoàng Liên, Thanh Bình, Liên Minh, Mường Bò, Mường Hoa, Tả Van, Bản Hồ	24.000	15.000		9.000	24.000	UBND huyện Sa Pa (Chủ trì thực hiện), UBND các xã thực hiện, Đoàn công tác của Sa Pa	Phòng Nông nghiệp PTNT huyện, Ngân hàng CSXH, Ngân hàng nông nghiệp, K&I hoạch và ĐT, Sở Tài chính, Nông nghiệp PTNT	Cơ chế áp dụng theo chuẩn sách (Đầu tư 14 triệu/ha) 12/2018/QĐ-UBND) hỗ trợ từ ngân sách địa phương	
VI.2	Phát triển vùng chăn nuôi hàng hóa tập trung				40.237	14.237	6.000	20.000	40.237				
292	Phát triển vùng chăn nuôi bò hàng hóa	1.000 con/03 năm	Áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn, phòng ngừa bệnh trong chu kỳ nuôi, sử dụng hệ thống giống tốt để cải tạo đàn. Thực hiện nuôi nhốt tại hộ, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, thực hiện theo Nghị quyết 12/2018/QĐ-UBND và số 30/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh và các văn bản có liên quan như 10/2018/NĐ-CP và Bộ chỉ số Việt Nam về chăn nuôi gia súc tại Nghị quyết 12/2018/QĐ-UBND, Bộ chỉ số về quản lý đàn trâu, bò chăn nuôi, xây dựng chương trình... và văn bản khác	Giai đoạn 2021-2025 tại các xã Ngũ Chỉ Sơn, Thanh Bình, Liên Minh, Mường Bò, Mường Hoa, Tả Van, Bản Hồ	18.470	2.970	500	15.000	18.470	UBND huyện Sa Pa (Chủ trì thực hiện), UBND các xã thực hiện	Phòng Nông nghiệp PTNT huyện, Ngân hàng CSXH, Ngân hàng nông nghiệp, K&I hoạch và ĐT, Sở Tài chính, Nông nghiệp PTNT	Tính toán ngân sách tỉnh hàng năm và phân bổ theo danh sách hồ sơ chi và không 3% công trình để bố trí các hộ nuôi và phát triển đàn bò theo định mức quy 15 triệu đồng/ha và theo chuẩn 12/2018/QĐ-UBND về hồ sơ từ việc NS huyện hỗ trợ lập, triển khai thực hiện, cấp dụng giống loài... và... (theo đầu tư)	
293	Phát triển vùng chăn nuôi lợn ban đầu hàng hóa	3.250 con/dân năm 2021 dự kiến 38.000 con và tổng khoảng 15% và 10 triệu con, sản lượng 2.500 tấn	Phục hồi đàn lợn nái và sử dụng đa phương thức sinh đẻ, chọn lọc lọc, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi an toàn sinh học, tiến bộ kỹ thuật sản phẩm giống và chủ yếu dựa trên trường đại học Nông nghiệp và lâm nghiệp, Bộ chỉ số Việt Nam, GAP và chuẩn đầu đàn lợn, lợn 100% được quản lý. (1) Hồ sơ lập nuôi lợn nái theo quy định, Nghị quyết 12/2018/QĐ-UBND và các chính sách liên quan (2) Phân bổ doanh nghiệp đầu tư xây dựng 100 cơ sở nuôi lợn nái đầu đàn đạt quy mô 200 con nuôi, trình duyệt công suất 400 con/giống/năm) theo tiêu chí chăn nuôi lợn nái của Nghị quyết 12/2018/QĐ-UBND (3) Thu hút xây dựng cơ sở giống gia súc tập trung theo 11, Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn và nông nghiệp công nghệ cao	Giai đoạn 2021-2025, tại các xã Ngũ Chỉ Sơn, Hoàng Liên, Trung Chải, Thanh Bình, Liên Minh, Mường Bò, Mường Hoa, Tả Van, Tả Van, Bản Hồ - Xây dựng cơ sở giống mô gia súc tập trung tại Khu thí điểm số 6, Km 3+700, quốc lộ 4D đoạn đường tranh thủ trên Sa Pa và Sa Pa	11.767	6.767, trung đó (1) Hồ sơ lập xuất vốn xây và xây vốn 3.267 Tr. đồng (2) Hồ xây dựng cơ sở giống mô gia súc tập trung 2.090 tỷ đồng (3) Xây dựng cơ sở giống mô gia súc tập trung, 1.500 tr đồng	5.000 triệu đồng, thực hiện GPMB cho cơ sở giống mô và cơ sở sản xuất giống lợn đến bản địa	11.767	11.767	UBND huyện Sa Pa (Chủ trì thực hiện), UBND các xã thực hiện, Đoàn công tác của Sa Pa	Phòng Nông nghiệp PTNT huyện, Ngân hàng CSXH, Ngân hàng nông nghiệp, K&I hoạch và ĐT, Sở Tài chính, Nông nghiệp PTNT	Pha phân độ theo quy định, là một sản phẩm và có 90% và nuôi thả thả để đạt sản phẩm theo quy định. (1) Hồ sơ lập nuôi lợn nái theo quy định, Nghị quyết 12/2018/QĐ-UBND và các chính sách liên quan (2) Phân bổ doanh nghiệp đầu tư xây dựng 100 cơ sở nuôi lợn nái đầu đàn đạt quy mô 200 con nuôi, trình duyệt công suất 400 con/giống/năm) theo tiêu chí chăn nuôi lợn nái của Nghị quyết 12/2018/QĐ-UBND (3) Thu hút xây dựng cơ sở giống gia súc tập trung theo 11, Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn và nông nghiệp công nghệ cao	



STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó						
						NS tỉnh	NS huyện					
294	Phát triển sản phẩm cà nước lạnh hàng hóa	45.000 m ² rừng 13.000 m ² sa van lâm rừng, thế tích nước khoảng 50.000 m ³ tổng tích 18.000 m ³ sa van lâm rừng	- Dự án điển hình, thế tích trữ, đồng thời phát triển sản phẩm cà nước lạnh (thực hiện nghiên cứu sản phẩm mới nước lạnh thực phẩm, dùng công nghệ để phân phối và vận chuyển) Nhà máy chế biến cà nước lạnh sản xuất 12.2018/24/B03D - Đơn vị, khu vực có đủ công suất của các máy, cơ sở sản xuất giống, phân bón tại huyện Trưng An nghiên cứu xây dựng nước lạnh huyện Sa Pa, Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Lâm Thao (huyện Sa Pa) để sản xuất công nghệ phân tử để đáp ứng nhu cầu của các cơ sở sản xuất cà nước lạnh huyện Sa Pa và các vùng lân cận - Hệ thống tưới nước mưa, sử dụng các máy lạnh hợp tác xã sản xuất chế biến thủ công mỹ nghệ sản phẩm cà nước lạnh, mua công cụ trung gian (thảm lót và lưới) và thành phẩm cà nước lạnh sạch theo Nghị quyết 122/18/NQ-ĐHND, 01 máy phân phối cà nước lạnh sản xuất 2.500 triệu đồng/năm - Hỗ trợ xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm cà nước lạnh và hệ thống kho, máy và bộ phận chế biến sạch sản lượng 12.2018/24/B03D	Giai đoạn 2021-2025; tại các xã Ngũ Chỉ Sơn, Trưng Châu, Hoàng Liên, Tả Phìn, Tả Van, Bản Hồ, Liên Minh	10.000	4.500 triệu đồng, trong đó: 05 trang trại x 500 triệu = 2.500 trang trại 01 cơ sở chế biến x 2.000 triệu đồng	500 triệu đồng, tập huấn, xây dựng thương hiệu	5.000 triệu đồng từ các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư	10.000	Các doanh nghiệp liên quan	UBND huyện, các xã Ngũ Chỉ Sơn, Trưng Châu, Hoàng Liên, Tả Van, Bản Hồ, Liên Minh	- Sản phẩm cà nước lạnh được nghiên cứu thực nghiệm thành công và được phân phối tại thị trường Sa Pa, Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Lâm Thao (huyện Sa Pa) để sản xuất công nghệ phân tử để đáp ứng nhu cầu của các cơ sở sản xuất cà nước lạnh huyện Sa Pa và các vùng lân cận - Hệ thống tưới nước mưa, sử dụng các máy lạnh hợp tác xã sản xuất chế biến thủ công mỹ nghệ sản phẩm cà nước lạnh, mua công cụ trung gian (thảm lót và lưới) và thành phẩm cà nước lạnh sạch theo Nghị quyết 122/18/NQ-ĐHND, 01 máy phân phối cà nước lạnh sản xuất 2.500 triệu đồng/năm - Hỗ trợ xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm cà nước lạnh và hệ thống kho, máy và bộ phận chế biến sạch sản lượng 12.2018/24/B03D
VI.3 Lâm nghiệp					80.152	66.202	0	13.950				
295	Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có (Hạ)				63.202	63.202			80.152			
-	Rừng đặc dụng	18.303 ha	Áp dụng chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hệ thống cứu hộ rừng, quản lý diện tích và quản lý rừng đặc dụng, lâm nghiệp theo Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ			0,3 triệu đồng/ha/năm x 5 năm x 18393 ha = 27.589,5 triệu			0			Tập trung triển khai các xã Bản Hồ, Mường Hủa, Tả Van
-	Rừng phòng hộ	18.181 ha				0,3 triệu đồng/ha/năm x 5 năm x 18184 ha = 27.276 triệu			0			Tập trung triển khai các xã Ngũ Chỉ Sơn, Trưng Châu, Hoàng Liên, Liên Minh, Trưng Châu, Tả Phìn, Mường Hồ, Tả Van
-	Rừng sản xuất	5.557 ha	Áp dụng chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hệ thống cứu hộ rừng, quản lý diện tích và quản lý rừng đặc dụng, lâm nghiệp theo Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ			0,3 triệu đồng/ha/năm x 5 năm x 5.557 ha = 8.336 triệu			0			Tập trung tại các xã vùng hạ huyện
296	Phát triển rừng				16.950	3.000		13.950	16.950			
-	Trồng rừng sản xuất	250 ha	Áp dụng chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hệ thống cứu hộ rừng, quản lý diện tích và quản lý rừng đặc dụng, lâm nghiệp theo Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ			8 triệu đồng/ha x 250 ha = 2.000 triệu đồng		11.500	0			Thực hiện tại các xã Mường Hủa, Liên Minh, Bản Hồ, Trưng Châu, Hoàng Liên, Trưng Châu, Tả Phìn, Mường Hồ, Tả Van
-	Khoanh nuôi diện tích rừng phòng hộ	250 ha	Áp dụng chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hệ thống cứu hộ rừng, quản lý diện tích và quản lý rừng đặc dụng, lâm nghiệp theo Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ			3 triệu đồng/ha x 250 ha = 750 triệu đồng			0			Thực hiện tại các xã Mường Hủa, Liên Minh, Trưng Châu, Tả Phìn, Mường Hồ, Tả Van
-	Trồng cây phân tán	50 ha	Áp dụng chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hệ thống cứu hộ rừng, quản lý diện tích và quản lý rừng đặc dụng, lâm nghiệp theo Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ			5 triệu/ha x 50 ha = 250 triệu đồng		2.450	0			Vận dụng quỹ phân bổ của huyện
-	Chuyển toàn bộ diện tích núi đã ra khỏi quy hoạch đất lâm nghiệp	78,86 ha							0			

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (trị giá đồng)				Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó							
						NS tỉnh	NS huyện	Nguồn khác (XHII, ND đóng góp...)					
VII	Chuyển toàn bộ diện tích đất quy hoạch rừng trồng xuất nhưng hiện trạng đang có các nông nghiệp trồng nuôi trồng thủy sản tại khối diện tích quy hoạch Lâm nghiệp	500 ha							0				
297	Dự án nông nghiệp công nghệ cao Đầu tư phát triển vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tập trung tại thôn Cưa Cai, xã Ta Giàng Phìn <i>Quy hoạch chi tiết 1/500</i> <i>Giao phòng mặt bằng</i>	130 ha			950.200	350.200	0	600.000		950.200			
					153.100	153.100	0	0		153.100			
					3.100	3.100				3.100			
					150.600	150.000				150.600			
298	Tiếp tục thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu thu hút đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC tại thôn Cưa Cai, xã Ta Giàng Phìn (đã thực hiện Quy hoạch và GPMB của từ giai đoạn 2019 - 2020) <i>Điện</i> <i>Thủy lợi</i> <i>Đường giao thông nội đồng</i> <i>Nước sinh hoạt</i> <i>Sắp xếp dân cư</i> <i>Trường học</i> <i>Nhà công nghệ, hệ thống tưới tự động</i>	150 ha		2021-2025	332.000	32.000		300.000		332.000	1/2021-2025	Các cơ quan phối hợp liên quan	
					2.500	2.500				2.500			
					6.000	6.000				6.000			
					4.500	4.500				4.500			
					2.000	2.000				2.000			
					12.000	12.000				12.000			
					5.000	5.000				5.000			
					300.000			300.000		300.000			
299	Dự án xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng CNC thôn Sẻo Mỹ Ty xã Ta Van <i>Quy hoạch chi tiết 1/500</i> <i>Điện</i> <i>Thủy lợi</i> <i>Đường giao thông nội đồng</i> <i>Nước sinh hoạt</i> <i>Giao phòng mặt bằng</i> <i>Nhà công nghệ, hệ thống tưới tự động</i>	150 ha		2021-2025	465.100	165.100		300.000		465.100	1/2021-2025	Các cơ quan phối hợp liên quan	
					3.100	3.100				3.100			
					2.500	2.500				2.500			
					3.000	3.000				3.000			
					4.500	4.500				4.500			
					2.000	2.000				2.000			
					150.000	150.000				150.000			
					300.000			300.000		300.000			
VIII	Lao động, việc làm				35.810	29.780	0	6.030		35.810			

STT	Nội dung đề xuất	Quy mô	Giải pháp	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2019-2020	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					Tổng	Trong đó						
						NS tỉnh	NS huyện					
300	Nhu cầu đảo tạo đảo đồng	1181 lượt người		2021-2025	23.810	17.780	6.030		23.810	UBND huyện	Các cơ ngành liên quan	
301	Đầu tư xây dựng Trung tâm hỗ trợ phát triển cộng đồng cung cấp các hoạt động giữa các đảo tạo nghề và việc làm			2021-2025	12.000	12.000			12.000	UBND huyện	Các cơ ngành liên quan	